

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự Án: “Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và
cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP”

Địa điểm: Thôn Phúc B, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Hải Phòng, 2025

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự Án: “Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và
cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP”

Địa điểm: Thôn Phúc B, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



[Signature]
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TON

Hải Phòng, 2025

MỤC LỤC

Chương I	3
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	3
1. Tên chủ cơ sở:.....	3
2. Tên cơ sở.....	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	14
Chương II	18
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,	18
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	18
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
Chương III.....	20
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	20
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	21
1.3. Công trình xử lý nước thải	22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	28
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	37
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	38
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	39
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	39
7. Công trình, biện pháp ứng phó sự cố khác	42
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường.....	44
Chương IV	46
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	46
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	46
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	47

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	48
4. Quản lý chất thải rắn và CTNH	49
Chương V	52
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	52
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	52
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	52
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải	53
Chương VI	57
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	57
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	57
1.1. Các công trình không phải vận hành thử nghiệm.....	57
1.2. Các công trình phải vận hành thử nghiệm.....	57
1.2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	57
1.2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	58
1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.....	58
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	58
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	59
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	59
Chương VII	60
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	60

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu của cơ sở.....	7
Bảng 1.2. Tổng hợp lượng nước sử dụng	10
Bảng 1.3. Tổng hợp nước cấp và nước thải của cơ sở.....	10
Bảng 1.4. Máy móc, thiết bị phụ vụ sản xuất	12
Bảng 1.5. Máy móc, thiết bị phụ vụ cho xử lý chất thải.....	13
Bảng 1.6. Các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở.....	14
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa	20
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt.....	22
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống bể phốt.....	23
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải	25
Bảng 3.5. Thông số thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.....	26
Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước đập bụi lò hơi.....	28
Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý tại khu vực nghiền, ép viên.....	30
Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi lò hơi	33
Bảng 3.9. Số lượng quạt thông gió tại xưởng sản xuất.....	36
Bảng 3.10. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	37
Bảng 3.11. Khối lượng CTNH phát sinh	39
Bảng 3.12. Nguy cơ sự cố của hệ thống xử lý nước thải, nguyên nhân và cách khắc phục.....	40
Bảng 3.13. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường .	44
Bảng 5.1. Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý	52
Thời gian quan trắc: Ngày 25/6/2022 và ngày 31/7/2023.	52
Bảng 5.2. Kết quả phân tích mẫu khí thải khu vực nồi hơi	53
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí.....	55
Sơ đồ 1.1. Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi	4
Sơ đồ 3.1. Quy trình thu thoát nước mưa của cơ sở	20
Sơ đồ 3.2. Quy trình thu gom các dòng nước thải	21
Sơ đồ 3.3. Quy trình xử lý nước thải 12m ³ /ngày đêm	24
Sơ đồ 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi	28
Sơ đồ 3.5. Quy trình hệ thống thu bụi tại khu vực nghiền và ép viên	31
Hình 3.1. Khu vực nạp liệu và thiết bị thu bụi.....	29
Hình 3.2. Cyclon hệ thống thu bụi nghiền liệu	30
Hình 3.2. Khu vực ống khói lò hơi	34
Hình 3.4. Sơ đồ vị trí các điểm xả của cơ sở	51

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ tài nguyên môi trường
STNMT	: Sở Tài nguyên môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
CP	: Chính phủ
CTR	: Chất thải rắn
NĐ	: Nghị định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
GPMT	: Giấy phép môi trường
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban nhân dân
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
VND	: Việt Nam đồng

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Lâm Huy TP (đổi tên từ doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc) được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0800275194 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 06/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25/11/2024.

Năm 2003, Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc thực hiện dự án cơ sở chế biến gỗ và sản xuất đồ gỗ (*văn bản số 77/CV-UB ngày 27/1/2003 của UBND tỉnh Hải Dương*) và năm 2012 Doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường (*Giấy xác nhận số 104/GXN-UBND ngày 17/6/2012 của UBND huyện Cẩm Giàng*).

Năm 2013, Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc điều chỉnh quy mô và bổ sung thêm hoạt động kinh doanh nhà hàng và đã được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận (*Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000702 ngày 16/10/2013 về thực hiện dự án Cơ sở sản xuất, chế biến đồ gỗ và kinh doanh nhà hàng Tân Phúc*).

Năm 2015, Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc tiếp tục điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chuyển đổi sang thực hiện dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ. Được UBND tỉnh Hải Dương đồng ý cấp quyết định chủ trương đầu tư (Quyết định số 1860/QĐ –UBND, ngày 23/1/2015). Năm 2017 Doanh nghiệp lập Đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ và được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường (*Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018*) với quy mô sản xuất thức ăn chăn nuôi (13.500 tấn/năm (thức ăn gia súc 9.000 tấn/năm; thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm); Sản xuất chế biến đồ gỗ (salon 150 bộ/năm; tủ 100 sản phẩm/năm; giường 100 sản phẩm/năm; tủ bếp 50 sản phẩm/năm; bàn ăn 100 bộ/năm, ván lát sàn 4.000m²/năm) và các công trình xử lý chất thải.

Tháng 6/2018 Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp tư nhân lên Công ty TNHH Lâm Huy TP và điều chỉnh loại hình kinh doanh, được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng (*Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018*, theo đó quy mô dự án:

- + Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (thức ăn gia súc 9.000 tấn/năm; thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm);
- + Sản xuất chế biến đồ gỗ (salon 75 bộ/năm; tủ 50 sản phẩm/năm; giường 50 sản phẩm/năm; tủ bếp 25 sản phẩm/năm; bàn ăn 50 bộ/năm, ván lát sàn 2.000m²/năm).
- + Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho, tổng diện tích sàn cho thuê 2.843,7m².

Do nguồn khách hàng bị hạn chế, vì vậy từ năm 2019 đến nay công ty chỉ thực hiện 02 sản xuất kinh doanh gồm: sản xuất thức ăn chăn nuôi và cho thuê nhà xưởng.

Căn cứ quy mô sản xuất, vốn đầu tư đối chiếu các quy định về bảo vệ môi trường, Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP thuộc mục số II.2, phụ lục V, phụ lục kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Theo khoản 1, điều 39 và mục c, khoản 3, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, dự án thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét tiếp nhận, trình UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép môi trường.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Lâm Huy TP tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Dự án Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP với 02 loại hình sản xuất, kinh doanh: sản xuất thức ăn chăn nuôi và cho thuê nhà xưởng theo hướng dẫn tại phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2024 của Chính phủ trình cơ quan quản lý Nhà nước xem xét cấp Giấy phép môi trường.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

Công ty TNHH Lâm Huy TP

- Địa chỉ văn phòng: thôn Phúc B, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng (xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cũ).

- Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân Tôn

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0220.2212256

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên mã số doanh nghiệp 0800275194 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 06/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25/11/2024.

2. Tên cơ sở:

Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP.

- Địa chỉ cơ sở: thôn Phúc B, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng (xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cũ).

- Quyết định chủ trương đầu tư số 2251/QĐ-UBND do UBND tỉnh Hải Dương cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 05 tháng 7 năm 2018.

- Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường: Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc.

- Quy mô của cơ sở: (tổng vốn dự án 48.468.428.000 VND - thuộc dự án nhóm C theo khoản 4, Điều 9 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

- Yếu tố nhạy cảm: Không có

- Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ: sản xuất thức ăn chăn nuôi; cho thuê nhà xưởng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Nhóm III.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

** Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2251/QĐ-UBND do UBND tỉnh Hải Dương cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 05 tháng 7 năm 2018, quy mô công suất của cơ sở:*

+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (thức ăn gia súc 9.000 tấn/năm; thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm);

+ Sản xuất chế biến đồ gỗ (salon 75 bộ/năm; tủ 50 sản phẩm/năm; giường 50 sản phẩm/năm; tủ bếp 25 sản phẩm/năm; bàn ăn 50 bộ/năm, ván lát sàn 2.000m²/năm).

+ Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho, tổng diện tích sàn cho thuê 2.843,7m²

* Thực tế tại cơ sở (xin cấp giấy phép môi trường)

- Về sản xuất:

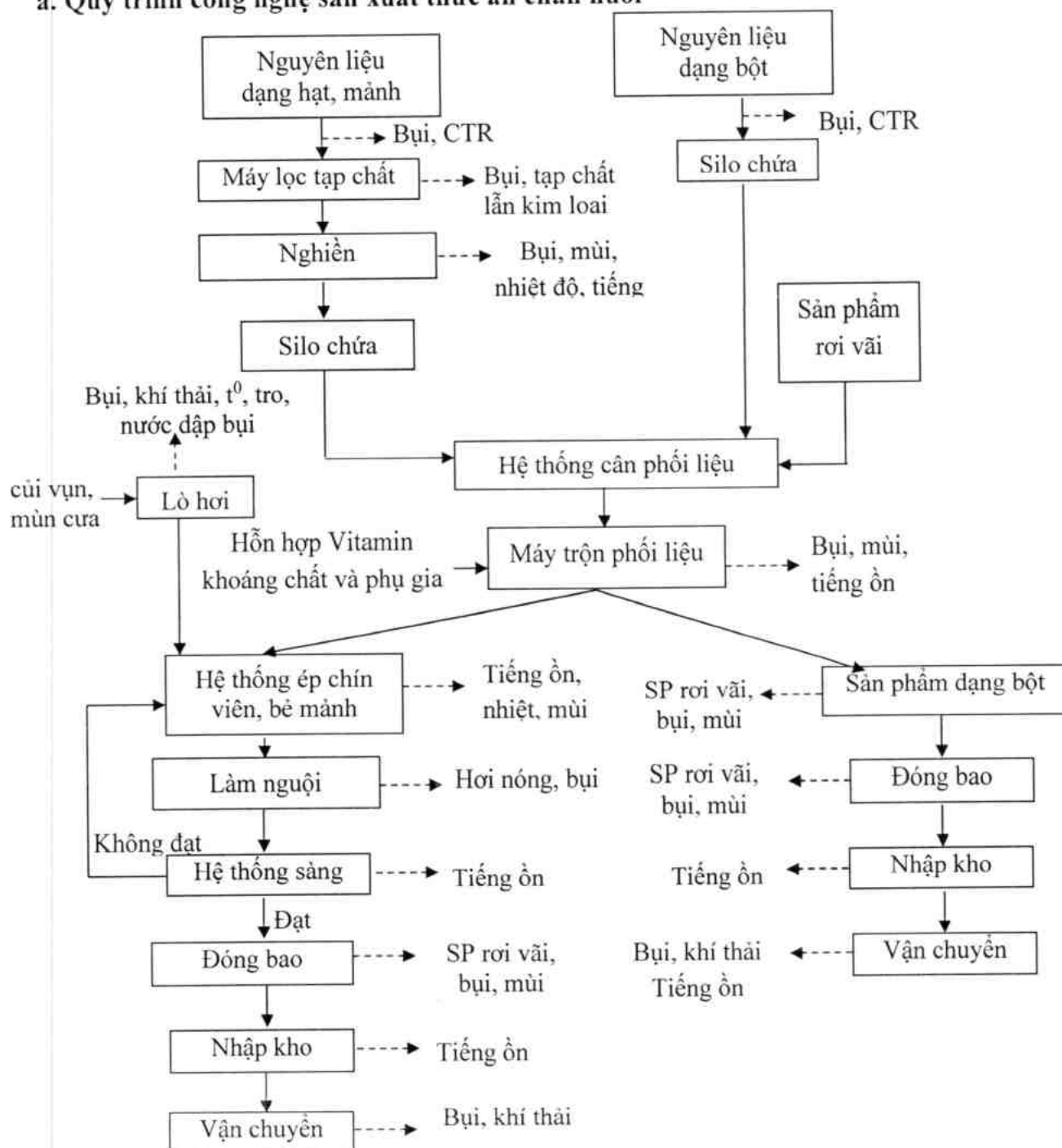
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (thức ăn gia súc 9.000 tấn/năm; thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm);

+ Sản xuất chế biến đồ gỗ: đã dừng hoạt động từ năm 2019.

- Về hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho, tổng diện tích sàn cho thuê 2.843,7m².

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi



Sơ đồ 1.1. Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi

*** Thuyết minh quy trình sản xuất**

Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi tại cơ sở được thiết kế theo dây chuyền công nghệ khép kín, sử dụng chung cho cả sản phẩm thức ăn gia súc và gia cầm. Sự khác biệt giữa các sản phẩm chủ yếu nằm ở công thức phối trộn, mức độ nghiền mịn và kích thước viên, không làm thay đổi bản chất công nghệ hay các công đoạn sản xuất.

Nguyên liệu đầu vào gồm nguyên liệu dạng hạt, mảnh (ngô, sắn, khô đậu tương...), nguyên liệu dạng bột, cùng hỗn hợp vitamin, khoáng chất và phụ gia. Sau khi nhập kho, nguyên liệu được kiểm tra và lưu trữ trong kho hoặc silo chứa; quá trình này phát sinh bụi và chất thải rắn thông thường từ bao bì, tạp chất.

Nguyên liệu dạng hạt, mảnh được đưa qua máy lọc tạp chất để loại bỏ tạp chất và kim loại, sau đó chuyển sang công đoạn nghiền nhằm đạt kích thước phù hợp. Nguyên liệu sau nghiền được đưa vào silo chứa nghiền. Công đoạn nghiền phát sinh bụi, tiếng ồn và nhiệt cục bộ.

Nguyên liệu sau nghiền cùng với nguyên liệu dạng bột được định lượng bằng hệ thống cân phối liệu, sau đó đưa vào máy trộn để trộn đều theo công thức sản phẩm. Quá trình phối trộn có thể phát sinh bụi, mùi và tiếng ồn; phần sản phẩm rơi vãi được thu gom và hoàn lưu lại dây chuyền sản xuất.

Tùy theo loại sản phẩm, hỗn hợp sau trộn được xử lý theo hai hướng. Đối với sản phẩm dạng viên hoặc mảnh, hỗn hợp được đưa vào hệ thống ép chín – tạo viên, bẻ mảnh, sử dụng hơi nóng cung cấp từ lò hơi đốt nhiên liệu sinh khối (củi vụn, mùn cưa). Quá trình này phát sinh nhiệt, hơi nóng, mùi, tiếng ồn; khí thải lò hơi gồm bụi, khí thải, tro xỉ và nước dập bụi. Sản phẩm sau ép viên được làm nguội, sau đó qua hệ thống sàng để phân loại; sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn đóng bao, sản phẩm không đạt (viên vỡ, bụi mịn) được thu hồi và hoàn lưu lại công đoạn phối trộn hoặc ép viên.

Đối với sản phẩm thức ăn dạng bột, hỗn hợp sau trộn không qua công đoạn ép viên mà được chuyển trực tiếp đến công đoạn đóng bao. Tại đây, sản phẩm được cân định lượng, đóng bao và vận chuyển vào kho thành phẩm. Công đoạn đóng bao và vận chuyển phát sinh bụi, sản phẩm rơi vãi và tiếng ồn. Toàn bộ sản phẩm sau khi đóng bao được nhập kho thành phẩm để lưu trữ và xuất bán.

+ Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc và gia cầm tại cơ sở về cơ bản sử dụng chung dây chuyền công nghệ, bao gồm các công đoạn: tiếp nhận và lưu trữ nguyên liệu; nghiền; phối trộn theo công thức; xử lý nhiệt và ép viên (hoặc dạng bột); làm nguội; đóng bao và bảo quản thành phẩm. Sự khác biệt giữa sản phẩm gia súc và gia cầm chủ yếu nằm ở công thức phối trộn, mức độ nghiền mịn và kích thước viên, không làm thay đổi bản chất công nghệ. Do đó, nguồn phát sinh chất thải và biện pháp bảo vệ môi trường là tương đồng cho cả hai loại sản phẩm.

+ Các nguồn phát sinh chất thải trong quá trình sản xuất chủ yếu từ công đoạn nạp liệu, nghiền, ép viên làm khô và đóng bao. Công ty đã trang bị hệ thống chụp hút, quạt hút, thiết bị lọc bụi bằng Cyclon và lọc bụi túi kèm dây chuyền sản xuất tại các công đoạn phát sinh bụi nêu trên để thực hiện thu hồi bụi tránh thất thoát nguyên liệu và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

+ Nguyên liệu được nhập về số lượng đảm bảo nhu cầu sản xuất, không tích trữ lâu dài để hạn chế tình trạng hỏng liệu. Tuy nhiên với các nguyên liệu bị nấm mốc, hư hỏng do bảo quản, yếu tố thời tiết... không sử dụng sản xuất.

+ Với quy mô công suất nhỏ, Cơ sở không tiến hành đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm. Cơ sở sẽ gửi mẫu phân tích tại Phòng phân tích thức ăn và sản phẩm chăn nuôi - Viện Chăn nuôi tại Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội.

b. Hoạt động cho thuê nhà xưởng

Tổng diện tích nhà xưởng, văn phòng và cho thuê theo chấp thuận chủ trương đầu tư là 2.843,7m². Tại thời điểm lập giấy phép môi trường, đang có Công ty TNHH UIL ULTRANSONIC Việt Nam thuê. Trách nhiệm của 02 bên khi thực hiện hợp đồng thuê và cho thuê nhà xưởng, văn phòng như sau:

+ Đơn vị thuê nhà xưởng, văn phòng: Có trách nhiệm tự hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường như lập báo cáo xin cấp phép môi trường; chịu trách nhiệm lắp đặt và xử lý các nguồn phát sinh khí thải nếu có phát sinh; thu gom, phân loại rác tại nguồn và trả phí vận chuyển, xử lý chất thải; thu gom và thuê xử lý nước thải sản xuất nếu có phát sinh; lắp đặt bổ sung các thiết bị PCCC trong phạm vi xưởng thuê theo quy định để đảm bảo công tác PCCC.

+ Công ty TNHH Lâm Huy TP (đơn vị cho thuê): về nhà xưởng bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp hoặc sửa chữa khi có sự xuống cấp hoặc ảnh hưởng do thiên tai; về hoạt động môi trường lập báo cáo xin cấp giấy phép môi trường của đơn vị, thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong cơ sở (bao gồm của đơn vị thuê nhà xưởng); thu gom và thuê xử lý chất thải rắn từ hoạt động sản xuất phát sinh theo quy định; lắp đặt các trang thiết bị PCCC chữa cháy trong và ngoài công trình; cung cấp nguồn nước PCCC đến từng xưởng (bao gồm nhà xưởng cho thuê).

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Công ty TNHH Lâm Huy TP đã dừng hoạt động sản xuất các sản phẩm gỗ từ năm 2019, vì vậy tại thời điểm xin cấp giấy phép môi trường cơ sở sản xuất quy mô như sau:

- Sản phẩm thức ăn chăn nuôi: 13.500 tấn/năm, trong đó:

+ Thức ăn cho gia súc: 9.000 tấn/năm

+ Thức ăn cho gia cầm: 4.500 tấn/ năm.

- Hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho: Tổng diện tích sàn cho thuê 2.843,7m².

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu của cơ sở

TT	Loại nguyên liệu	Định mức (kg/tấn)	Khối lượng
I	Nguyên liệu sản xuất sản xuất thức ăn gia súc		
1	Ngô	435	3915
2	Sắn	100	900
3	Cám mỳ bột	150	1350
4	Khô cải	20	180
5	Khô đậu tương	200	1800
6	Khô dừa	20	180
7	DDGS (bã ngô sấy khô)	30	270
8	Bột thịt xương	33	297
9	Mỡ cá	7	63
10	Rỉ mật	10	90
11	Bột xương	10	90
12	Muối	3,6	32,4
13	Bột đá mịn	10	90
14	Lysine	1,1	9,9
15	Threonine (axit amin)	0,4	3,6
16	Choline (vitamin)	0,5	4,5
17	CuSO ₄	0,3	2,7
18	Phytase (Enzyme thủy phân acid phytic (phytate))	0,1	0,9
19	Ngọt tổ	0,3	2,7
20	Hương sữa	0,5	4,5
21	Feed Curb (ức chế nấm mốc)	0,5	4,5
22	Pep 1000 (hỗn hợp enzyme)	0,8	7,2
23	Super red (giúp da đỏ)	0,2	1,8
24	Chlortetracycline 15%	0,7	6,3
25	Endox (chống oxi hóa)	0,2	1,8
II.	Nguyên liệu sản xuất, sản xuất gia cầm		
1	Ngô	620	2790
2	Khô cải	20	90

3	Khô đậu tương	255	1147,5
4	DDGS (bã ngô sấy khô)	28	126
5	Bột thịt xương	25	112,5
6	Bột cá	35	157,5
7	Dầu lạnh	10	45
8	Mỡ cá	10	45
9	Bột xương	16	72
10	Muối	2,8	12,6
11	Lysine	1,8	8,1
12	Methionine (axit amin)	1,8	8,1
13	Threonine (axit amin)	0,7	3,15
14	Choline (vitamin)	0,7	3,15
15	CuSO ₄	0,5	2,25
16	NaHCO ₃ (Natri bicarbonat)	1	4,5
17	Phytase (Enzyme thủy phân acid phytic (phytate))	0,1	0,45
18	Carophyll Red (phụ gia màu đỏ)	0,2	0,9
19	Biophyll Yellow (phụ gia màu vàng)	0,5	2,25
20	Feed Curb (ức chế nấm mốc)	1	4,5
21	Mycofix Select (phụ gia xử lý độc tố nấm mốc)	0,8	3,6
22	Colistin 10%	0,2	0,9
23	BMP (cung cấp canxi, photpho)	0,5	2,25
24	Salinomycin (kháng sinh)	0,5	2,25
25	Endox (chống oxi hóa)	0,2	0,9
Tổng (I+II)		2.066,5	13.953,15

*** Đặc tính của một số loại nguyên liệu sử dụng:**

- Bột đá mịn, bột thịt xương: Tác dụng bổ sung các khoáng chất cần thiết cho vật nuôi. Bột thịt, bột xương có tác dụng kích thích ăn uống, cung cấp các thành phần dinh dưỡng như: Protein thô, các axit amin như methionine và tryptophan, các khoáng (Ca, P và Mg), vitamin B1. Bột cá có tác dụng cung cấp các thành phần dinh dưỡng như: Protein thô (30 - 60%), chất bột đường (3 - 10%), chất béo (1 - 12%). Ngoài ra, còn chứa các chất khoáng như: Canxi (2,8 - 8%), photpho (1,6 - 3,2%) và một số vitamin như B1, B2, B12...

- DDGS: là phụ phẩm của quá trình chiết xuất etanol từ ngũ cốc. Trong quá

trình lên men, tinh bột ngũ cốc được chuyển hóa thành rượu etylic và CO₂, do đó nồng độ của các chất dinh dưỡng còn lại trong phần bã tăng lên khoảng 2-3 lần. DDGS chứa một lượng lớn protein thô, amino axit, photpho và các dưỡng chất cần thiết khác cho gia súc, gia cầm.

- Các loại axit amin: axit amin rất cần cho hoạt động sống có vai trò tổng hợp protein, là chìa khóa cho việc sản xuất các enzyme, hormone và các kháng thể giúp cơ thể tăng cường sức đề kháng và chống lại bệnh tật. Cơ thể không tự tổng hợp được axit amin này mà được cung cấp qua nguồn thức ăn. Các loại axit amin sử dụng như: Choline, Methionine, Threonine, Lysine

- Enzim Phytase: Phytase là men tiêu hoá giúp giải phóng lượng photpho bị giữ trong các phân tử phytate, không những bổ sung lượng photpho mà con vật có thể sử dụng, giải phóng các nguyên tố vi lượng tạo phức với acid phytic (Zn²⁺, Fe²⁺) giúp tăng cường các enzym tiêu hoá đặc biệt là protein và axit amin. Do đó sử dụng men phytase không chỉ giúp làm giảm giá thành thức ăn, tăng năng suất chăn nuôi, mà phytase còn có tác dụng làm giảm mùi hôi, giúp cải thiện môi trường chăn nuôi.

- Feed curb: Chất chống mốc, Chống oxy mốc trong thức ăn chăn nuôi.
- Endox: Chất chống oxy hoá trong thức ăn chăn nuôi.
- CuSO₄: Bổ sung khoáng vi lượng Đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi.
- NaHCO₃: Bổ sung Na trong thức ăn chăn nuôi.
- Ngọt tố: Chất tạo vị ngọt bổ sung trong thức ăn chăn nuôi.
- Hương sữa: Bổ sung hương sữa trong thức ăn chăn nuôi.
- Carophyll red, super red: Cung cấp sắc tố đỏ trong thức ăn chăn nuôi.
- Biophyll yellow: Bổ sung sắc tố cho gà đẻ
- **Colistin: Nhằm tăng năng suất vật nuôi.**
- Salinomycin: Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn cho vật nuôi.
- BMP: Bổ sung Selenium, Cobal trong thức ăn chăn nuôi.
- CTC: kháng sinh clotetracyclin trong thức ăn chăn nuôi.

b. Nhu cầu về điện, nước và hóa chất khác

*** Nhu cầu sử dụng nước**

- Nguồn cấp nước: Từ mạng lưới cấp nước sạch của địa phương. Nước cấp vào qua đồng hồ đo cấp cho các hoạt động lò hơi, sinh hoạt của cơ sở. Đối với đơn vị thuê nhà xưởng được lắp đặt đồng hồ đo riêng, hàng tháng trả phí theo số lượng sử dụng.

- *Nhu cầu nước phục vụ cho Công ty Lâm Huy TP:* theo hóa đơn tiền nước năm 2024 được tổng hợp như sau:

Bảng 1.2. Tổng hợp lượng nước sử dụng

STT	Tháng	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng nước
1	1/2024	m ³ /tháng	78
2	2/2024	m ³ /tháng	65
3	3/2024	m ³ /tháng	56
4	4/2024	m ³ /tháng	53
5	5/2024	m ³ /tháng	90
6	6/2024	m ³ /tháng	81
7	7/2024	m ³ /tháng	93
8	8/2024	m ³ /tháng	85
9	9/2024	m ³ /tháng	90
10	10/2024	m ³ /tháng	110
11	11/2024	m ³ /tháng	136
12	12/2024	m ³ /tháng	150

(Đính kèm hóa đơn tại phụ lục)

*** Xác định nước cấp, nước thải cho từng hạng mục (sản xuất và sinh hoạt)**

Cơ sở dữ liệu xác định

+ Công suất sản xuất: 13.500 tấn/năm

+ Số ngày sản xuất: 300 ngày/năm

→ Sản lượng trung bình: 45 tấn/ngày

+ Hóa đơn nước tháng cao nhất: 150 m³/tháng

→ Nước cấp tối đa: 5,0 m³/ngày

+ Số lao động: 10 người

+ Lò hơi: 2 tấn hơi/giờ (vận hành gián đoạn, có thu hồi nước ngưng)

Căn cứ hóa đơn sử dụng nước trong tháng cao nhất (150 m³/tháng), lượng nước cấp trung bình của cơ sở khoảng 5,0 m³/ngày. Xác định tổng hợp cân bằng nước cấp và nước thải như sau:

Bảng 1.3. Tổng hợp nước cấp và nước thải của cơ sở

T	Hạng mục	Nước cấp	Nước thải	Ghi chú
1	Cấp nước lò hơi tạo hơi phục vụ ép viên	3,3 - 3,7	0,0	Định mức $\leq 0,15$ m ³ /tấn sản phẩm Bổ sung hao hụt, không phát sinh nước thải
2	Cấp bổ sung xử lý khí thải lò hơi	1,2	0,0	Bổ sung hao hụt, không phát sinh nước thải
3	Sinh hoạt công nhân (10 người)	0,25	0,25	Phát sinh nước thải
Tổng cộng		4,5 – 5,0	0,25	Phù hợp hóa đơn 150 m ³ /tháng

Như vậy nước cấp cho các hoạt động của Công ty Lâm Huy TP dao động từ khoảng 4,5-5 m³/ngày. Nước cấp sinh hoạt trung bình khoảng 0,25m³/ngày.

- Nhu cầu nước sử dụng của đơn vị thuê nhà xưởng

- + Đơn vị thuê nhà xưởng không phát sinh nước thải sản xuất;
- + Số lượng công nhân hiện tại là 70 người;
- + Hóa đơn nước tháng: 42 m³/tháng
→ Nước cấp hiện tại là: 1,75 m³/ngày

Dự kiến số lượng công nhân của đơn vị thuê nhà xưởng cao nhất tăng lên đến tối đa 200 người. Khi đó nước cấp sử dụng là 9m³/ngày (45 lít/người, Theo bảng 4 TCVN 13606:2023).

➤ Như vậy tổng lượng nước cấp sinh hoạt của Công ty TNHH Lâm Huy TP và đơn vị thuê nhà xưởng là: 0,25 m³/ngày + 9 m³/ngày = 9,25 m³/ngày.

Theo nghị định số 22/VBHN- BXD ngày 17/5/2024 về thoát nước thải, thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước sử dụng. Vậy lượng nước thải sinh hoạt phát sinh theo định mức là 9,25 m³/ngày.

Công ty TNHH Lâm Huy TP chịu trách nhiệm thu toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở và đơn vị cho thuê về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Để đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh và nâng cao hiệu quả xử lý, năm 2025, Công ty đã hoàn thiện lắp đặt 01 hệ thống xử lý mới công suất 12m³/ngày đêm xử lý bằng phương pháp MBBR thay thế cho hệ thống 10m³/ngày đêm xử lý bằng phương pháp AO (đã được phê duyệt trong Đề án bảo vệ môi trường).

*** Nhu cầu sử dụng điện năng**

- Theo hóa đơn sử dụng điện của Công ty, nhu cầu sử dụng điện năng trung bình 27.250 Kwh/tháng.

- Nguồn sử dụng điện năng: Nguồn điện được lấy từ lưới điện cấp cho khu vực do Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương cung cấp.

*** Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất**

- Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

+ Công ty sử dụng củi, mùn cưa phục vụ cho nồi hơi công suất 2.000 tấn hơi/h. Lượng củi, mùn cưa sử dụng là 468kg/h. Như vậy lượng mùn cưa, củi sử dụng 1 năm khoảng 1.348 tấn/năm.

+ Dầu bảo dưỡng máy móc sử dụng: lượng sử dụng khoảng 600kg/năm bao gồm sử dụng dầu bôi trơn, dầu bảo dưỡng cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các thiết bị như máy nghiền, máy trộn, máy ép viên, băng tải, quạt hút và máy nén khí.

+ Dầu diesel dùng cho xe nâng 1,5 tấn dao động từ 180 - 200 lít/tháng (phụ thuộc vào số giờ xe làm việc).

- Nhu cầu sử dụng hóa chất:

+ **Đối với sản xuất cám:** Công ty không có phòng thí nghiệm, vì vậy không sử dụng hóa chất cho hoạt động kiểm nghiệm sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

+ Hóa chất phục vụ xử lý nước: Hóa chất khử trùng Javen 10%, định lượng 3g/m³. Như vậy lượng sử dụng khoảng 1,1kg/tháng.

c. Nhu cầu về máy móc, thiết bị

Máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.4. Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng	
I	Công đoạn nạp liệu					
1	Cửa nạp liệu thô, liệu bột	Cái	03	Trung Quốc	Hoạt động bình thường	
2	Filter hút bụi cửa nạp liệu	Cái	02	Trung Quốc		
3	Máy đập sản công suất 15 tấn/h	Cái	01	Trung Quốc		
4	Xích tải liệu thô 250	Cái	01	Trung Quốc		
5	Xích tải liệu bột 250	Cái	01	Trung Quốc		
6	Gầu tải liệu thô	Cái	01	Trung Quốc		
7	Gầu tải liệu bột	Cái	01	Trung Quốc		
8	Sàng lọc thô, bột	Cái	02	Trung Quốc		
II	Công đoạn nghiền					
9	Nam châm hút sắt	Cái	02	Trung Quốc		
10	Bình nghiền	Cái	02	Trung Quốc		
11	Cửa xả liệu nghiền, hộp chống tắc	Cái	01	Trung Quốc		
12	Vít cấp liệu cho máy nghiền	Cái	01	Trung Quốc		
13	Máy nghiền dạng búa	Cái	01	Trung Quốc		
14	Filter hút bụi cho dạng máy nghiền	Cái	01	Trung Quốc		
15	Thùng chứa liệu sau máy nghiền	Cái	01	Trung Quốc		
16	Vít tải bột sau nghiền	Cái	01	Trung Quốc		
III	Công đoạn trộn					
17	Gầu tải bột sau nghiền	Cái	01	Trung Quốc		
18	Van chia 8 ngã	Cái	02	Trung Quốc		
19	Thùng chứa liệu bột 1 + hộp chống tắc	Cái	09	Trung Quốc		
20	Thùng chứa liệu bột 2 + hộp chống tắc	Cái	03	Trung Quốc		
21	Vít tải cấp liệu phối L1	Cái	12	Trung Quốc		

Công ty TNHH Lâm Huy TP

22	Cửa nạp Mix	Cái	01	Trung Quốc
23	Trạm cân phối trộn liệu	Cái	02	Trung Quốc
24	Máy trộn ngang một trục công suất 1,5 tấn/mẻ	Cái	01	Trung Quốc
25	Thùng chứa bột sau trộn	Cái	01	Trung Quốc
26	Vít tải bột sau trộn	Cái	01	Trung Quốc
27	Hệ thống cấp mật mỡ theo mẻ cho máy trộn	HT	01	Trung Quốc
IV Công đoạn ép viên				
28	Gầu tải bột sau trộn	Cái	01	Trung Quốc
29	Van hai ngã	Cái	03	Trung Quốc
30	Bin ép viên – Hộp chống tắc	Cái	02	Trung Quốc
31	Cửa xả bột cho máy ép viên	Cái	02	Trung Quốc
32	Máy ép viên	Cái	01	Trung Quốc
33	Buồng sấy lạnh	Cái	01	Trung Quốc
34	Máy bề mặt	Cái	01	Trung Quốc
35	Hệ thống cyclon làm mát viên	Cái	01	Trung Quốc
36	Hệ thống khử mùi	HT	01	Trung Quốc
V Công đoạn đóng gói				
37	Gầu tải viên	Cái	01	Trung Quốc
38	Sàng phân loại	Cái	01	Trung Quốc
39	Van hai ngã	Cái	05	Trung Quốc
40	Bin thành phẩm	Cái	04	Trung Quốc
41	Van hai ngã	Cái	03	Trung Quốc
42	Cân đóng bao tự động	Cái	01	Trung Quốc
43	Băng tải máy bao thành phẩm	Cái	01	Trung Quốc
44	Tủ điện điều khiển trung tâm	Cái	01	Trung Quốc
45	Báo mức trên	Cái	25	Trung Quốc
46	Báo mức dưới – điện dung	Cái	28	Trung Quốc
47	Khung đỡ, giàn thao tác	Cái	01	Việt Nam

Bảng 1.5. Máy móc, thiết bị phụ vụ cho xử lý chất thải

TT	Máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng hoạt động
1	Hệ thống xử lý khí thải nổi hơi (quạt hút, bể đập bụi, ống thoát khí)	HT	01	Trung Quốc	Hoạt động bình thường

2	Hệ thống xử lý bụi đi kèm dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi	-	-	-	-
2.1	Hệ thống lọc bụi công đoạn nạp liệu	HT	01	Trung Quốc	
2.1	Hệ thống lọc bụi công đoạn nghiền	HT	01		
2.2	Hệ thống lọc bụi công đoạn ép viên	HT	01	Trung Quốc	
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt chung (bơm nước, bơm cấp khí, đường ống dẫn, vật tư khác...)	HT	01	Việt Nam	
4	Hệ thống thông gió (cửa sổ, quạt)	HT	01	Việt Nam	

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

a. Diện tích đất sử dụng và các hạng mục công trình xây dựng

Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở là 10.000m², công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 567920 ngày 08/6/2017. Các hạng mục công trình trên khu đất của cơ sở như sau:

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở

TT	Hạng mục xây dựng	Diện tích (m ²)	Năm xây dựng và cải tạo	Hiện trạng
I	Công trình phục vụ sản xuất của Công ty TNHH Lâm Huy TP			
1	Xưởng sản xuất (khu vực sản xuất + kho + khu vực nổi hơi)	1.553,2	2003	HĐBT
2	Xưởng sản xuất đồ gỗ	1.795,5	2003/2018	Dừng hoạt động
3	Nhà điều hành	206	2013	HĐBT
4	Nhà bảo vệ	42	2003	HĐBT
5	Nhà để xe (2 nhà x 25m ²)	50	2003	HĐBT
6	Trạm biến áp treo	00	2003/2015	HĐBT
7	Bể chứa nước + trạm bơm PCCC	40	2003	HĐBT
II	Công trình cho thuê			
1	Nhà xưởng	2.166	2003/2018	HĐBT
2	Văn phòng cho thuê	428,1	2003/2018	HĐBT
III	Công trình bảo vệ môi trường			
1	Kho chứa chất thải	10	2003	HĐBT
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	50	2017	HĐBT
3	Hệ thống xử lý bụi nổi hơi	01 HT	2012	HĐBT
4	Hệ thống xử lý bụi dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi	03 HT	2015	HĐBT
IV	Công trình hạ tầng			
1	Bồn hoa, cây xanh	989.2	2003	-
2	Sân đường nội bộ	2650		-

Ghi chú: HTBT- Hoạt động bình thường

❖ Kiến trúc các hạng mục công trình nhà xưởng

- Các công trình nhà xưởng đều xây dựng 01 tầng. Có kiến trúc và kết cấu tương tự nhau và xây dựng theo kiểu nhà công nghiệp, sử dụng khung dầm nhà tiền chế Zamin, kết cấu khung thép, tường xây bằng gạch cao 1,8m, phía trên bưng tôn tới mái. Mái lợp tôn sóng công nghiệp, có cửa trời, móng bê tông cốt thép mác 250 có hệ giằng bao quanh. Xung quanh các khu nhà này đều có cửa sổ thông gió. Do đặc điểm của loại hình sản xuất thức ăn chăn nuôi vì vậy chiều cao công trình nhà nạp liệu và điều khiển 14,5m.

- Nhà văn phòng: Kết cấu BTCT, tường xây gạch, trát vữa xi măng cát vàng, quét sơn trần đồ bê tông, mái lợp ngói. Cửa sổ và cửa ra vào là cửa gỗ và cửa kính khung nhôm.

- Nhà bảo vệ: kết cấu BTCT, xây gạch, trát vữa xi măng cát vàng, đồ mái bằng và lợp tôn chống nóng, nền lát gạch liên doanh, có 01 cửa ra vào bằng cánh gỗ.

- Nhà để xe: Kết cấu khung thép chịu lực, mái lợp tôn, một mặt giáp tường rào của Cơ sở.

❖ Hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật

*** Hệ thống giao thông:**

Sân đường nội bộ được lu nền, hệ số $K = 0,9$; kết cấu mặt đường bằng bê tông. Cụ thể như sau (theo chiều từ trên xuống):

- + Lớp bê tông đá 2x4 dày 15cm.
- + Lớp đá cấp phối lu nền chặt dày 15cm.
- + Nền cát đầm chặt $K = 0,9$ dày 30 cm.

Mặt cắt của tuyến đường giao thông chính rộng từ 7-10m, đảm bảo cho xe vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và xe cứu hỏa có thể chạy xung quanh nhà xưởng.

*** Hệ thống cấp điện:**

Nguồn điện được cấp qua trạm biến áp 800 KVA sau đó cung cấp cho các hoạt động của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng bằng các hệ thống dây dẫn, đồng hồ đo riêng biệt.

*** Hệ thống cấp nước:**

Nước cấp cho Cơ sở chủ yếu phục vụ vào mục đích sinh hoạt, nước cấp lò hơi và xử lý khí lò hơi. Cơ sở sử dụng nguồn nước sạch do Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương cấp. Nước sạch qua đồng hồ đo và được bơm lên bồn chứa inox, bể chứa nước. Nước được cấp cho các khu vực sử dụng qua hệ thống đường ống nhựa PVC (kích thước Ø60) tới khu sản xuất, khu vệ sinh, đường ống cấp nước được thiết kế đi âm tường.

- *Hệ thống cây xanh:* Công ty trồng cây cảnh xung quanh nhà xưởng và phía trước cơ sở, tạo một môi trường không gian xanh.

- **Hệ thống PCCC:** Công ty TNHH Lâm Huy TP lắp đặt và trang bị các phương tiện PCCC để đảm bảo ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Công ty TNHH Lâm Huy TP

Các hạng mục công trình thu gom xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

*** Hệ thống thoát nước**

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: bao gồm hệ thống thu nước mưa trên mái và nước mưa bề mặt. Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu vực mặt bằng công ty được thu gom vào hệ thống cống thoát bằng bê tông D600 đặt ngầm chạy phía trước các nhà xưởng. Tổng chiều dài tuyến cống thu nước D600 là 130m, độ dốc hệ thống $i = 0,3\%$; khoảng cách 10m bố trí 1 hố ga kích thước 1m x 1m x 1,2m, tất cả có 11 hố ga lắng cặn. Nước mưa sau khi thu gom được thoát ra mương thoát nước nằm phía trước cơ sở tại 01 điểm xả.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

- *Đối với nước thải sinh hoạt:*

Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống uPVC D110, độ dốc 1,5%, dài 35,6m tự chảy về hệ thống xử lý nước tập trung để xử lý. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 10m³/ngày.đêm với công nghệ AO bằng các bể xây chìm. Hệ thống được đánh giá trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được phê duyệt theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10 tháng 1 năm 2018. Hiện nay, để đảm bảo công suất xử lý, tính ổn định về hiệu quả xử lý, Công ty đã hoàn thiện việc thay thế hệ thống cũ bằng 01 hệ thống xử lý mới công suất 12m³/ngày với biện pháp xử lý MBBR.

Nước thải sau xử lý theo đường ống HDPE DN200, dài 5 m thoát vào mương thoát nước chung của khu vực nằm phía trước cơ sở. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', vĩ độ 3⁰):

X(m): 2316253; Y (m) 573506

- *Đối với nước thải sản xuất:*

+ Hoạt động sản xuất cám: Không phát sinh nước thải

+ Đối với nước dập bụi khí lò hơi: được tuần hoàn sử dụng không thải ra ngoài.

Định kỳ 03 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút cặn tại bể chứa, vận chuyển mang đi xử lý.

*** Công trình xử lý bụi và khí thải**

- Để đảm bảo môi trường làm việc trong quá trình sản xuất, nhà xưởng được thiết kế thông gió tự nhiên với hệ thống các cửa sổ thông thoáng xung quanh nhà xưởng kết hợp với các cửa chính.

- Đối với dây chuyền sản xuất cám, Công ty đã lắp đặt các hệ thống thu hồi bụi (Cylon, lọc bụi túi vải) đi kèm theo dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

*** Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn:**

Công ty đã xây dựng kho chứa đảm bảo an toàn và phân riêng từng loại chất

thải, có biển báo theo đúng quy định.

+ Diện tích của kho chứa chất thải nguy hại là: 5m², nền đổ xi măng, mái lợp tôn. Thực hiện lắp đặt biển cảnh báo, quản lý chất thải đảm bảo quy định.

+ Diện tích của kho chứa chất rắn thông thường là: 5m², nền đổ xi măng, mái lợp tôn. Thực hiện lắp đặt biển cảnh báo, thiết bị PCCC ban đầu đảm bảo quy định.

b. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư là: 48.468.428.000 VNĐ (Bốn mươi tám tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng).

c. Nhu cầu về lao động, thời gian làm việc

- Tổng số lao động làm việc tại cơ sở là: 10 người. Số lao động của đơn vị thuê nhà xưởng dự kiến tối đa là 200 người.

- Số ngày làm việc: 6 ngày/tuần;

- Số giờ làm việc: 8h/ngày

Tăng ca nếu có sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp và công nhân. Chế độ tăng ca theo quy định của pháp luật. Nghỉ ngày chủ nhật và các ngày lễ tết theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

d. Tiến độ và thời gian thực hiện

Thời gian hoạt động của dự án theo giấy chứng nhận đầu tư cấp ngày 5/7/2018: đến ngày 22/4/2028.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển

Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được cấp thuận chủ trương đầu tư năm 2018, triển khai trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, là phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và quy hoạch ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn tương ứng. Cụ thể, hoạt động của cơ sở phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó xác định phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và chăn nuôi là một trong những lĩnh vực ưu tiên đầu tư nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao giá trị gia tăng ngành nông nghiệp.

Đồng thời, loại hình sản xuất của cơ sở phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hải Dương, trong đó khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi phục vụ chăn nuôi tập trung, góp phần hình thành chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ trong ngành nông nghiệp.

Xét theo định hướng dài hạn, hoạt động của cơ sở cũng phù hợp với chiến lược phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi của Nhà nước theo Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030. Mặc dù Đề án được ban hành sau thời điểm cơ sở được cấp phép đầu tư, song loại hình sản xuất, mục tiêu hoạt động và sản phẩm của cơ sở phù hợp với các định hướng phát triển ngành, không phát sinh mâu thuẫn với chiến lược, quy hoạch hiện hành.

Bên cạnh đó, vị trí thực hiện cơ sở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp của huyện Cẩm Giàng, không thuộc khu vực cấm hoặc hạn chế phát triển công nghiệp theo quy định.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP được UBND nhân tỉnh Hải Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018. Trong quá trình hoạt động công ty đã tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường bằng các biện pháp, công trình thu gom, xử lý chất thải phát sinh đạt QCCP trước khi thải ra môi trường như xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý hơi dung môi từ hoạt động sản xuất gỗ, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, xử lý bụi từ các công đoạn của hoạt động sản xuất cám.

Hiện tại công ty đã dừng không hoạt động loại hình sản xuất các sản phẩm từ gỗ, chỉ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm, đồng thời cho thuê nhà xưởng, vì vậy đã loại bỏ được các nguồn thải từ hoạt động sản xuất đồ gỗ tác động tới môi trường.

Với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm sẽ phát sinh các chất thải ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí.

- Đối với khí thải:

Bụi phát sinh từ hoạt động nghiền, ép viên, công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống Cyclon, lọc bụi túi đi kèm ngay từ khi lắp đặt dây chuyền sản xuất

Đối với lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt là củi, mùn cưa phát sinh bụi, khí thải được thu gom xử lý dẫn dòng khí đi qua cyclon và bể nước đập bụi trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Kết quả quan trắc môi trường không khí định kỳ hàng năm tại các khu vực sản xuất, khí thải lò hơi có các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép, vì vậy nguồn thải của cơ sở được kiểm soát và hạn chế được tác động khả năng tiếp nhận của khu vực.

- Đối với nước thải: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 12m³/ngày đêm xử lý đạt mức B, QCVN 14:2008/BTNM. Tổng lượng nước thải phát sinh của cơ sở và đơn vị thuê là 9,45m³/ngày vì thế hệ thống hoàn toàn có thể đáp ứng công suất xử lý nước thải phát sinh. Công nghệ xử lý của hệ thống là biện pháp xử lý MBBR kết hợp khử trùng là công nghệ phổ biến và phù hợp xử lý với dòng nước thải sinh hoạt.

- Đối với chất thải rắn: Chất thải rắn phát sinh từ dự án sẽ được thu gom và xử lý theo quy định. Đối với từng loại chất thải, Công ty có phương án thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

Khu vực thực hiện cơ sở không nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực bảo vệ nghiêm ngặt về môi trường, hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc các khu vực hạn chế tiếp nhận chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Điều kiện tự nhiên và hiện trạng môi trường khu vực xung quanh cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu tiếp nhận các nguồn thải phát sinh từ hoạt động sản xuất khi được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

Do đó, với quy mô sản xuất hiện tại và việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định, môi trường khu vực xung quanh có khả năng tiếp nhận và chịu tải các tác động môi trường do cơ sở gây ra, không làm suy giảm chất lượng môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững của địa phương.

Chương III

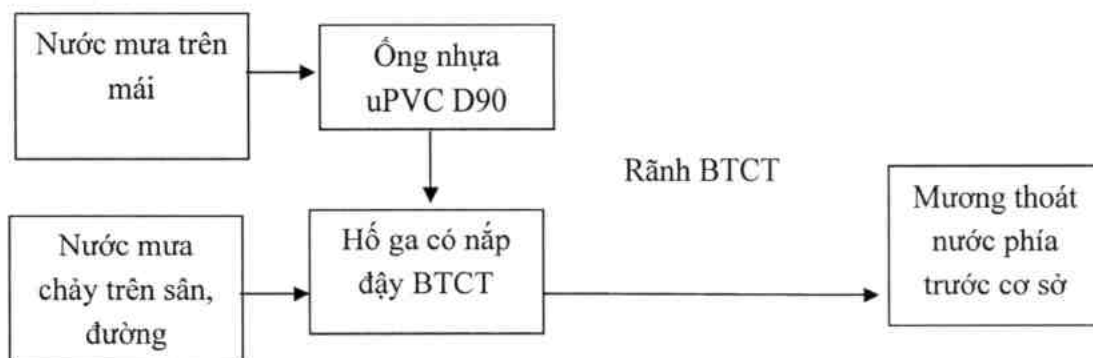
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công ty sử dụng hệ thống thu gom, thoát nước mưa bao gồm hệ thống thoát nước mưa trên mái và thoát nước bề mặt.

Hệ thống thu gom nước mưa theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1. Quy trình thu thoát nước mưa của cơ sở

- Hệ thống thoát nước mái: Công ty đã tiến hành lắp đặt máng nước và các ống dẫn uPVC D90. Sau đó, nước mưa sẽ được thu vào các miệng thu nước kiểu hàm ếch vào rãnh thoát nước bề mặt.

- Hệ thống thoát nước sân đường: Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ khu vực cơ sở được thu gom qua lưới chắn rác, chảy vào hệ thống hố ga và hệ thống cống/rãnh thu nước mưa bằng BTCT, độ dốc cống 0,3%, mưa thu gom trên toàn tuyến được thoát vào mương thoát nước phía trước cơ sở tại 01 điểm đầu nổi.

Tọa độ vị trí các điểm xả thải nước mưa (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°):

Cửa xả nước mưa: X(m): 2316252; Y(m) 573504.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa

TT	Tuyến thu nước mưa	Chiều dài (m)	Kết cấu	Quy cách
1	Ống PVC thu gom nước mái	150	Nhựa PVC	D90
2	Rãnh Thoát nước	234	BTCT	400 x400
3	Cống tròn D400	258	Bê tông	D400
4	Cống tròn D600	37	Bê tông	D600
5	Hố ga thu nước mưa	24	BTCT	1000 x 1000 x1200

- Hệ thống đường ống thoát nước mưa được xây dựng đảm thu gom và thoát nước khi có mưa, từ khi đi vào vận hành chưa xảy ra tình trạng ngập úng cục bộ.

Công ty TNHH Lâm Huy TP

- Công ty thực hiện các biện pháp vệ sinh công nghiệp:

+ Vệ sinh đường giao thông nội bộ, vỉa hè thường xuyên hàng tuần. Không để nguyên liệu (ngô, khoai...) và sản phẩm hoặc rác rơi xuống hệ thống đường ống thu thoát nước mưa.

+ Thường xuyên vệ sinh kiểm tra, nạo vét bùn cặn tại các hố ga với tần suất 1 tháng/lần.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hoạt động sản xuất tại Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh bao gồm cả của đơn vị vào thuê nhà xưởng; nước dập bụi lò hơi (tuần hoàn sử dụng), không phát sinh nước thải từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi.

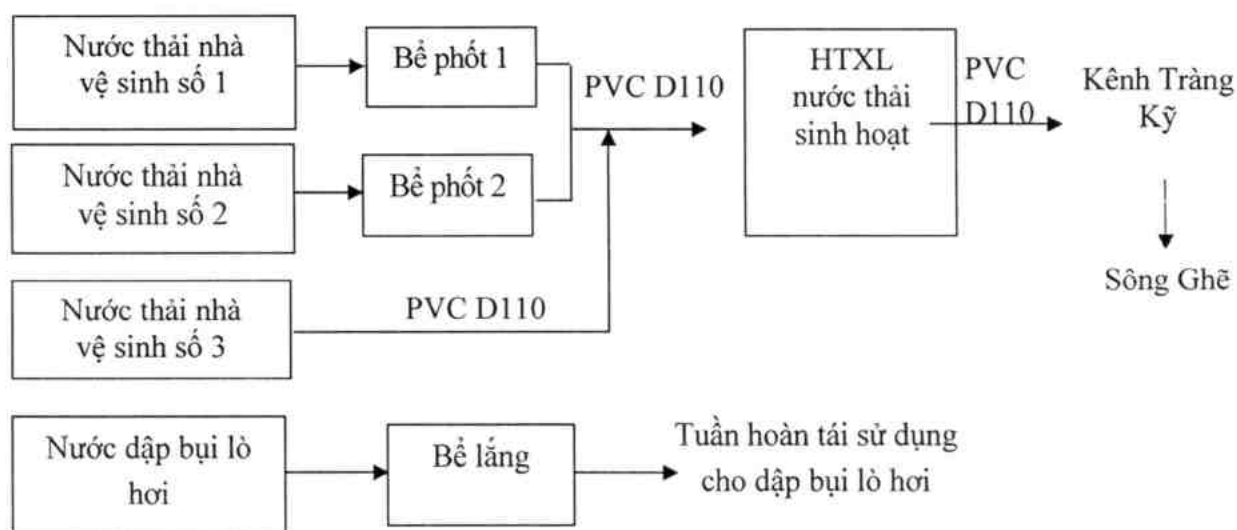
- **Nguồn nước thải phát sinh**

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh

+ Nguồn số 2: Nước dập bụi lò hơi

a. Công trình thu gom nước thải

Sơ đồ quy trình thu gom các dòng nước phát sinh của công ty như sau:



Sơ đồ 3.2. Quy trình thu gom các dòng nước thải

*** Đối với nước thải sinh hoạt:**

Công ty TNHH Lâm Huy TP và đơn vị thuê nhà xưởng không thực hiện nấu ăn cho công nhân tại cơ sở mà thực hiện mua suất ăn công nghiệp. Trong cơ sở có 03 khu vệ sinh, mỗi nhà xưởng có 01 khu vệ sinh.

Nước thải sau các bể phốt được theo đường ống PVC D110, độ dốc 0,3% dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải chung

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

TT	Tuyến thu nước thải	Kết cấu	Thông số
1	Ống nhựa	Nhựa PVC	D1100, dài m
2	Hố ga	BTCT	02 cái, KT: 1000x1000 1200mm

*** Thu gom nước đập bụi lò hơi:**

Đối với nước thải đập bụi lò hơi → thu gom vào hệ thống bể chứa, lắng → nước sau xử lý tuần hoàn sử dụng đập bụi (định kỳ bổ sung thêm nước sạch)

b. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo đường ống nhựa HDPE D200, L=3m ra đến cửa xả rồi tự chảy ra kênh Tràng Kỹ nằm giáp cơ sở về phía Tây Nam.

c. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý theo đường ống nhựa HDPE D200 chảy vào kênh Tràng Kỹ ven quốc lộ 5. Điểm xả thải được nằm ngoài tường rào của Cơ sở và có biển báo điểm xả.

- Vị trí xả nước thải có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°) như sau: X(m) 2316253; Y (m) 573506

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận: Kênh Tràng kỹ nằm giáp cơ sở về phía Tây Nam và ven quốc lộ 5. Kênh tiếp nhận nước mưa và nước thải của khu vực sau đó chảy ra sông Ghề (sông Cẩm Giàng). Sông Ghề cách Cơ sở khoảng 350 m về phía Đông Nam.

1.3. Công trình xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

a. Công nghệ được áp dụng

Năm 2017, Công ty lắp đặt và vận hành 01 hệ thống xử lý nước thải công suất là $10\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Hệ thống được đánh giá trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được phê duyệt theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10 tháng 1 năm 2018.

Hệ thống áp dụng công nghệ xử lý AO, Công nghệ AO là viết tắt của "Anoxic" (Thiếu khí) và "Oxic" (Hiếu khí) là một phương pháp sinh học sử dụng vi sinh vật thiếu khí và hiếu khí để xử lý nước thải sinh hoạt. Nhược điểm là phù hợp xử lý các loại nước thải có tải lượng BOD/COD thấp, hiệu quả không ổn định.

Để tăng hiệu quả xử lý, năm 2025, công ty đã thay thế hệ thống cũ 01 hệ thống xử lý mới công suất $12\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, xử lý bằng các bể xử lý hợp khối áp dụng công nghệ MBBR (Moving bed bioreactor): MBBR là công nghệ bùn hoạt tính áp dụng kỹ thuật vi sinh dính bám trên lớp vật liệu mang di chuyển. Do dùng vật liệu mang vi sinh nên mật độ vi sinh (MLVSS) trong bể xử lý cao hơn so với kỹ thuật bùn hoạt tính phân

tán. Công nghệ MBBR tiết kiệm được diện tích và hiệu quả xử lý cao. Các giá thể này luôn chuyển động không ngừng trong toàn thể tích bể nhờ các thiết bị thổi khí và cánh khuấy. Mật độ vi sinh ngày càng gia tăng, hiệu quả xử lý ngày càng cao.

b. Các công trình xử lý nước thải của cơ sở

b1. Công trình xử lý sơ bộ (bể phốt)

Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể phốt. Bể phốt là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy. Các hạt cặn rơi xuống đáy bể, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men của cặn nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật trong lớp cặn... Nhiệt độ càng cao thì tốc độ lên men cặn càng nhanh. Khi thông hơi tốt và mặt thoáng của bể càng rộng thì chiều dày lớp váng cặn càng giảm, làm tăng thể tích vùng lắng và góp phần làm tăng hiệu quả lắng trong nước. Hiệu quả xử lý của bể tự hoại đối với COD và BOD có thể đạt 60%, TSS đạt 70%. Còn nitơ giảm không nhiều.

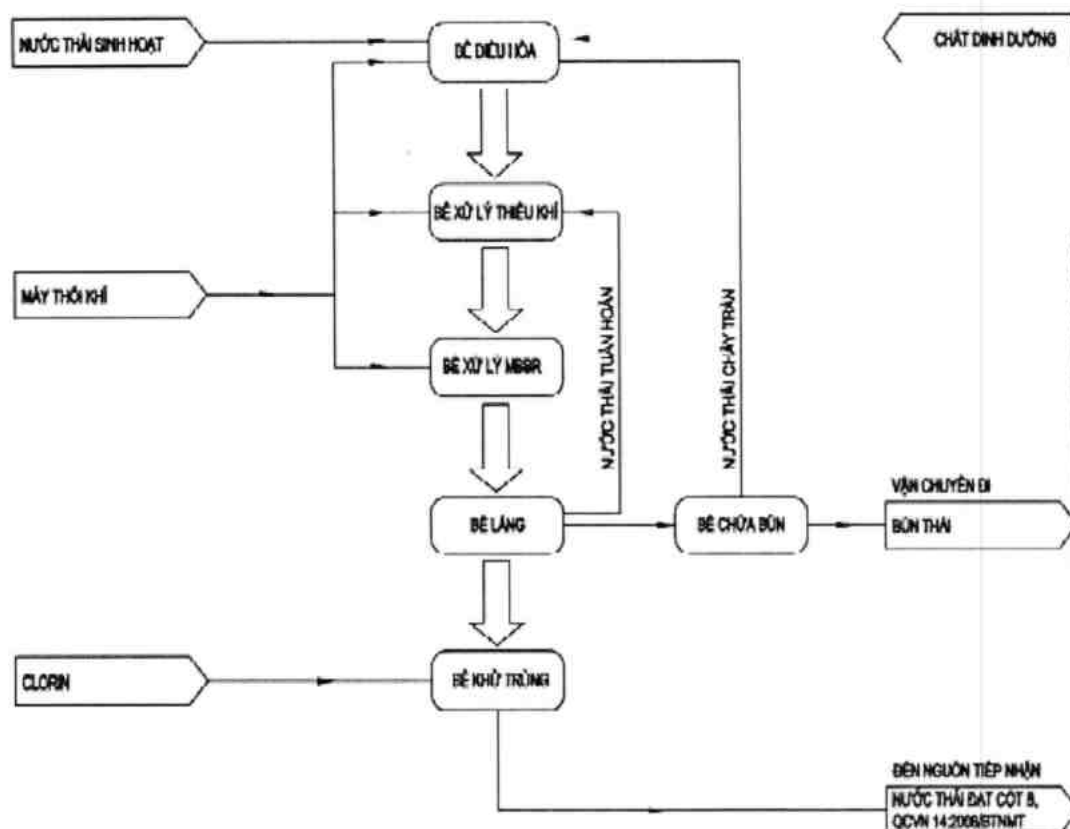
Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn được đặt ngầm sau đó được dẫn về hệ thống xử lý bằng đường ống nhựa PVC có kích thước $\Phi = 110\text{mm}$. Hiện tại Công ty có 03 bể phốt. Thông số kỹ thuật của các bể phốt được như sau:

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống bể phốt

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật Dài × rộng × cao (m)	Thể tích bể (m ³)	Hiện trạng
1	Bể phốt 1	2,5 × 2,0 × 2,0	10	Đã có, hoạt động bình thường
2	Bể phốt 2	2,5 × 2,0 × 2,0	10	
3	Bể phốt 3	3,0 × 3,0 × 2,0	18	
	Kết cấu các bể	Bể tự hoại được xây bằng gạch chỉ đặc vữa xi măng mác 75# vữa trát bể dùng vữa xi măng mác 50# thành trong đáy, tấm đan, giằng dầm bê BTCT.		

b2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- + *Công suất*: $12\text{m}^3/\text{ngày đêm}$
- + *Công nghệ xử lý*: xử lý thiếu khí – hiếu khí (sử dụng giá thể sinh học), công nghệ MBBR có khả năng chịu được tải trọng hữu cơ cao, $2000\text{-}10000\text{gBOD}/\text{m}^3\text{ngày}$, $2000\text{-}15000\text{gCOD}/\text{m}^3\text{ngày}$; hiệu suất xử lý BOD lên đến 90%;
- + *Vị trí*: Công ty đầu tư hệ thống bể hợp khối do đó sẽ đặt ngay trên mặt bằng các bể xử lý hiện có, đồng thời tận dụng các bể xử lý hiện có làm bể gom.



Sơ đồ 3.3. Quy trình xử lý nước thải 12m³/ngày đêm

*** Thuyết minh quy trình**

+ **Bể điều hòa:** Nhằm đồng nhất nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, ổn định lưu lượng cho các quá trình tiếp sau, nước thải sẽ được bơm sang bể anoxic.

+ **Bể thiếu khí Anoxic:**

Bể Anoxic hay còn được gọi là bể sinh học thiếu khí Anoxic, sử dụng các vi sinh vật tùy nghi sinh (sử dụng hoặc không sử dụng oxy đều thích hợp) để phân huỷ các hợp chất hữu cơ có chứa Nitơ và Phốtpho trong nước thải. Có hai phản ứng cơ bản xảy ra trong bể thiếu khí Anoxic:

Quá trình phản ứng khử Nitrat:



Các vi khuẩn tham gia vào quá trình khử Nitrat như: Thiobacillus denitrificans, Micrococcus denitrificans, Serratia, Pseudomonas và Achromobacter có khả năng khử Nitơ trong điều kiện yếm khí.

Quá trình phản ứng khử Photphorit:



Chủng vi sinh vật tham gia vào quá trình khử Phốtpho là Acinetobacter. Các chất hữu cơ có chứa hữu cơ có trong nước thải sẽ được chuyển hóa thành hợp chất

không chứa Phốtpho hoặc các hợp chất có chứa Phốtpho nhưng dễ bị phân hủy với vi sinh vật hiếu khí ở quá trình tiếp theo.

+ Xử lý tại bể MBBR

Nước thải được bơm vào bể MBBR qua hệ thống đường ống dẫn. Trong bể, nước thải sẽ được tiếp xúc với các vật liệu tuyến nổi (giá thể). Trong bể MBBR hiếu khí, hệ thống cấp khí được cung cấp để tạo điều kiện cho vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Đồng thời cần phải đảm bảo được các vật liệu luôn ở trạng thái lơ lửng và chuyển động xáo trộn liên tục trong suốt quá trình phản ứng. Vi sinh vật có khả năng phân giải các hợp chất hữu cơ sẽ dính bám và phát triển trên bề mặt các vật liệu. Các vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hóa các chất hữu cơ trong nước thải để phát triển thành sinh khối. Vi sinh vật sẽ phân hủy các chất ô nhiễm trong nước thải bằng quá trình trao đổi chất. Các chất ô nhiễm sẽ được vi sinh vật sử dụng làm thức ăn và tạo ra các chất dinh dưỡng cho vi sinh vật phát triển. Quần xã vi sinh sẽ phát triển và dày lên rất nhanh chóng cùng với sự suy giảm các chất hữu cơ trong nước thải. Khi đạt đến một độ dày nhất định, khối lượng vi sinh vật sẽ tăng lên, lớp vi sinh vật phía trong không tiếp xúc được nguồn thức ăn thì chết và bị bong ra. Một lượng nhỏ vi sinh vật còn bám trên các vật liệu tiếp tục sử dụng các hợp chất hữu cơ có trong nước thải để hình thành một quần xã sinh vật mới. Ngoài nhiệm vụ xử lý các hợp chất hữu cơ trong nước thải, trong bể sinh học hiếu khí dính bám lơ lửng còn xảy ra quá trình Trinitrate hóa và Denitrate, giúp loại bỏ các hợp chất Nitơ, Photpho trong nước thải. Để tăng hiệu suất xử lý nước thải của công nghệ MBBR, có thể kết hợp và bổ sung thêm men vi sinh (men Microbe-Lift) để tăng hiệu quả xử lý và giúp nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ Bể lắng và khử trùng

Bể lắng là đơn vị xử lý nước thải bằng cách loại bỏ các tạp chất thô, có kích thước lớn. Các tạp chất này sẽ chìm dần xuống đáy bể lắng dưới tác dụng của trọng lực. Bùn hoạt tính được tuần hoàn lại trong hệ thống, một phần bùn thừa sẽ được thu gom và loại bỏ định kì.

Bể khử trùng là nơi nước thải được tiếp xúc với các chất khử trùng như NaClO (javen) hoặc tia cực tím. Các chất khử trùng này sẽ giúp tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải.

*** Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý**

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên bể	Kích thước (dài x rộng x cao) (m)	Thể tích	Thời gian lưu (h)
1	Bể điều hòa	1,5 x 2 x 2,5	7,5	12
2	Bể xử lý thiếu khí	1 x 2 x 2,5	5	8
3	Bể xử lý hiếu khí MBBR	1,5 x 2 x 2,5	7,5	12
4	Bể lắng sinh học	1 x 2 x 2,5	5	8

5	Bể khử trùng	0,9 x 1 x 2,5	2,25	3,6
6	Bể chứa bùn	1,1 x 1 x 2,5	2,75	-
7	Hồ ga lấy mẫu	0,5 x 0,5 x 0,5	0,125	-

Bảng 3.5. Thông số thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Thiết bị thu gom			
1.1	Song chắn rác	Cái	01	Vật liệu: thép không gỉ
1.2	ống xi phong tách mỡ IPVC	Cái	01	Vật liệu: nhựa
2	Bể điều hòa			
2.1	Bơm chìm nước thải	Cái	02	Model: SH180 Lưu lượng max: 8m ³ /h Cột áp max: 7m Công suất: 0,18kw – 3 pha -380v – 50Hz Xuất xứ: Showfou – Đài Loan
2.2	Hệ thống đĩa phân phối khí	Cái	02	Loại: Difussur dạng đĩa, loại bọt thô và phụ kiện Vật liệu: PVC
3	Bể thiếu khí			
3.1	Hệ thống đảo trộn bùn	Cái	01	Loại: Difussur dạng đĩa, loại bọt thô và phụ kiện Vật liệu: PVC
4	Bể hiếu khí			
4.1	Máy thổi khí	Cái	02	Model: Gb-1100S Lưu lượng: 210m ³ /h Cột áp: 2,5m Công suất: 0,1kw – 3 pha -380v – 50Hz Xuất xứ: Showfou – Đài Loan
4.2	Hệ thống đĩa phân phối khí	Cái	06	Loại: Difussur dạng đĩa, loại bọt tinh Vật liệu: EPDM Đường kính: 260mm Xuất xứ: Mỹ
5	Bể lắng			
5.1	Bơm tuần hoàn bùn đặt chìm	Cái	02	Model: SH180 Lưu lượng max: 8m ³ /h Cột áp max: 7m

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Thiết bị thu gom			
				Công suất: 0,18kw – 3 pha -380v – 50Hz Xuất xứ: Showfou – Đài Loan
5.2	Ống lắng	cái	01	
6	Bể khử trùng			
6.1	Hộp khử trùng	Hộp	01	
7	Tủ điều khiển và hệ thống điện	Bộ	01	- 01 Tủ sắt sơn tĩnh điện - 01 hệ thống tuyến cáp truyền tải điện
8	Hệ thống đường ống công nghệ	Hệ thống	01	Đường ống dẫn nước; đường ống dẫn khí; phụ kiện

*** Định mức sử dụng hóa chất:**

+ Hóa chất phục vụ xử lý nước: Hóa chất khử trùng Javen 10%, định lượng 3g/m³. Như vậy lượng sử dụng là 1,35kg/tháng.

+ Men, rỉ mật khởi tạo hệ thống nuôi cấy trong 20 ngày đầu tiên: Vi sinh hiếu khí, Chất dinh dưỡng 5kg, men vi sinh xử lý nước thải EMIC 1kg.

- Điện năng tiêu thụ khoảng 32,7kW/ngày.

❖ Đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải chung

- Theo nội dung trình bày tại trang 11 của báo cáo, tổng lượng nước cấp sinh hoạt của Công ty TNHH Lâm Huy TP và đơn vị thuê nhà xưởng xác định tại thời điểm đông công nhân là 11,1 m³/ngày (đã bao gồm hệ số k= 1,2) vì vậy với công suất hệ thống mới 12m³/ngày đêm là phù hợp đáp ứng.

- Hiệu quả xử lý của hệ thống: Vì có các giá thể để vi sinh bám vào nên mật độ vi sinh cao (khi tính trên một đơn vị thể tích); Không tốn quá nhiều diện tích xây dựng; Tiện lợi cho quá trình vận hành; Hiệu quả hơn khi xử lý BOD, COD so với công nghệ sinh học hiếu khí thông thường do đó có thể hiệu suất cao hơn gấp đôi.

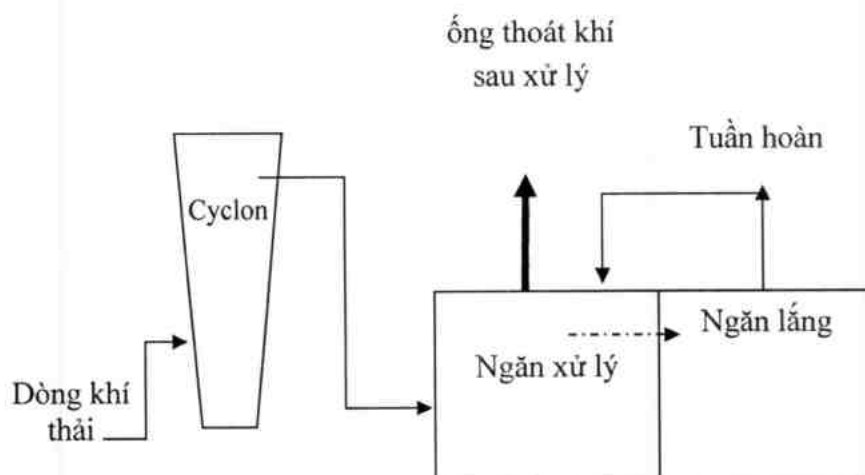
Chất lượng nước thải sau xử lý đạt: QCVN14:2008/BTNMT mức B với K=1,2 (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột B theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Thông tư 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải lò hơi

Công ty có 01 lò hơi có cùng công suất 2 tấn hơi/giờ. Lò hơi sử dụng nhiên liệu mùn cưa, củi. Khi vận hành lò phát sinh bụi, khí thải được công ty thu hồi và xử lý
Công ty TNHH Lâm Huy TP

bằng hệ thống: Cyclone lọc → bể nước → Ống xả khí

Bể nước dập bụi được bố trí các ngăn xử lý, ngăn lắng và ngăn chứa nước tuần hoàn. Nước sau khi dập bụi được lưu tại ngăn lắng để lắng trong, giảm nhiệt sau đó tuần hoàn tái sử dụng dập bụi vì vậy không thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thất thoát do bay hơi được cấp bù bổ sung.



Sơ đồ 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi

Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước dập bụi lò hơi

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Bể nước xử lý khí thải lò hơi	Bể xây gạch, trát xi măng, nền chống thấm. KT: 2m × 2m × 1,5m = 6m ³
2	Máy bơm nước	Số lượng: 02 chiếc, Q = 5m ³ /h, h = 20m
3	Hệ thống đường ống, van	ống PVC chịu nhiệt dài 20 m, Φ45

* Nhận xét: Nước thải dập bụi lò hơi được thu gom tuần hoàn sử dụng lại, không thải ra môi trường vì vậy không gây ô nhiễm môi trường từ nguồn thải này.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn phát sinh bụi và khí thải của cơ sở phát sinh từ các nguồn sau:

+ Nguồn số 1: Từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi tại công đoạn: nghiền, ép viên bẻ mảnh.

+ Nguồn số 2: Từ hoạt động lò hơi.

+ Nguồn số 3: Từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở.

2.1 Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải giao thông

Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Phun nước làm ẩm đường giao thông nhất là vào những ngày khô hanh và bố trí các phương tiện giao thông ra vào hợp lý.

- Quy định tốc độ xe di chuyển trong khu vực Nhà máy.

- Bố trí bãi đỗ xe rộng rãi, thoáng, không để các phương tiện giao thông đỗ bừa

bãi, nổ máy, sửa chữa khi nằm chờ trong khu vực nhà máy.

- Trồng cây xanh vừa tạo cảnh quan, vừa giảm thiểu bụi và tiếng ồn.
- Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ.
- Vệ sinh thường xuyên các tuyến đường.
- Có các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông từ quá trình xuất nhập hàng hóa.
- Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp trong khu vực sản xuất; và khu vực sân bãi để hạn chế nước mưa cuốn theo bụi, cắm xuống hệ thống thoát nước mưa.

2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí trong quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi

Đối với mỗi dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi, công ty đã lắp đặt các thiết bị xử lý bụi đi kèm theo. Các vị trí phát sinh và biện pháp thu gom xử lý như sau:

a. Đối với khu vực nạp liệu

Tại vị trí nạp liệu xuống bể chứa, bố trí 1 hệ thống lọc bụi

Quy trình xử lý bụi tại khu vực nạp liệu: Tại vị trí nạp liệu, lắp đặt hệ thống thu hồi, xử lý bụi theo sơ đồ và nguyên lý như sau: Chụp hút → Cyclon → lọc bụi túi vải → đường ống dẫn → Quạt thổi → ống thoát ra ngoài xưởng.

- Thông số kỹ thuật hệ thống như sau:

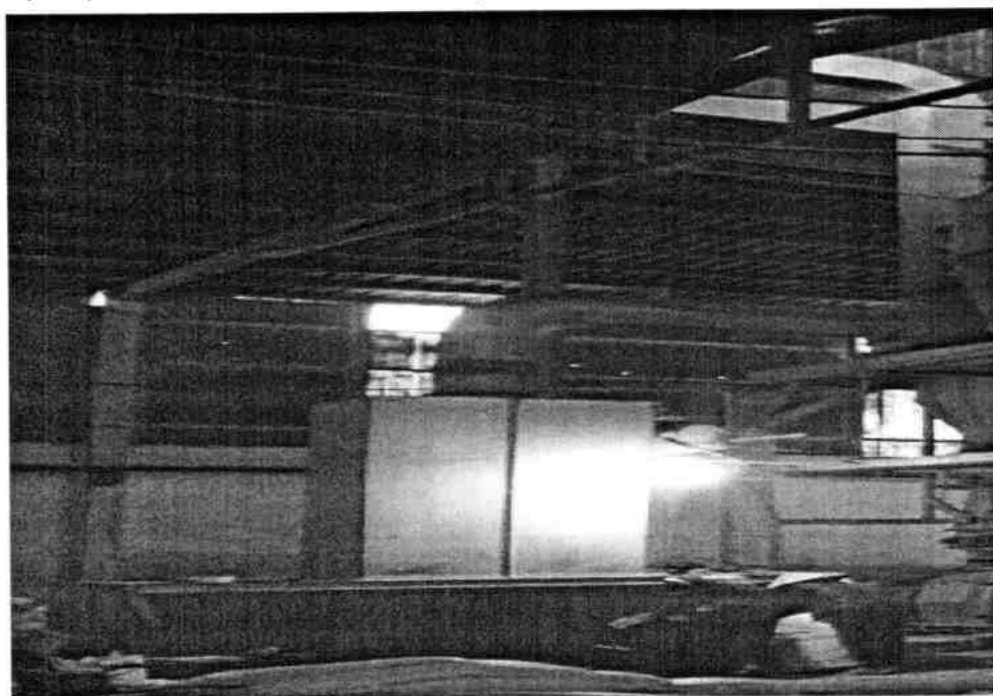
+ Chụp hút: 01 cái, kích thước 1,25mx 0,55m

+ Cyclon: Kích thước D xH =1,5 x 4m

+ Thiết bị lọc bụi túi: 12 túi, kích thước 1500 x1000mm, diện tích lọc 30m²

+ Số lượng quạt hút: 01 quạt, công suất 1400m³/h, tổng độ vòng 2950 vòng/phút.

Dòng khí thải sau khi qua hệ thống lọc bụi được kết nối vào ống xả của khu vực nghiền liệu trước khi xả ra môi trường.



Hình 3.1. Khu vực nạp liệu và thiết bị thu bụi

b. Đối với khu vực nghiền nguyên liệu và khu vực ép viên

Để giảm thiểu bụi phát sinh tại công đoạn nghiền và ép viên, công ty đã lắp đặt tại mỗi khu vực 01 hệ thống thu hồi bụi bằng Cyclon và thiết bị lọc bụi túi vải.

Quy trình thu bụi của hệ thống như sau:

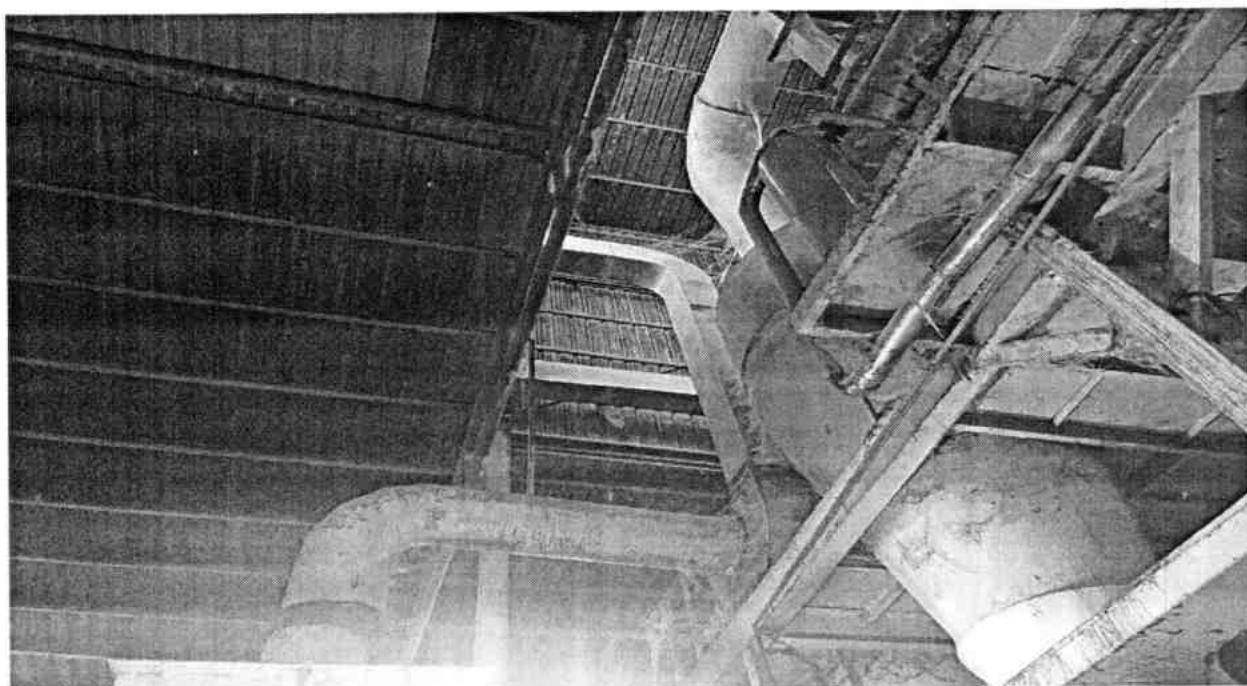
Bụi từ khu vực nghiền → thiết bị Cyclon → lọc bụi túi vải → quạt hút → ống thoát khí ra môi trường.

Bụi từ khu vực ép viên → thiết bị Cyclon → lọc bụi túi vải → quạt hút → ống thoát khí ra môi trường.

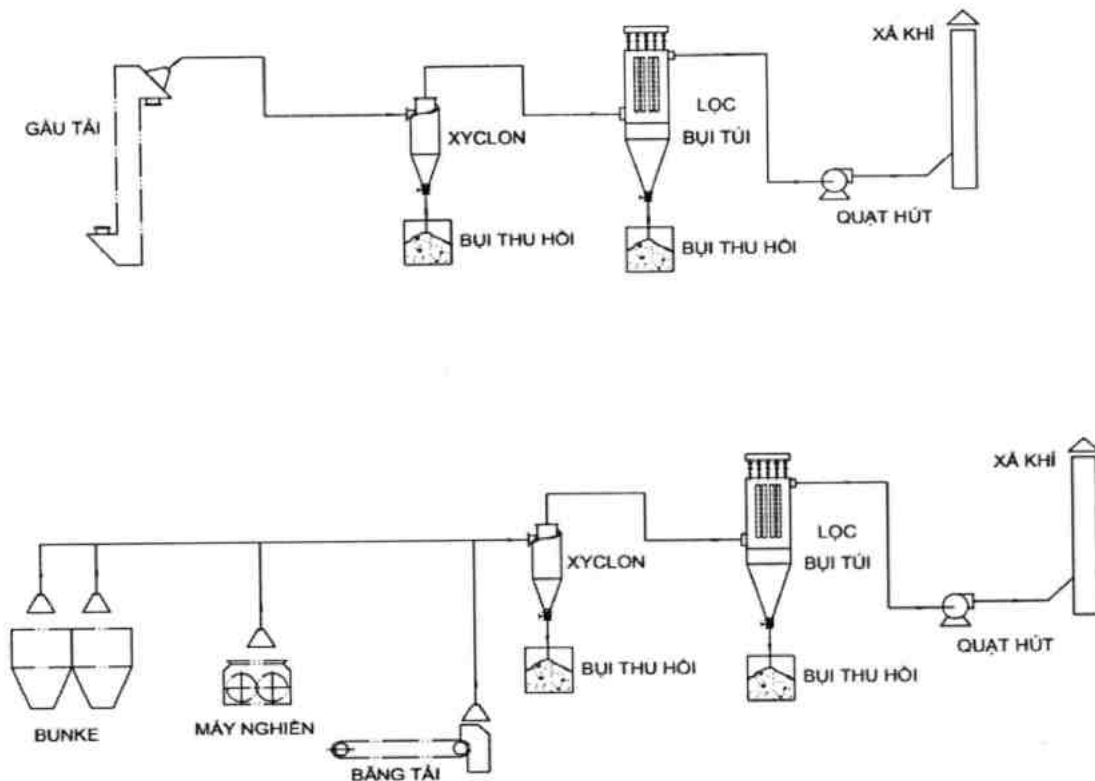
- Thông số kỹ thuật:

Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý tại khu vực nghiền, ép viên

TT	Thiết bị	Thiết bị xử lý	Thông số kỹ thuật	
			Khu vực nghiền liệu	Khu vực ép viên và làm nguội
1	Cyclon	Kích thước	DxH=1,5m x 4m	DxH=1,5m x 4m
2	Thiết bị lọc bụi túi vải	Kích thước	KT= 1500 x1000mm	KT= 1500 x1000mm
		Số lượng túi	06 túi	12 túi
		Vật liệu	Vải Polieste	Vải Polieste
		Diện tích lọc	12m ²	30m ²
3	Đường ống dẫn		Vật liệu: Thép	Vật liệu: Thép
4	Ống xả		01 quạt, công suất Lưu lượng khí thải: 17000m ³ /h	01 quạt, công suất Lưu lượng khí thải: 14000m ³ /h



Hình 3.2. Cyclon hệ thống thu bụi nghiền liệu



Sơ đồ 3.5. Quy trình hệ thống thu bụi tại khu vực nghiền và ép viên

Bụi, khí từ công đoạn nghiền, ép viên và làm nguội được tiến hành thu hồi bằng đường ống dẫn đưa lên thiết bị Cyclone khô để lọc bụi theo nguyên lý trọng lực, sau khi qua Cyclone dòng khí tiếp tục được đưa vào thiết bị lọc bụi túi

Nguyên lý hoạt động của Cyclon: Khi dòng khí có chứa bụi chuyển động theo một quỹ đạo tròn (dòng xoáy) dịch chuyển xuống dưới và hình thành dòng xoáy ngoài. Lúc đó, các hạt bụi có khối lượng riêng lớn hơn không khí dưới tác dụng của lực ly tâm văng vào thành Cyclone. Tiến đến gần đáy chóp, dòng khí bắt đầu quay ngược trở lại và chuyển động lên trên hình thành dòng xoáy trong. Các hạt bụi văng đến thành, dịch chuyển xuống dưới nhờ lực tác dụng của dòng xoáy và trọng lực rơi xuống thùng chứa được đặt ở đáy thấp. Khí thải thoát ra ở phía trên Cyclone, tiếp tục đi vào thiết bị lọc bụi túi để thu bụi có kích thước nhỏ hơn. Bụi thu hồi ở thiết bị Cyclone được định kỳ 3- 5 ngày tháo ra thu hồi tái sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất.

Thiết bị lọc bụi túi vải: có cấu tạo bao gồm nhiều túi bằng vải. Bộ lọc gồm nhiều đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có nhiều túi vải được khâu thành dạng ống tay áo. Các ống tay áo được căng ở đầu dưới vào nắp đục lỗ vừa bằng đường kính tay áo, đầu trên của ống tay áo được bịt kín và căng vào hệ thống cánh đòn phục vụ cho việc giữ bụi. Không khí chứa bụi được đưa vào thiết bị qua ống nối vào đầu dưới, dòng khí được quạt ly tâm cao áp hút đưa thiết bị lọc bụi túi, sau khi được lọc sạch, dòng khí được

thoát ra ngay trong xưởng thông qua ống thoát khí. Bụi lắng được thu hồi quay trở lại làm nguyên liệu sản xuất.

*** Đánh giá hiệu quả thu gom xử lý bụi khí thải khu vực sản xuất**

- Về công nghệ xử lý: Các biện pháp thu gom, xử lý bụi tại các khu vực nạp liệu, nghiền liệu hiện tại không có sự sai khác so với báo cáo hoàn hành các công trình bảo vệ môi trường được phê duyệt.

- Về hiệu quả xử lý: Theo kết quả quan trắc môi trường không khí (bảng 5.3) của công ty trong 2 năm 2022, 2023 cho thấy nồng độ bụi và các khí trong khu vực xưởng sản xuất đều đạt QCCP.

- Chất lượng khí thải sau xử lý: dòng khí thải sau xử lý có bụi đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp - QCVN 19:2009/BTNMT mức B (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải từ hoạt động sản xuất của cơ sở khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

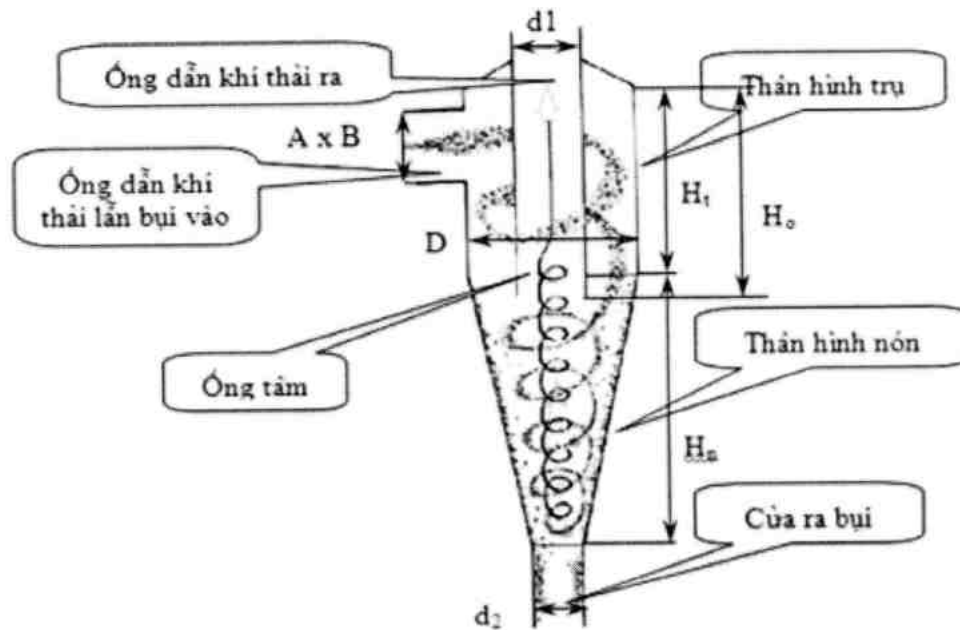
2.3. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải lò hơi

Hiện tại công ty có 01 lò hơi, có công suất 2 tấn hơi/h. Để xử lý bụi, khí thải lò hơi công ty áp dụng biện pháp sau:

Bụi khí thải lò hơi → Lọc bụi Cyclone khô → bể nước dập bụi → ống khói.

Phương pháp tách bụi bằng Cyclone được ứng dụng nhiều trong công nghiệp, có hiệu suất xử lý cao (75-85%) khi kích thước hạt bụi > 5 μ m.

Nguyên lý hoạt động: Khi dòng khí có chứa bụi chuyển động theo một quỹ đạo tròn (dòng xoáy) dịch chuyển xuống dưới và hình thành dòng xoáy ngoài. Lúc đó, các hạt bụi có khối lượng riêng lớn hơn không khí dưới tác dụng của lực ly tâm văng vào thành Cyclone. Tiến đến gần đáy chóp, dòng khí bắt đầu quay ngược trở lại và chuyển động lên trên hình thành dòng xoáy trong. Các hạt bụi văng đến thành, dịch chuyển xuống dưới nhờ lực tác dụng của dòng xoáy và trọng lực rơi xuống thùng chứa được đặt ở đáy thấp. Khí thải thoát ra ở phía trên Cyclone, tiếp tục đi đến bể khử bụi ướt



Bể dập bụi bằng nước

Luồng khí sau khi qua Cyclon được loại bỏ bụi có kích thước lớn, bụi mịn sẽ tiếp tục được đưa qua bể nước để giảm nhiệt và giữ lại các bụi mịn sau đó thoát ra ngoài. Bụi trong nước được lắng xuống đáy bể và định kỳ thu hồi, nước được đưa vào ngăn chứa sau đó tuần hoàn cho dập bụi.

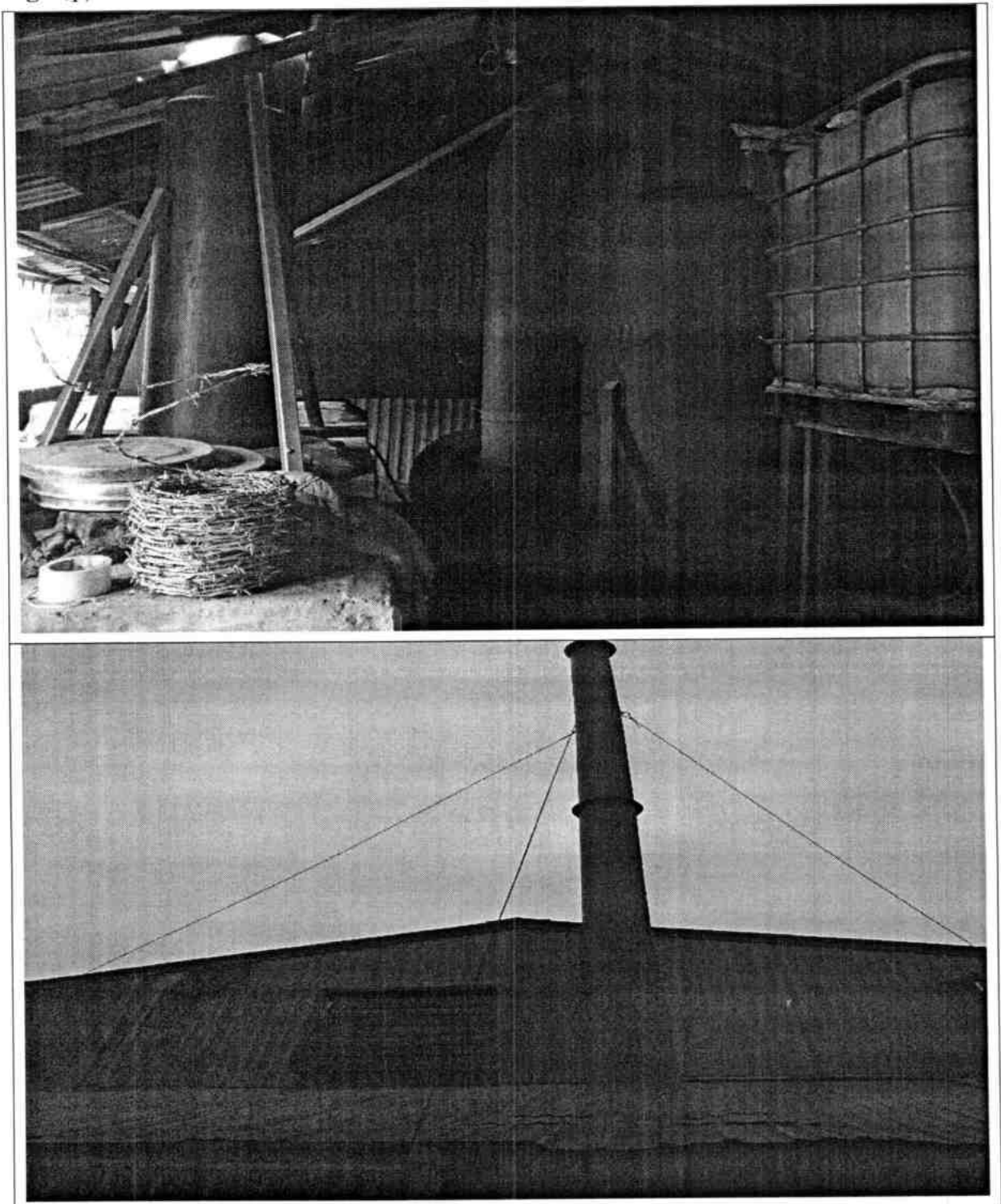
Hiệu quả xử lý của hệ thống: hệ thống vận hành ổn định, tuân thủ các bước xử lý cyclon và tháp hấp thụ nước có hiệu quả tối đa giảm tác động của bụi, các khí CO, NO, CO₂ và một số chất hữu cơ chưa cháy hết.

Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi lò hơi

TT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước	Vật liệu
1	Khí thải từ lò hơi được thu gom vào đường ống thép, dài 1,5 m, D250mm dẫn về Cyclon khô, bể nước.			
2	Cyclon	01	KT: Ø 500mm Cao 2000mm Đường kính ống thu bụi: 150mm	Vật liệu: thép đen SS400
3	Bể nước	01	KT: 2m x 2m x 1,5m = 6m ³	Bể xây gạch, trát xi măng, nền chống thấm.
4	Ống khói	01	Đường kính: Ø400mm Chiều cao: 7m	Vật liệu: thép đen SS400
5	Quạt hút	01	Lưu lượng: 14.000m ³ /h Công suất hút: 1.500 Pa	

- Theo kết quả quan trắc khí thải lò hơi (bảng 5.2) của công ty trong 2 năm 2022, 2023 cho thấy nồng độ bụi và các khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi có các thông số CO, NO_x, SO₂ và bụi TSP trong các đợt quan trắc đều đạt Quy chuẩn QCVN

19:2009/BTNMT, áp dụng mức B. (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải từ hoạt động sản xuất của cơ sở khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).



Hình 3.2. Khu vực ống khói lò hơi

2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác

a. Các biện pháp giảm thiểu mùi

- ✓ Giảm thiểu mùi từ quá trình ép viên:

Mùi phát sinh chủ yếu từ quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi, chủ yếu tại công đoạn tạo viên. Cơ sở đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Lắp đặt quạt hút (kèm theo dây chuyền sản xuất viên) để hút mùi từ quá trình làm nguội sau đó dẫn theo đường ống dẫn hơi thoát ra bên ngoài môi trường.

- Cơ sở sử dụng các nguyên liệu đầu vào đạt tiêu chuẩn, các loại phụ gia hạn chế mùi phát sinh. Dầu cá, bột cá, bột xương có mùi được dự trữ trong các phuy chứa nhỏ được đậy kín.

- Mùi phát sinh trong quá trình sản xuất viên chủ yếu từ các loại nguyên liệu như bột huyết, bột cá. Để giảm thiểu mùi, Cơ sở không sử dụng bột huyết để chế biến thức ăn. Ngoài ra, Cơ sở giảm thiểu lượng bột cá sử dụng trong chế biến.

- ✓ Giảm thiểu bụi tại khu vực kho chứa:

Nguyên liệu hư hỏng xảy ra là do quá trình quản lý lưu kho không tốt, khi xảy ra tình trạng nấm mốc, mối mọt, côn trùng chuột bọ hình thành trong các kho chứa thì chúng phát triển rất nhanh và có sức phá hoại lớn không những gây hư hỏng nguyên liệu, thiệt hại về kinh tế mà sẽ gây mùi hôi thối lan tỏa phát tán trong một vùng rộng lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Để tránh phát tán mùi do nguyên liệu hư hỏng Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp sau:

- Nguyên liệu được tập kết riêng theo từng chủng loại
- Thường xuyên kiểm tra độ ẩm, kiểm tra bao bì chứa
- Lắp đặt thiết bị xua đuổi chuột để không cắn phá gây rơi vãi ra xưởng sản xuất

b. Biện pháp quản lý nguyên liệu, vệ sinh công nghiệp

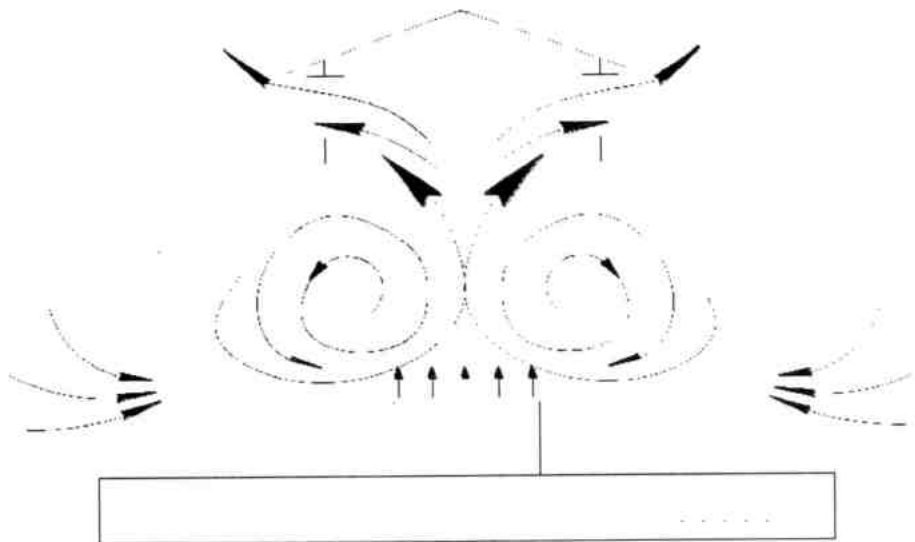
- Các thiết bị đựng, trộn, nghiền đều là các thiết bị kín đảm bảo không phát sinh bụi, mùi

- Thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp (khu vực sản xuất, văn phòng và khu vực sân đường nội bộ)

- Bố trí khu vực tập kết nguyên liệu đậy lò hơi.
- Khu chứa nguyên liệu và sản phẩm được bố trí phân lập
- Nguyên liệu dạng ướt: mỡ, dầu cá được chứa trong silo.

c. Các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và cải thiện yếu tố vi khí hậu trong khu vực nhà xưởng

Biện pháp cải thiện yếu tố vi khí hậu, nhiệt thừa: Thiết kế nhà xưởng hợp lý, cao, thông gió tốt, do đó khả năng lưu thông không khí giữa khu vực sản xuất và môi trường xung quanh đạt hiệu quả cao, nhà xưởng có cửa mái nên đảm bảo sự thông thoáng. Thực hiện thông thoáng nhà xưởng tự nhiên



Nguyên lý hoạt động của hệ thống thông gió tự nhiên:

Thông gió tự nhiên là hiện tượng trao đổi không khí bên trong nhà xưởng và ngoài trời do chênh lệch mật độ không khí. Thông gió tự nhiên thực hiện nhờ gió, nhiệt hoặc tổng hợp cả hai.

Khi nhiệt độ trong nhà xưởng lớn hơn nhiệt độ bên ngoài thì giữa chúng có sự chênh lệch áp suất và do đó có sự trao đổi không khí bên ngoài với bên trong. Các phần tử không khí trong phòng có nhiệt độ cao, khối lượng riêng nhẹ nên bốc lên cao, tạo ra vùng chân không phía dưới phòng và không khí bên ngoài sẽ tràn vào thế chỗ. Ở phía trên các phần tử không khí bị dồn ép, có áp suất lớn hơn không khí bên ngoài và thoát ra ngoài theo các cửa gió phía trên.

Công ty thực hiện thông gió tự nhiên kết hợp với quạt công nghiệp. Số lượng cụ thể như sau:

Bảng 3.9. Số lượng quạt thông gió tại xưởng sản xuất

TT	Tên xưởng	Số lượng	Các thông số kỹ thuật
1	Khu vực nguyên liệu	4	Công suất: 660 W Đường kính cánh: 600 mm
2	Khu vực thành phẩm	3	Lưu lượng gió: 8.500 m ³ /h Số lượng cánh: 4 Xuất xứ: Việt Nam
4	Khu vực sản xuất thức ăn chăn nuôi	3	Công suất: 1.1 kw Đường kính cánh: 1.270 mm Lưu lượng gió: 44.500 m ³ /h Số lượng cánh: 4 Xuất xứ: Việt Nam

Bên cạnh đó, còn trang bị thêm các quạt cá nhân và quạt cây công nghiệp dùng. Các thông số kỹ thuật của quạt như sau:

Quạt cá nhân		Quạt cây công nghiệp đứng	
Công suất:	230 W	Công suất:	270W
Lưu lượng gió	3.800 m ³ /h	Lưu lượng gió:	7.000 m ³ /h
Số lượng:	10 quạt	Số lượng:	5 quạt
Sải cánh	40 cm	Sải cánh	75cm

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Các loại chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất bao gồm: bao bì chứa nguyên liệu khô, vỏ thùng phuy chứa nguyên liệu nước từ quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi; tro xỉ từ hoạt động của lò hơi, bùn lắng từ các hố ga và bùn thải tại các bể phốt... Lượng, thành phần chất thải được thống kê như sau:

a. Chất thải rắn sản xuất

* Lượng phát sinh

Quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi luôn phát sinh hao hụt và chất thải ở các mức độ khác nhau, tùy thuộc vào công nghệ, thiết bị và quản lý vận hành. Theo định mức sản xuất của công ty, lượng nguyên liệu hao hụt dao động từ 1,5 - 2% nguyên liệu đầu vào và được xác định từ các công đoạn sau:

- Bụi: sinh ra trong khâu nghiền, trộn, sàng, vận chuyển bằng gầu tải, băng tải.
- Rơi vãi: trong khâu nhập – xuất nguyên liệu, đóng gói thành phẩm.
- Hao hụt do bay hơi ẩm: khi sấy hoặc làm nguội viên nén.
- Hao hụt cơ học: bám dính vào thiết bị, đường ống, silo.

Ngoài ra còn một lượng nguyên liệu không sử dụng do quá trình bảo quản (hỏng, vón cục, mất hoạt tính...)

Bảng 3.10. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Nguyên liệu, sản phẩm hỏng, hết hạn sử dụng trong quá trình vận chuyển, sản xuất, đóng bao	Rắn	140.000	19 03 04
2	Vỏ bao rách, giấy vụn, nilon...	Rắn	1500	18 01 06
3	Xi lò, cặn lắng bể xử lý khí lò hơi	Rắn	2.500	04 02 06
4	Phuy chứa dầu, mỡ cá đã sử dụng	Rắn	300	
5	Bùn thải từ các bể tự hoại, từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Lỏng	1.000	12 06 13
6	Giẻ lau, túi lọc bụi, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 02
	Tổng		145.300	

*** Biện pháp thu gom, quản lý, xử lý:**

- Biện pháp thu gom:

Thực hiện thu gom ngay sau hết ca làm việc. Từng loại chất thải được thu gom, lưu chứa phân lập cụ thể:

- Chất thải rắn là nguyên vật liệu quá hạn sử dụng, nguyên liệu rơi vãi được đóng bao lưu tại kho chứa nguyên liệu.

- Bùn từ bể phốt, hệ thống xử lý nước thải được định kỳ thu hút với tần suất 6 tháng/lần.

- Bao bì rách hỏng, giẻ lau, túi lọc bụi được thu gom vào thùng chứa loại 100lit. Chất thải được thu gom về kho chứa có diện tích 5m²

- Xi thải từ lò hơi được thu gom đóng bao tập kết ngay tại khu vực lò hơi.

Công ty bố trí 01 kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 5m²

- Biện pháp xử lý:

Công ty đã ký hợp đồng số 28.06.24/CNK, ngày 24/6/2024 với công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình có địa chỉ tại tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biễn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và xử lý theo quy định.

Tần suất thu gom chất thải rắn thông thường 3tháng/lần.

b. Chất thải rắn sinh hoạt

Cơ sở không tổ chức ăn ca cho CBCNV, hầu hết CBCNV trong Cơ sở đều là người địa phương nên sẽ về nhà ăn. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu bao gồm: Giấy vụn, bút bi thừa, vỏ bánh kẹo...

Theo ước tính của Cơ sở, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình 0,3 kg/người/ngày.

Như vậy, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh là:

0,3 kg/người/ngày x 10 người = 3 kg/ngày, tương đương 900kg/năm

Chất thải rắn sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học sinh ra các khí như NH₃, CH₄, H₂S, các chất hữu cơ... Nếu không được tiến hành thu gom định kỳ sẽ gây mùi hôi thối ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

- Biện pháp thu gom xử lý

Công ty trang bị thùng rác tại khu văn phòng, khu vệ sinh: Công ty sử dụng 5 thùng chứa rác bằng nhựa loại 10 - 50lít.

- Tại kho chứa rác thải sinh hoạt được đựng trong các bao bì nilon kín.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Tần suất thu gom 20 ngày/lần.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Lượng, thành phần chất thải rắn nguy hại phát sinh của công ty trong một năm

Công ty TNHH Lâm Huy TP

sản xuất như sau:

Bảng 3.11. Khối lượng CTNH phát sinh

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	02	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	500	17 02 03
3	Bao bì kim loại thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	05	18 01 02
5	Bao bì nhựa cứng thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	05	18 01 03
6	Giẻ lau, vải bảo vệ dính nhiễm thành phần nguy hại (dầu, mỡ...)	Rắn	20	18 02 01
Tổng khối lượng			521,8	

+ Khu vực chứa chất thải nguy hại có diện tích 5m². Kết cấu tường xây, nền láng xi măng, mái che và biển cảnh báo.

+ Trong kho chứa trang bị các thùng chứa dung tích từ 10 -100lit/ thùng, mỗi loại chất thải chứa 01 thùng chứa riêng, thùng chứa có dán nhãn chất thải.

- Hiện tại, Công ty đã ký hợp đồng số 28.06.24/CNK, ngày 24/6/2024 với công ty cổ phần xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình có địa chỉ tại tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) thu gom và xử lý theo quy định.

Tần suất thu gom chất thải rắn nguy hại 6tháng/lần.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn như sau:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị máy móc.
- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.
- Thực hiện các chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.
- Đối với người lao động được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp, phương án phòng ngừa đối với hệ thống xử lý nước thải

** Biện pháp phòng chống*

- Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.

Công ty TNHH Lâm Huy TP

- Nhân viên vận hành phải được tập huấn vận hành và định kỳ bảo dưỡng, bảo trì thiết bị của hệ thống xử lý.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành trạm xử lý nước thải.

*** Biện pháp khắc phục**

- Đối với lỗi sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống: Tạm ngừng vận hành hệ thống để khắc phục sự cố.

- Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí...): ngừng vận hành hệ thống xử lý và đưa thiết bị hỏng hóc đi sửa chữa.

- Đối với lỗi sự cố do quá trình vận hành:

+ Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và công nhân vận hành rà soát lại toàn bộ các thông số để điều chỉnh theo đúng thiết kế.

+ Nếu sự cố vượt quá khả năng, Công ty mời chuyên gia về xử lý nước thải về kiểm tra điều chỉnh.

+ Khi hệ thống xử lý gặp sự cố sẽ nhanh chóng xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố.

+ Tạm thời lưu nước thải chưa xử lý lại trong bể lưu trữ

+ Tìm biện pháp khắc phục để khắc phục sớm nhất có thể (trước khi bể chứa đầy).

+ Nếu không tự khắc phục được sẽ báo cáo với lãnh đạo cơ quan và liên hệ với cơ quan tư vấn xây dựng hệ thống xử lý để tìm ra các biện pháp khắc phục thích hợp.

+ Trang bị dự phòng các thiết bị máy bơm nước, máy cấp khí để kịp thời thay thế khi bị hỏng hóc.

+ Sau khi khắc phục xong cần thường xuyên theo dõi sát sao, đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định, hiệu quả. Khi hệ thống đã đi vào hoạt động ổn định sẽ lấy mẫu nước thải đầu ra gửi đến đơn vị có chức năng phân tích, kiểm tra. Nếu nước thải vẫn chưa đạt Quy chuẩn cho phép cần tiếp tục khắc phục đến khi đạt quy chuẩn.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với Cơ quan quản lý môi trường địa phương và Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố. Cụ thể các sự cố thường gặp và cách khắc phục như sau:

Bảng 3.12. Nguyên cơ sự cố của hệ thống xử lý nước thải, nguyên nhân và cách khắc phục

Các sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Bơm yếu hoặc không chạy	Do rác dẫn đến kẹt cánh quạt bơm	- Vệ sinh rọ rác hàng ngày tại hố thu gom - Tháo bơm ra kiểm tra
	Mất nguồn điện cấp vào	- Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào bơm, nếu bơm hỏng thay bơm
	Phao tín hiệu hỏng	- Kiểm tra lại phao - Thay thế phao mới
Bùn không đảo hoặc	Do chưa mở máy hoặc	- Điều chỉnh lại máy khuấy đảo bùn

đảo không đều	mở máy không đúng Do tắc giàn ống đảo bùn bên dưới	
Nước đảo nhưng không có bùn	Do vận hành sai dẫn tới mất bùn	- Tiến hành nuôi cấy lại
Bể sinh học chứa đầy bọt trắng	Vì sinh bị ức chế dẫn đến phân hủy nội bào	- Xem lại hệ thống vận hành
Đĩa phân phối khí gặp sự cố	Do mất áp cho giàn khí, Đĩa khí hết hạn sử dụng Đĩa khí bị tắc	- Điều chỉnh lại van khí thay đổi áp cho phù hợp để khí phân bố đều trên bề mặt - Thay thế đĩa khí mới nếu hết hạn sử dụng
Đường ống bị rò rỉ, vỡ bể	Do các tác nhân ngoại cảnh	- Xác định đoạn ống bị vỡ - Khóa nguồn nước chảy qua đoạn ống bị vỡ - Tiến hành thay thế đoạn ống - Khi bị vỡ bể, thu gom, lưu giữ nước về bể điều hòa, nhanh chóng khắc phục sự cố, nếu chưa kịp khắc phục mà vượt quá khả năng chứa của các bể còn lại thì sẽ thuê đơn vị thứ hai đến hút đi xử lý.

b. Biện pháp, phương án phòng ngừa đối với hệ thống xử lý Khí thải

** Biện pháp phòng chống*

- Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.
- Nhân viên vận hành phải được tập huấn vận hành và định kỳ bảo dưỡng, bảo trì thiết bị của hệ thống xử lý để sớm phát hiện các dấu hiệu hỏng và sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành thiết bị, máy móc hệ thống xử lý bụi và khí thải.

** Biện pháp khắc phục*

Sau khi xác định được nguyên nhân gây ra sự cố, Nhà máy sẽ thực hiện một số giải pháp để khắc phục sự cố như sau:

- Kiểm tra hoạt động của quạt hút, sửa chữa hoặc thay thế nếu động cơ bị hỏng
- Kiểm tra máy bơm sửa chữa hoặc thay thế nếu động cơ gặp sự cố
- Trang bị các thiết bị quạt hút dự phòng

c. Biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó đối sự cố cháy nổ

** Biện pháp phòng chống*

Công ty đã thực hiện trang bị hệ thống PCCC ban đầu và lập phương án phòng

cháy chữa cháy.

Ngoài ra công ty còn áp dụng các biện pháp:

- Thường xuyên kiểm tra thiết bị điện, hệ thống dây dẫn điện
- Sắp xếp nguyên liệu, sản phẩm gọn gàng
- Vận hành máy móc thiết bị đúng yêu cầu của nhà sản xuất không vượt quá tải
- Kiểm định lò hơi, máy nén khí định kỳ theo quy định của nhà sản xuất
- Dự phòng nước trong bể nước chữa cháy: 20m³

** Biện pháp ứng phó*

Để đảm bảo ứng phó kịp thời khi có cháy nổ xảy ra, công ty thực hiện các biện pháp sau:

- + Lên phương án, lập tình huống giả định xảy ra và các biện pháp ứng phó cụ thể
- + Khi có cháy xảy ra việc bảo toàn tính mạng của con người được chú trọng hàng đầu

+ Thực hiện các biện pháp PCCC đồng thời báo cơ quan chức năng ứng cứu kịp thời.

7. Công trình, biện pháp ứng phó sự cố khác

7.1. Biện pháp an toàn lao động

- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động: Găng tay, giày, ủng, quần áo, khẩu trang cho công nhân.
- Thành lập tổ vệ sinh môi trường và an toàn lao động.
- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động.
- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc, nhà xưởng, kho chứa.
- Kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.
- Định kỳ kiểm soát môi trường vệ sinh lao động.
- Định kỳ thực hiện khai báo, kiểm định máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất. Công nhân tham gia vận hành các máy móc thiết bị này đều được đào tạo và cấp chứng chỉ của đơn vị có chức năng.

- Thực hiện nghiêm các biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ để hạn chế các sự cố xảy ra gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và thiệt hại cho sản xuất.

- Khi xảy ra sự cố, thực hiện sơ cứu sơ bộ tại Công ty, phối hợp chặt chẽ với đơn vị y tế tại địa phương và tuyến trên để kịp thời xử lý.

7.2. Biện pháp phòng chống mối, mọt

- Cách ly những hàng hóa khác, đóng kín kho hồng hoặc không bốc dỡ kho hồng để tránh lây nhiễm chéo.
- Trang bị thiết bị xua đuổi chuột

- Thuê cơ sở chuyên môn định kỳ diệt côn trùng, chuột và mối mọt

7.3. Biện pháp giảm thiểu, phòng chống sự cố lò hơi

- Phòng chống sự cố cháy nổ lò hơi

Có nội quy và quy trình vận hành lò hơi.

- Nội quy nhà lò hơi:

- + Người không có nhiệm vụ không được vào khu vực lò hơi.
- + Người vận hành lò hơi tuân thủ quy trình quy phạm vận hành an toàn lò.
- + Không làm việc riêng, không uống bia, rượu khi vận hành lò hơi.
- + Trang bị bảo hộ an toàn khi vận hành lò hơi.
- + Khi bàn giao ca, ghi đầy đủ tình trạng thiết bị trong ca vận hành
- + Giữ gìn thiết bị và khu vận hành sạch sẽ, an toàn.
- + Khi có sự cố hoặc hỏa hoạn xảy ra phải bình tĩnh xử lý, giữ nguyên hiện

trường và báo cáo lãnh đạo.

- Quy trình vận hành lò hơi:

+ Khởi động: Kiểm tra nhiên liệu, kiểm tra nước cấp, kiểm tra tình trạng đóng mở đúng các van, kiểm tra sự hoạt động của bơm cấp.

+ Trông coi lò bình thường: Bật nút tắt mở, theo dõi quá trình cháy trong lò, theo dõi quá trình cấp nước tự động của lò hơi, nếu có sự cố phải chuyển sang chế độ thao tác bằng tay. Theo dõi khói lò, đảm bảo khói ra không có màu.

+ Dừng lò bình thường: Tắt khóa đốt, khóa bơm, khóa van cung cấp dầu, tắt nguồn điện tổng. Chỉ được rời khỏi nhà lò sau khi đã kiểm tra chắc chắn là không hoạt động.

+ Dừng lò sự cố: Tắt khóa đốt, khóa bơm. Tắt nguồn điện tổng và kiểm tra tìm hiểu sự cố và đưa ra cách khắc phục.

- Giải pháp an toàn lò hơi:

+ Thường xuyên theo dõi mực nước trong bình đun qua ống thủy nhằm tránh sự cố cạn nước làm cháy bình đun, gây hiện tượng cháy nổ do khi đó độ bền của vỏ bình đun giảm xuống, còn áp suất bên trong bình đun thì tăng lên.

+ Đào tạo chuyên môn cho người vận hành lò hơi để khi xảy ra sự cố cạn nước trong bình đun, tuyệt đối không được đổ thêm nước vào bình, bởi ở nhiệt độ cao, nước bốc hơi rất nhanh làm cho áp suất trong bình tăng cao đột ngột dẫn đến nổ bình.

+ Định kỳ vệ sinh buồng đốt nhằm tăng cường quá trình trao đổi nhiệt.

+ Lắp đặt hệ thống đường ống dẫn có chất lượng tốt, khi lắp đặt xong cần kiểm tra áp lực đường ống trước khi vận hành.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn hơi, tránh rò rỉ hơi nước ra bên ngoài.

+ Định lượng chính xác lượng chất đốt đưa vào buồng đốt trong khoảng cho phép, tránh việc cho vào nhiều quá hoặc liên tục sẽ làm cho lượng nhiệt cấp tăng lên dẫn đến áp suất trong bình đun tăng, làm cho nguy cơ cháy nổ tăng.

+ Định kỳ 1 tháng vận hành phải kiểm tra lại toàn bộ lò hơi 1 lần. Chú ý các loại van, ống thủy, áp kế, và ống sinh hơi có hiện tượng rò rỉ không.

+ Từ 3- 6 tháng vận hành phải ngừng lò kiểm tra sửa chữa toàn diện, kết hợp vệ sinh cấu cặn cho lò.

+ Lò phải ngừng vận hành ngay để sửa chữa đột xuất nếu có hiện tượng hư hỏng các bộ phận chịu áp lực của lò hơi có nguy cơ gây tai nạn nghiêm trọng.

+ Việc sửa chữa vừa và lớn lò hơi do các cá nhân và đơn vị có năng lực đảm nhận và phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm về nồi hơi hiện hành.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường

Các nội dung thay đổi so với Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc như sau:

Bảng 3.13. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường

TT	Nội dung thay đổi	Theo báo cáo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt	Thực tế tại thời điểm đề xuất cấp giấy phép MT	Lý do thay đổi và đánh giá sự thay đổi
1	Thay đổi công suất hoạt động	+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (thức ăn gia súc 9.000 tấn/năm; thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm); + Sản xuất chế biến đồ gỗ (salon 75 bộ/năm; tủ 50 sản phẩm/năm; giường 50 sản phẩm/năm; tủ bếp 25 sản phẩm/ năm; bàn ăn 50 bộ/năm, ván lát sàn 2.000m ² /năm).	+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (thức ăn gia súc 9.000 tấn/năm; thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm); + Sản xuất chế biến đồ gỗ: không thực hiện + Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho, tổng diện tích sàn cho thuê 2.843,7m ² .	Do Công ty không tìm được đơn hàng nên phải thu hẹp quy mô sản xuất đồ gỗ để phù hợp với nhu cầu của thị trường.
2	Thay đổi về diện tích	Tổng diện tích đất của cơ sở là 10.000m ² với các nhà xưởng, kho phục vụ sản xuất cám và sản xuất đồ gỗ	Công ty thu hẹp lại quy mô sản xuất gỗ, đồng thời cho thuê 2.843,7m ²	Do không có nguồn tiêu thụ sản phẩm gỗ
3	Công trình xử lý bụi dây chuyền sản xuất cám	Có hệ thống lọc bụi. Khí thải sau lọc bụi thoát ra xưởng, không có cửa thoát ra môi trường xung quanh.	Hệ thống lọc bụi Cyclon → túi vải. Có 03 cửa thoát khí sau hệ thống xử lý	Trong đề án chưa mô tả chưa đầy đủ hệ thống

TT	Nội dung thay đổi	Theo báo cáo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt	Thực tế tại thời điểm đề xuất cấp giấy phép MT	Lý do thay đổi và đánh giá sự thay đổi
3	Các biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất sản phẩm gỗ	Buồng thu bụi	Không còn	Do công ty không còn thực hiện sản xuất các sản phẩm đồ gỗ
4	Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải.	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m ³ /ngày. đêm. Công nghệ xử lý: Nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → Nước ra	Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải lên 12m ³ /ngày.đêm. Công nghệ xử lý : Nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí MBBR → bể lắng → bể khử trùng → Nước ra	Để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh của công ty và đơn vị thuê nhà xưởng đạt quy chuẩn cho phép.
4	Chương trình quan trắc, giám sát môi trường			
	Chương trình giám sát khí thải.	Thực hiện quan trắc môi trường không khí tại các khu vực sản xuất; khí thải lò hơi	Thực hiện quan trắc môi trường không khí tại các khu vực sản xuất; khí thải lò hơi. Tuy nhiên có 03 cửa xả sau thiết bị lọc bụi dây chuyền sản xuất cảm chưa thực hiện quan trắc	-

Các nội dung về biện pháp, công trình xử lý khí thải lò hơi, thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại hiện tại của cơ sở đang áp dụng như đề án được phê duyệt.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công ty
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt từ đơn vị thuê nhà xưởng.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý công suất 12m³/ngày.
- Nguồn tiếp nhận nước thải
Kênh Tràng Kỹ thuộc xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải quản lý.
- Vị trí xả nước thải
+ Vị trí xả nước thải tại Kênh Tràng Kỹ thuộc xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải quản lý.
- + Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trực 105030', múi chiều 60): X (m): X(m): 2316253; Y (m) 573506.
- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 12m³/ngày.
- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo theo ống nhựa HDPE ND200, L =3m ra đến cửa xả rồi tự chảy ra kênh Tràng Kỹ nằm giáp cơ sở về phía Tây Nam.
- Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24/24h.
- *Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường* phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT mức B với hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT - cột B giá trị C _{max} với K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	TSS	mg/l	120		
4	TDS	mg/l	1200		

5	Amoni	mg/l	12		
6	Nitrat	mg/l	60		
7	Phosphat	mg/l	12		
8	Sunfua	mg/l	4.8		
9	Coliform	Vi khuẩn/100ml	6000		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột B).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải: 04 nguồn phát sinh khí thải bao gồm:

- + Nguồn thải 01: Ống xả khí khu vực nạp liệu
- + Nguồn thải 02: Ống xả khí khu vực nghiền
- + Nguồn thải 03: Ống xả khí khu vực ép viên và làm khô
- + Nguồn thải 04: Ống khói lò hơi.

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 04 dòng khí tương ứng với 03 ống phát thải.

a. Vị trí xả khí thải: Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰)

TT	Dòng khí thải	X (m)	Y (m)
Điểm xả 1	Ống phóng không khu vực nạp liệu	2316320	573532
Điểm xả 2	Ống phóng không khu vực nghiền	2316317	573534
Điểm xả 3	Ống phóng không khu vực ép viên, làm khô	2316314	573535
Điểm xả 4	Ống khói lò hơi	2316368	573516

b. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

TT	Nguồn	Dòng khí thải	Lưu lượng xả thải tối đa (m ³ /h)
1	Nguồn thải 1	Ống xả khí khu vực nạp liệu	14.000
2	Nguồn thải 2	Ống xả khí khu vực nghiền	17.000
3	Nguồn thải 3	Ống xả khí khu vực ép viên, tạo hạt	14.000
4	Nguồn thải 4	Ống khói lò hơi	14.000

- Tổng lưu lượng xả khí của 04 nguồn thải: 59.000m³/h.

c. Phương thức xả thải: Giám đoạn theo chế độ làm việc của dây chuyền sản xuất.

d. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:

Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất vô cơ, mức B (áp Kp=1,0, Kv=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT mức B (áp Kp = 1,0, Kv=1,2)
I	Khí thải sau hệ thống xử lý bụi khu vực nạp liệu+ nghiền; ép viên+ tạo hạt (nguồn thải số 01, 02)		
1	Lưu lượng	mg/m ³	-
2	Bụi tổng	mg/m ³	240
IV	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi (nguồn thải số 03)		
1	Lưu lượng		-
2	Bụi tổng	mg/m ³	240
3	Cacbon oxit, CO	mg/m ³	1200
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/m ³	600
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/m ³	1020

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: xưởng sản xuất thức ăn chăn nuôi.

+ Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰.

+ Nguồn số 01: Tọa độ X(m): 2316337; Y (m) 573527.

+ Nguồn số 02: Tọa độ: X(m): 2316252; Y (m) 573516.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

- Tiếng ồn:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	Không thực hiện	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4	1,4	Không thực hiện	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn phải đáp ứng quy định tại QCVN26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; giá trị giới hạn cho phép về độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh)

4. Quản lý chất thải rắn và CTNH

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	02	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
3	Bao bì kim loại thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	05	18 01 02
5	Bao bì nhựa cứng thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	05	18 01 03
6	Giẻ lau, vải bảo vệ dính nhiễm thành phần nguy hại (dầu, mỡ...)	Rắn	20	18 02 01
Tổng khối lượng			82	

4.2. Khối lượng, chủng loại CTR công nghiệp thông thường phát sinh

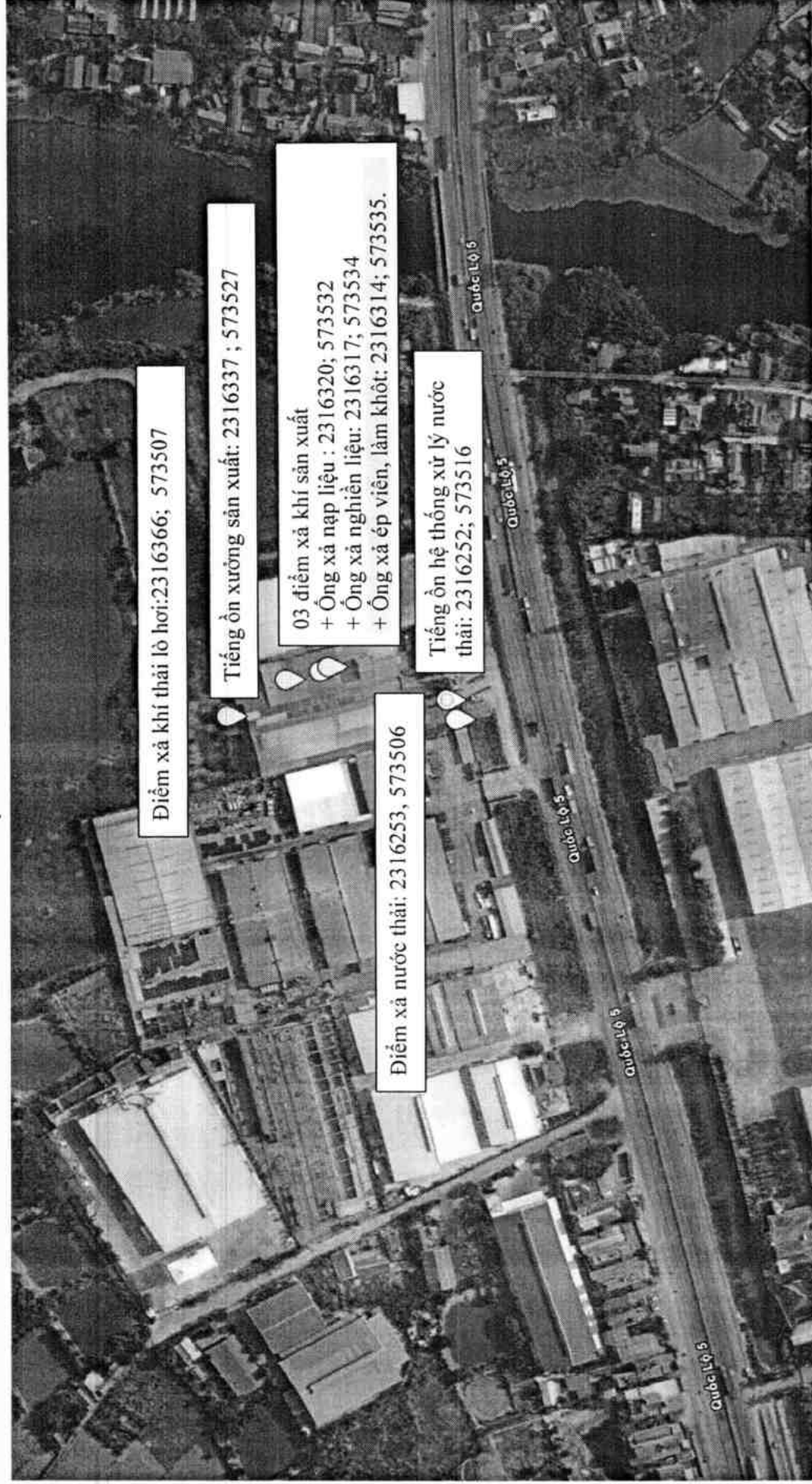
TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Nguyên liệu, sản phẩm hỏng, hết hạn sử dụng trong quá trình vận chuyển, sản xuất, đóng bao	Rắn	140.000	19 03 04
2	Vỏ bao rách, giấy vụn, nilon...	Rắn	1500	18 01 06

3	Xi lò, cặn lắng bể xử lý khí lò hơi	Rắn	2.500	04 02 06
4	Phuy chứa dầu, mỡ cá đã sử dụng	Rắn	300	
5	Bùn thải từ các bể tự hoại, từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Lỏng	1.000	12 06 13
6	Giẻ lau, túi lọc bụi, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 02
	Tổng		145.300	

4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trung bình 3 kg/ngày, tương đương 900kg/năm.

Hình 3.4. Sơ đồ vị trí các điểm xả của cơ sở



Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Thực hiện các thủ tục về môi trường

Đối với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ, Công ty được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018.

- Thực hiện các biện pháp, công trình xử lý chất thải

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý công suất thiết kế 12m³/ngày, xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Bụi, khí thải từ dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi: Công ty đã lắp đặt hệ thống lọc bụi Cyclon, lọc bụi túi để thu gom bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu, nghiền, ép viên đồng bộ theo thiết bị sản xuất.

+ Bụi, khí thải từ hoạt động lò hơi: lắp đặt quạt hút, cyclon, bể nước để thu gom, xử lý khí thải từ hoạt động của lò hơi.

+ Chất thải rắn: Công ty đã trang bị thiết bị thu gom, lưu trữ và kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 5m²; kho chứa chất thải rắn nguy hại 5m²; thực hiện ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng để mang xử lý theo quy định.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Theo hóa đơn sử dụng nước năm 2022, 2023 và năm 2024, trung bình lượng nước cấp đầu vào của công ty là 90,5m³/tháng (cấp cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt)

Quá trình sản xuất của cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt. Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở là 10 người và đơn vị vào thuê nhà xưởng hiện tại có khoảng 150 người (không có hoạt động nấu ăn tại công ty và đơn vị thuê nhà xưởng). Như vậy lượng nước cấp cho sinh hoạt hàng ngày hiện tại khoảng 7,2m³/ngày, lượng thải được xác định bằng 100% lượng nước sử dụng, thì tổng lượng nước thải phát sinh của cơ sở là 7,2m³/ngày.

Công ty thực hiện theo Báo cáo ĐTM được duyệt, hàng năm thực hiện quan trắc định kỳ 01/năm đối với nước thải và khí thải. Kết quả quan trắc trong năm 2022, 2023 của cơ sở như sau:

Bảng 5.1. Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý

Thời gian quan trắc: Ngày 25/6/2022 và ngày 31/7/2023.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	QCVN 40: 2011/BTNMT (Mức B)	QCVN 14: 2008/BTNMT (Mức B)
----	--------------------	--------	----------	----------	-----------------------------	-----------------------------

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP

1	pH	-	7,2	7,2	5 - 9	5 - 9
2	Độ màu	Pt- Co	68,1	49,5	150	-
3	TSS	mg/l	75	35,6	100	100
4	BOD ₅	mg/l	34,5	47	50	50
5	COD	mg/l	54,6	128	150	-
6	Fe	mg/l	0,16	0,33	5	-
7	Cd	mg/l	KPHT	<0,001	0,1	-
8	Cu	mg/l	0,181	<0,01	2	-
9	Zn	mg/l	0,15	<0,005	3	-
10	Pb	mg/l	KPHT	<0,001	0,5	-
11	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,59	5,2	10	10
12	Dầu mỡ DTV	mg/l	3,1	2,8	-	20
13	Tổng N	mg/l	20,6	10,8	40	-
14	Tổng P	mg/l	0,24	4,6	6	-
15	Coliform	mg/l	4,300	4600	5.000	5.000

Ghi chú:

- KPHT: Không phát hiện thấy. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp

- Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp

- (-): Không quy định

- QCVN 40: 2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, mức B.

- QCVN 14: 2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, mức B.

Nhận xét: Kết quả phân tích nước thải sau xử lý cho thấy: Đối chiếu với mức B của QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 14: 2008/BTNMT các thông số phân tích nước thải sau xử lý đều đạt QCCP.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

*** Kết quả quan trắc khí thải lò hơi**

Bảng 5.2. Kết quả phân tích mẫu khí thải khu vực nồi hơi

Số TT	Thông số	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	QCVN 19:2009/BTNMT, mức B (Cmax)
1	Nhiệt độ	mg/Nm ³	58,5	46	-
2	Lưu lượng	mg/Nm ³	10.542	2.995	-
3	Vận tốc	mg/Nm ³	5,2	0,2	-
4	Bụi	mg/Nm ³	105	132	240
5	SO ₂	mg/Nm ³	KPHT	49,87	600
6	NO _x	mg/Nm ³	KPHT	26,62	1020

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP

7	CO	mg/Nm ³	119,7	786,6	1200
---	----	--------------------	-------	-------	------

Ghi chú:

- **OK:** Ống khói nôi hơi
- **QCVN 19: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng mức B.
- **$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$:** Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp.

Trong đó:

- **C:** Là nồng độ của chất ô nhiễm quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT;
- **K_p:** Hệ số lưu lượng nguồn thải, áp với $P \leq 20.000\text{m}^3/\text{h}$, $K_p=1,0$.
- **K_v:** Hệ số vùng, $K_v=1,2$

Nhận xét:

- Tại thời điểm lấy mẫu và phân tích mẫu khí thải ống khói nôi hơi ở bảng trên, kết quả các lần quan trắc cho thấy: Các khí CO, NO_x, SO₂ và bụi TSP trong các đợt quan trắc đều đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, áp dụng mức B, đã tính đến hệ số lưu lượng nguồn thải và hệ số vùng.

* Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí

Thời gian quan trắc: Ngày 25/6/2022 và ngày 31/7/2023

Năm	Đợt Ký hiệu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Tiếng ồn (dBA)	CO mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	CO ₂ mg/m ³	Bụi tổng mg/m ³
2022	K1	58	82.5	0.2	485	55	<3	0.075	0.150	335	0.12
	K2	36	68.5	0.2	509	68	3.448	0.100	0.150	342	0.25
	K3	36	68.1	0.3	515	65	3.420	0.115	0.165	324	0.26
	K4	36	60.5	0.2	512	60	3.173	0.075	0.155	311	0.15
2023	K1	32	74	0.2	572	56	3.2	0.078	0.092	482	1.62
	K2	33	75	0.1	562	61	3.7	0.083	0.097	471	1.92
	K3	32	72	0.1	402	63	4	0.078	0.095	452	1.68
	K4	32	70	0.1	1420	64	3.9	0.087	0.093	434	1.53
QCVN 05:2023/BTNMT		-	-	-	-	70 (*)	30	0.2	0.35	-	0.3

Ghi chú:

(-): Không quy định

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- QCVN26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

K1: Mẫu không khí lấy tại khu vực nôi hơi

K2: Mẫu không khí lấy tại khu vực nghiền

K3: Mẫu không khí lấy tại khu vực đóng bao

K4: Mẫu không khí lấy tại khu vực kho chứa

Nhận xét:

Tại các thời điểm quan trắc môi trường không khí khu vực sản xuất cho thấy: Các thông số vi khí hậu, ánh sáng và bụi TSP tại các vị trí sản xuất đều đạt giá trị cho phép; nồng độ bụi và các khí CO, SO₂, NO_x đều đạt QCCP.

4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 02 năm (2022, 2023) và đến thời điểm lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường của cơ sở (tháng 11/2024), công ty đã tiếp đoàn kiểm tra liên ngành gồm cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh; Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cẩm Giàng. Nội dung kiểm tra về thông tin phản ánh của một số công dân, doanh nghiệp hoạt động tại thôn Phúc B, xã Phúc Điền (xã Cẩm Phúc cũ), huyện Cẩm Giàng về tình trạng phát sinh khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường.

Theo nội dung biên bản kiểm tra ngày 28/4/2023 tại Công ty TNHH Lâm Huy TP nêu: “Công ty đang tạm dừng hoạt động, công ty đã cơ bản đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như thực hiện các giải pháp để thu gom, xử lý chất thải phát sinh” đồng thời yêu cầu công ty rà soát lại quy trình vận hành lò hơi để có giải pháp giảm thiểu hiện tượng khói đen trong thời điểm nhóm lò (biên bản kiểm tra đính kèm phụ lục).

Sau khi được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 05/7/2018, theo đó tên dự án được điều chỉnh là Dự án cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP. Tuy nhiên do chưa nắm bắt đúng quy định về bảo vệ môi trường do vậy cơ sở chưa thực hiện đầy đủ thủ tục môi trường theo quy định, dẫn đến việc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Quyết định số 1548/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng ban hành. Ngay sau khi nhận được Quyết định xử phạt, cơ sở đã nghiêm túc chấp hành các nội dung xử phạt, thực hiện nghĩa vụ nộp phạt theo quy định và khẩn trương triển khai biện pháp khắc phục, trong đó tập trung lập và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đến nay, cơ sở đã hoàn thiện và nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp phép. Việc nộp hồ sơ là biện pháp khắc phục tồn tại môi trường theo Quyết định xử phạt, đồng thời thể hiện cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; cơ sở cam kết sau khi được cấp Giấy phép môi trường sẽ thực hiện nghiêm các yêu cầu, điều kiện bảo vệ môi trường, vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải và không để tái diễn các hành vi vi phạm, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Các công trình không phải vận hành thử nghiệm

Xử lý khí thải lò hơi: Thời điểm xin cấp phép môi trường, việc sử dụng nhiên liệu, biện pháp áp dụng xử lý khí thải lò hơi không thay đổi so với thời điểm phê duyệt đề án bảo vệ môi trường. Kết quả quan trắc khí thải lò hơi cho thấy các khí CO, NO_x, SO₂ và bụi TSP trong các đợt quan trắc định kỳ hàng năm đều đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT.

1.2. Các công trình phải vận hành thử nghiệm

- Theo nội dung Đề án bảo vệ môi trường được theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018 do UBND tỉnh Hải Dương cấp cho công ty đã đề cập: Hệ thống xử lý bụi từ quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi: bao gồm 03 hệ thống lọc bụi được lắp kèm dây chuyền sản xuất. Tuy nhiên chưa mô tả nguồn thải, số lượng cửa xả, lưu lượng thải, chương trình kiểm soát môi trường cũng không đề cập thực hiện quan trắc các nguồn thải đó.

- Công ty thay thế mới 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Vì vậy Công ty thực hiện vận hành thử nghiệm đối với các hệ thống xử lý chất thải, cụ thể như sau:

1.2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Hạng mục công trình	Thời gian dự kiến bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất hoạt động của cơ sở tại thời điểm vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý bụi, khí công đoạn nạp liệu (nguồn thải số 01)	Trong vòng 6 tháng sau khi được phê duyệt Giấy phép môi trường (dự kiến từ ngày 1/1/2026 - 1/6/2026)		80-100% công suất
2	Hệ thống xử lý bụi, khí công đoạn nghiền liệu (nguồn thải số 02)			
3	Hệ thống xử lý bụi, khí công đoạn ép viên (nguồn thải số 03)			
4	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 12m ³ /ngày đêm			

1.2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

- Vị trí, thông số quan trắc:

TT	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Tần suất lấy mẫu
1	Hệ thống xử lý bụi, khí công đoạn nạp liệu (nguồn thải số 01)	OK1	Lưu lượng, Bụi tổng	01 ngày/lần (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).
2	Hệ thống xử lý bụi, khí công đoạn nghiền liệu (nguồn thải số 02)	OK2		
3	Hệ thống xử lý bụi, khí công đoạn ép viên, làm khô (nguồn thải số 03)	OK3		
4	Nước thải trước hệ thống xử lý	Nt1	pH; BOD; TSS; TDS; Amoni; Sunfua; Nitrat; Phosphat; tổng các chất hoạt động bề mặt; dầu mỡ động thực vật; Coliforms	01 ngày/lần (lấy 01 ngày mẫu đơn).
5	Nước thải sau hệ thống xử lý	Nt2		01 ngày/lần (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

- Tên đơn vị: Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường
 - Địa chỉ: Số 5/35 Đình Thôn, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 23 Lô C2 Khu đô thị Geleximco, đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0965961456
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 67/GCN- BTNMT ngày 20/9/2024 do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp mã số chứng nhận VIMCERT 332.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, nước thải sinh hoạt của công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ do không phải đối tượng lưu lượng xả thải nước thải lớn ra môi trường.

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Mức lưu lượng xả bụi, khí thải của công ty thuộc đối tượng quy định tại mục c khoản 1 điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022. Công ty thực hiện quan trắc bụi, khí thải như sau

TT	Nguồn phát thải	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Tần suất giám sát
1	Khí thải sau hệ thống nạp liệu (nguồn thải số 01)	01 ống phát thải	Lưu lượng, Bụi	QCVN19:2009/ BTNMT	6 tháng/lần
2	Khí thải sau hệ thống xử lý bụi khu vực nghiền (nguồn thải số 02)	01 ống phát thải			
3	Khí thải sau hệ thống xử lý khu vực ép viên, làm khô (nguồn thải số 03)	01 ống phát thải			
4	Khí thải lò hơi	01 ống phát thải	Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x	QCVN19:2009/ BTNMT	6 tháng/lần

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

a. Quan trắc nước thải

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường tự động liên tục đối với nước thải.

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Căn cứ khoản 2 điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với khí thải.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: không

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Việc lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP của Công ty TNHH Lâm Huy TP, thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 01/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Lâm Huy TP cam kết về tính chính xác, độ trung thực của các thông tin, số liệu đưa ra trong nội dung của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP.

Công ty cam kết về việc thực hiện xử lý chất thải đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành. Cụ thể như sau:

Công ty cam kết duy trì vận hành hệ thống thu hồi, xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất đảm bảo khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT mức B (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT)

Công ty cam kết duy trì vận hành hệ thống xử lý nước sinh hoạt. Nước thải đầu ra của hệ thống được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - Cột B (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung)

Đối với nước thải phát sinh từ các hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu hồi sau đó tuần hoàn tái sử dụng nước cho công đoạn dập bụi. Phần cặn lắng được thu gom và thuê xử lý theo quy định.

Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật đảm bảo tiếng ồn, độ rung trong quá trình vận hành.

Trang bị thiết bị lưu trữ, kho chứa chất thải rắn thông thường, sinh hoạt và nguy hại đảm bảo các quy định. Ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng xử lý các loại chất thải (rác sinh hoạt, rác thải thông thường và nguy hại) đảm bảo theo đúng quy định.

Thực hiện phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

CÁC VĂN BẢN, KẾT QUẢ PHÂN TÍCH LIÊN QUAN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRÖ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0800275194

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 06 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 25 tháng 11 năm 2024



1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220.2212256

Fax: 0220.3784613

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN TÓN	Việt Nam	Thôn Trảng Kỳ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	10.200.000.000	51,000	030059003176	



2	NGUYỄN ĐÌNH TOẠI	Việt Nam	Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giăng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	9.800.000.000	49,000	030083026 985	
---	------------------	----------	---	---------------	--------	------------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TÔN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/10/1959*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030059003176*

Ngày cấp: *10/06/2020*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giăng, Tỉnh Hải
Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giăng, Tỉnh Hải Dương,
Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0800275194

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 06 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 11 tháng 06 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220.2212256

Email:

Fax: 0220.3784613

Website:

3. Vốn điều lệ

20.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDD đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ NGUYỆT	Thôn Trảng Kỵ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	18.000.000.000	90,000	140328642	
2	NGUYỄN XUÂN TÔN	Thôn Trảng Kỵ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	2.000.000.000	10,000	141252230	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THỊ NGUYỆT

Chức danh: Giám đốc

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 08/07/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 140328642

Ngày cấp: 12/05/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Ulaer



TRƯỜNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

Số:



11465/18

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ trụ sở: Số 58 phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố
Đương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Điện thoại: 0220 3859412
Email: dkkdhd@gmail.com

Fax:

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0800275194

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng Chi tiết: Khai thác, chế biến than	0510/Chi
2	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
4	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
5	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
6	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
7	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
8	Xây dựng nhà các loại	4100
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi	4290
10	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11	Phá dỡ	4311
12	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
14	Bán buôn đồ uống	4633
15	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634

STT	Tên ngành	Mã ngành
16	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
17	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
21	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Khách sạn	5610
26	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi	6810

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP. Địa
chỉ: Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện
Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

- Lưu: Nguyễn Thị Phương Thảo



TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

9

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh Hải Dương

---&---

Số: 1123 /QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----QH

Hải Dương, ngày 22 tháng 4 năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
V/v Cho Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc thuê đất.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND (Sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994.
- Căn cứ Luật Đất đai năm 1993; Các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998 và năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số: 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 và Nghị định số: 66/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số: 205/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất đai 5 năm (2001-2005) tỉnh Hải Dương.
- Xét đề nghị của Ông Giám đốc sở Địa chính tại công văn số: 223 CV/ĐC ngày 11 tháng 4 năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:1. Thu hồi 12.000 m² (Mười hai ngàn mét vuông) đất do các hộ gia đình và UBND xã Cẩm Phúc huyện Cẩm Giàng đang quản lý, chuyển mục đích sử dụng để dùng vào các mục đích sau đây:

+ Cho Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc (Đăng ký kinh doanh số: 0401000112 do sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06/6/2002) thuê đầu tư xây dựng cơ sở chế biến gỗ và sản xuất đồ gỗ là: 10.000m² (Theo văn bản chấp thuận dự án đầu tư số: 77/CV-UB ngày 27 tháng 01 năm 2003 của UBND tỉnh).

+ Diện tích đất còn lại (2.000m²) là hành lang đường 5A, tạm giao cho Doanh nghiệp quản lý, sử dụng theo quy định (Làm đường đi, không được xây dựng công trình).

2. Loại đất:

- Nông nghiệp: 10.996,50 m² (Trong đó đất đai vụ lúa: 10.283m²; Diện tích cây hàng năm khác 713,50m²).

- Chuyên dùng: 1.003,50m² (Trong đó: Đất giao thông 369,20m²; Đất thủy lợi có 634,30m²).

3. Vị trí: Tại các thửa 472a; 473a, 473b; 474; 1011 ÷ 1014; 1016 ÷ 1019 thuộc tờ bản đồ số 07:

- Bắc giáp: Ruộng canh tác.
- Nam giáp: Lũu không Đường 5A.
- Đông giáp: Ruộng canh tác.
- Tây giáp: Công ty TNHH Vạn Đắc Phúc.

(Vị trí, ranh giới cụ thể của khu đất, theo trích lục tờ bản đồ số: 07 tỷ lệ: 1/1000 phóng lên tỷ lệ 1/500 do UBND xã Cẩm Phúc, Phòng Địa chính huyện Cẩm Giàng và sở Địa chính xác lập ngày 08/4/2003).

4. Thời hạn thuê đất là: 25 năm (Hai mươi lăm năm).

Điều II: 1. Giao cho sở Tài Chính-Vật giá, Sở Địa chính, UBND huyện Cẩm Giàng, UBND xã Cẩm Phúc; các ngành và đơn vị liên quan, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và các chế độ chính sách hiện hành: Lập phương án bồi thường cho người bị thu hồi đất; Xác định giá cho Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc thuê đất trình UBND tỉnh và hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Đơn vị thực hiện.

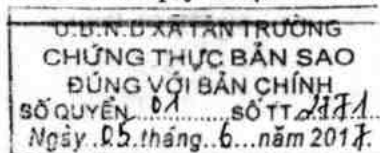
2. Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc có trách nhiệm: Sử dụng đất đúng mục đích (Theo văn bản chấp thuận dự án đầu tư), vị trí, diện tích được thuê và phải chấp hành đầy đủ những quy định khác trong công tác quản lý, sử dụng đất và các Pháp luật có liên quan hiện hành.

3. Quyết định này được thực hiện từ ngày ký; Trong thời hạn mười hai tháng liền, Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc không sử dụng đất (Nếu không được phép của cấp có thẩm quyền) thì sở Địa chính có trách nhiệm phối hợp cùng các ngành và đơn vị liên quan, lập thủ tục trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất theo luật định.

Điều III: Các Ông: Chánh văn phòng HĐND & UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Địa chính, Tài chính-Vật giá, Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng, Chủ tịch UBND xã Cẩm Phúc (Huyện Cẩm Giàng), Ông Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc và các hộ phải thu hồi đất căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận

- Như điều III.
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh.
- Cục thuế.
- Sở Xây dựng.
- C.v có liên quan.
- Lưu VP.



T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
K/T CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN HỘI



PHÓ CHỦ TỊCH
HOANG - BÌNH

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 04121000702

Chứng nhận lần đầu: Ngày 16 tháng 10 năm 2013

BẢN SAO

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Xét đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1083/TT-KHĐT-TĐĐTTN ngày 25 tháng 9 năm 2013 và hồ sơ kèm theo,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận:

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN PHÚC, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân, mã số doanh nghiệp: 0800275194, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 7 năm 2011; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Chủ doanh nghiệp: NGUYỄN XUÂN TÔN (nam); sinh ngày: 10/10/1959; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 141252230, ngày cấp: 12/5/2006, nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: CƠ SỞ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN ĐỒ GỖ VÀ KINH DOANH NHÀ HÀNG TÂN PHÚC.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất, chế biến đồ gỗ; quy mô: Salon 250 bộ/năm, tủ 200 cái/năm, giường 200 cái/năm, tủ bếp 50 cái/năm, bàn ăn 200 bộ/năm, ván lát sàn 5.000 m²/năm.

- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, hội nghị, hội thảo; quy mô: Nhà hàng 200 chỗ, tổ chức hội nghị, tiệc cưới 60 lễ/năm, phục vụ nhu cầu ăn uống 150 - 200 thực khách/ngày.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng (tại khu đất Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc được UBND tỉnh Hải Dương cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 989208 ngày 17/3/2004); diện tích đất sử dụng: 10.000,0 m².

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 26.903.505.000 VND (Hai mươi sáu tỷ, chín trăm linh ba triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng). Trong đó vốn tự có để thực hiện dự án là 19.903.505.000 VND (Mười chín tỷ, chín trăm linh ba triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng), loại vốn bằng tiền Việt Nam, tiến độ bố trí vốn để thực hiện dự án: Đã thực hiện xong; vốn vay các tổ chức tín dụng là 7.000.000.000 (bảy tỷ) VND.

Điều 5. Thời hạn thực hiện dự án: 25 năm, kể từ ngày 22/4/2003.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Đến hết năm 2013, Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc phải xây dựng hoàn thành các hạng mục công trình của dự án và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ.

Điều 7. Các quy định khác:

- Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế công văn số 77/CV-UB ngày 27/01/2003 của UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận về Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở chế biến gỗ và sản xuất đồ gỗ của Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc - huyện Cẩm Giàng.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng mục tiêu và các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư; tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ, và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN PHÚC, một bản lưu tại UBND tỉnh Hải Dương; sao gửi các Bộ, ngành: KH&ĐT, Tài Chính, TN&MT, Xây dựng, NHNN Việt Nam và các Sở, ngành: KH&ĐT, Tài chính, Xây dựng, TN&MT, Công thương, Cục Thuế tỉnh và UBND huyện Cẩm Giàng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

Số: 1860/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ công văn số 4326/BKHĐT-ĐTNN ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư v/v thủ tục tiếp nhận và biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư theo Luật Đầu tư;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 844/TT-KHĐT-TĐĐT ngày 14 tháng 7 năm 2015 và Hồ sơ kèm theo của DNTN Tân Phúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN PHÚC,

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân, mã số doanh nghiệp: 0800275194, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 12 năm 2014; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; điện thoại: (0320). 3786532; Fax: (0320). 3784613.

Chủ doanh nghiệp: Ông NGUYỄN XUÂN TÔN; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1959; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 141252230, ngày cấp: 12 tháng 5 năm 2006, nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; điện thoại: 0904.888.555.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ SẢN XUẤT ĐỒ GỖ TÂN PHÚC.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất, chế biến đồ gỗ.

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (trong đó: Thức ăn cho gia súc 9.000 tấn/năm, thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm).

- Sản xuất, chế biến đồ gỗ: Salon 150 bộ/năm, tủ 100 sản phẩm/năm, giường 100 sản phẩm/năm, tủ bếp 50 sản phẩm/năm, bàn ăn 100 bộ/năm, ván lát sàn 4.000 m²/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 10.000 m² (diện tích đất này UBND tỉnh đã cho Nhà đầu tư thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 459305 ngày 16 tháng 01 năm 2014).

6. Tổng vốn đầu tư dự án: 40.818.600.000 VND (Bốn mươi tỷ, tám trăm mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó:

- Vốn tự có của Nhà đầu tư để thực hiện dự án: 30.818.600.000 VND (Ba mươi tỷ, tám trăm mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Vốn vay để thực hiện dự án: 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 22 tháng 4 năm 2028.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng Quý, có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. Quyết định này thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000702 chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 2013 do UBND tỉnh Hải Dương cấp.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng; Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc căn cứ quyết định thi hành. /s/ *kt*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh (Đ/c Quang Hải);
- CV VP UBND tỉnh (Đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, KHTH, CV. Hùng (20b)H

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

Số: 2251/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 05 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Dự án Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và
cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP của Công ty TNHH Lâm Huy TP
(điều chỉnh lần thứ nhất)



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1066/TTr-SKHĐT ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Hồ sơ Dự án đầu tư kèm theo của Công ty TNHH Lâm Huy TP,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP (Do DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN PHÚC đổi tên và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp),

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0800275194, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm



2002, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 6 năm 2018; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phúc B, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Bà PHẠM THỊ NGUYỆT; sinh ngày 08 tháng 7 năm 1962; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 140328642, ngày cấp: 12 tháng 5 năm 2006, nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Thôn Trảng Kỵ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất đồ gỗ; cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho.

3. Quy mô dự án:

a) Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (trong đó: Thức ăn cho gia súc 9.000 tấn/năm, thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm).

b) Sản xuất đồ gỗ: Salon 75 bộ/năm, tủ 50 sản phẩm/năm, giường 50 sản phẩm/năm, tủ bếp 25 sản phẩm/năm, bàn ăn 50 bộ/năm, ván lát sàn 2.000 m²/năm.

c) Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho, tổng diện tích sàn cho thuê 2.843,7 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 10.000 m² (diện tích đất này UBND tỉnh đã cho Nhà đầu tư thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 567920 ngày 08 tháng 6 năm 2017).

6. Tổng vốn đầu tư dự án: 48.468.428.000 VND (Bốn mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó Nhà đầu tư sử dụng 100% vốn tự có để thực hiện dự án.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 22 tháng 4 năm 2028.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành các hạng mục công trình còn lại và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ trước ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường,

phòng chống cháy nổ và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thực hiện cho thuê tài sản gắn liền với đất (văn phòng, nhà xưởng và kho) đã được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

3. Định kỳ hàng Quý, có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Lâm Huy TP căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh (đ/c Quang Hải);
- UBND xã Cẩm Phúc (huyện Cẩm Giàng);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (25b)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Đức Sáng

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN TIẾN QUỲNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **55** /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **10** tháng **01** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương của Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương của Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc, ngày 22 tháng 8 năm 2017;

Xét nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đã được bổ sung, hoàn chỉnh những nội dung theo yêu cầu của đoàn kiểm tra gửi kèm theo Văn bản số 15/CV - TP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 05/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Cơ sở có vị trí tại: Xã Tân Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.2. Quy mô, công suất hoạt động của Cơ sở:

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi:

- + Thức ăn cho gia súc: 9.000 tấn/năm;
- + Thức ăn cho gia cầm: 4.500 tấn/năm.
- Sản xuất, chế biến đồ gỗ:
- + Salon: 150 bộ/năm;
- + Tủ: 100 cái/năm;
- + Giường: 100 cái/năm;
- + Tủ bếp: 50 cái/năm;
- + Bàn ăn: 100 bộ/năm;
- + Ván lát sàn: 4.000 m²/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung, biện pháp, giải pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án của Cơ sở.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

2.3. Các hệ thống xử lý môi trường bao gồm: nước thải, khí thải phải được xây dựng hoàn thành, đánh giá, xác nhận hiệu quả xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường cho phép; cụ thể như sau:

- Đối với nước thải: phải xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT với giá trị C_{max} mức B, hệ số K_q=0,9, K_f=1,2; các thông số còn lại đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, với C_{max} mức B, hệ số K=1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Đối với tiếng ồn, bụi và khí thải phải xử lý đạt các quy chuẩn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế trước khi thải vào môi trường; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24:2016/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26:2016/BYT.

2.4. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.5. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý và giám sát môi trường chất thải theo nội dung Đề án đã được phê duyệt với tần suất 03 tháng/lần; phải gửi báo cáo kết quả quan trắc định kỳ về Công cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt quan trắc để theo dõi, giám sát.

2.6. Thu gom, quản lý và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý chất thải và phế liệu.

2.7. Thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Về quản lý chất thải nguy hại.

2.8. Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động, xử lý sự cố môi trường và những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến hoạt động của Cơ sở.

Điều 2. Trong quá trình triển khai thực hiện nội dung hoạt động của Cơ sở, nội dung của Đề án có thay đổi, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở và các yêu cầu bắt buộc tại Khoản 2, Điều 1 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 17/12

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lưu: VT. Ô.Đông (7b)✓

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Cường



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320. 3717555

Fax: 0320. 3717555

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

“V.v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại”

Số: 1005/2023/HĐKT/AS-TP

- Căn cứ Luật dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 14/06/2005.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 23/06/2014.

- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của thủ tướng chính phủ về việc “quản lý chất thải và phế liệu”.

- Căn cứ thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực thi hành ngày 15/07/2015.

- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc và khả năng của Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh.

Hôm nay, ngày 20 tháng 04 năm 2023, tại Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Địa chỉ: Thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Mã số thuế: 0800275194.

Điện thoại: 03202.212 256.

Fax: . 03203.784 613

Tài khoản số: 2306 211 410005 tại Ngân hàng NN& PTNT huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương

Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Tôn

Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ : Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại :0320.3717555

Fax: 0320 3717555

Mã số thuế :0800754983

Tài khoản số : 0341006990138 tại ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện : Ông Hà Văn Tĩnh

Chức vụ: P. Giám đốc

Sau khi bàn bạc thoả thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại này (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với những điều khoản sau:



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320. 3717555

Fax: 0320. 3717555

ĐIỀU I. NỘI DUNG, PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ ĐỊA ĐIỂM XỬ LÝ

- Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A đến địa điểm xử lý tại nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

ĐIỀU II. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, SỐ LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- **Đặc tính chất thải:** Chất thải nguy hại

- **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại kho lưu giữ chất thải của bên A thôn Phúc B, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

- **Địa điểm lưu giữ và xử lý:** Tại nhà máy xử lý chất thải công nghiệp của Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- **Số lượng:** Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B. Hai bên sẽ cùng xác nhận về số lượng chất thải bàn giao, làm căn cứ cho việc thanh toán sau này.

- **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

- **Thời gian thực hiện:** Trong vòng 48 giờ sau khi nhận được yêu cầu bằng Fax, điện thoại, hoặc email của bên A, bên B sẽ bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

ĐIỀU III. ĐƠN GIÁ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

3.1/ Đơn giá xử lý:

Đơn giá xử lý trọn gói (bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý) chất thải nguy hại là: **15.000.000 đồng/năm** (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn trên một năm)

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Ghi chú: Đơn giá trên là phần khối lượng chất thải bàn giao không quá 550kg một năm, số lần vận chuyển không quá 02 lần một năm. Nếu khối lượng chất thải bàn giao vượt quá 550kg một năm thì bên A phải trả thêm cho bên B là 15.000đ/1kg của phần khối lượng vượt thêm đó. Nếu bên A yêu cầu bên B vận chuyển quá 02 lần một năm thì bên A phải trả thêm cho bên B là 1.500.000đ/lần của số lần thêm đó.

3.2/ Hình thức thanh toán

- Kể từ ngày hợp đồng được ký kết, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền theo mục 3.1 Điều III. Sau 10 ngày mà bên A chưa thanh toán được cho bên B thì bên A phải có công văn giải trình với bên B về việc chậm thanh toán.

- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản sau:

Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường An Sinh;



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320. 3717555

Fax: 0320. 3717555

Số Tài khoản: 0341006990138 tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh khu công nghiệp Hải Dương.

ĐIỀU IV. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1/ Trách nhiệm của bên A:

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải nguy hại, bên A phải báo trước 48 giờ cho bên B để bên B bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển.
- Đảm bảo thành phần chất thải không được trộn lẫn với các chất thải khác.
- Cử cán bộ, nhân viên hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

4.2/ Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời đến nhận chất thải.
- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định khi ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn bên A.
- Thực hiện nhận bàn giao chất thải từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Vận chuyển đúng khối lượng và đúng chủng loại CTNH của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng các quy định về vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển (*kể từ lúc ra khỏi cổng của bên A*);
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.
- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

ĐIỀU V. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam... thì:

- Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa, các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320. 3717555

Fax: 0320. 3717555

ĐIỀU VI. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng đều phải lập thành phụ lục hợp đồng và là bộ phận không thể tách rời với hợp đồng này.

- Hai bên không được chuyển nhượng, giao bán hợp đồng này hay bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào trong hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản giữa hai bên.

- Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng trước, tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải giữa các bên. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết cuối cùng bởi tòa án kinh tế Hải Dương.

ĐIỀU VII. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 20/04/2025. Khi hết thời hạn hợp đồng nếu không có gì vướng mắc giữa hai bên thì hợp đồng coi như đã được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Văn Linh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 28.06.2024/CNK

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 10/01/2022.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2022.
- Căn cứ vào năng lực của Công ty Cổ phần Xử lý, Tái chế Chất thải Công nghiệp Hòa Bình.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 24 tháng 06 năm 2024, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Địa chỉ : Thôn Phúc B, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
Điện thoại : 0220.2212256
Mã số thuế : 0800275194
Người đại diện : Ông Nguyễn Xuân Tôn Chức vụ: Giám Đốc

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ : Tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại : 024.3822 1234
Tài khoản : 118000113569 Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bắc Thăng Long, Hà Nội.
Mã số thuế : 0102963031
Người đại diện : Ông Trần Triệu Kiên Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
(Theo giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-HIRT ngày 10/05/2023)

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 24 tháng 06 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu giữ chất thải của Công ty TNHH Lâm Huy TP

Địa chỉ : Thôn Phúc B, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. Thời gian giao nhận: theo sự thống nhất của hai bên.

Điện thoại thường trực: 0966.619.890

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển.

4. Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải của Bên A giao cho Bên B được vận chuyển, xử lý theo quy định và theo giấy phép xử lý chất thải của bên B.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ:

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

TT	Danh mục	Mã CTNH	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
1	Dầu mỡ thải	17 02 04	kg	7.000
2	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	18 02 01	kg	6.000
3	Bóng đèn thải	16 01 06	kg	8.000
4	Bao bì kim loại cứng thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	18 01 02	kg	6.000
5	Bao bì mềm thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	18 01 01	kg	6.000
6	Mực in thải	08 02 01	kg	4.500
7	Hộp mực in thải	08 02 04	kg	10.000
8	Chất thải công nghiệp thông thường		kg	5.000
9	Chất thải sinh hoạt		kg	5.000

2. Phí vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được tính như sau (Đã bao gồm thuế GTGT):

2.1. Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải nhỏ hơn 16.000.000 đồng/01 lần vận chuyển (Mười sáu triệu đồng trên 01 lần vận chuyển) thì Bên B vẫn tính là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

2.2. Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải lớn hơn 16.000.000 đồng/01 lần vận chuyển (Mười sáu triệu đồng trên 01 lần vận chuyển) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A phải chịu mức giá theo đơn giá bảng đơn giá trên.

3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

4. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

5. Trường hợp Bên A không bàn giao chất thải cho Bên B thì Bên A vẫn phải chịu chi phí duy trì hợp đồng là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

1. Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: 16.0000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). (Số tiền đã bao gồm VAT) ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi Bên B xuất hóa đơn tài chính. Bên B sẽ không hoàn lại tiền tạm ứng cho Bên A khi hết hạn hợp đồng (kể cả trong trường hợp Bên A không chuyển giao chất thải).
2. Bên A thanh toán phí phát sinh theo **Điều 3 (2)** bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A:

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3 của Hợp đồng.
2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu có).
3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.
4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
7. Bên A có trách nhiệm lập và chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.
8. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B:

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.
2. Bên B bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
3. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
4. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
5. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp

tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

6. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

7. Cán bộ, nhân viên của Bên B khi làm việc trong phạm vi của Bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT:

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;
- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 01/HĐTGR

- Căn cứ: Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ: Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11;
- Căn cứ: Bộ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại công ty TNHH Lâm Huy TP, chúng tôi bao gồm:

BÊN A: Công Ty TNHH Lâm Huy TP

Mã số thuế: 0800275194

Địa chỉ: Cẩm Phúc – Cẩm Giàng – Hải Dương

Số điện thoại liên lạc: 0904888555

Đại diện: **Ông: Nguyễn Xuân Tôn**

Chức danh: Giám Đốc

BÊN B : Nguyễn Văn Thanh

Địa chỉ: Thôn Tràng Kỹ - Tân Trường – Cẩm Giàng – Hải Dương

Số điện thoại liên lạc:

Chức danh: Đội thu gom rác thôn Tràng Kỹ

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng số 01/HĐTGR với những nội dung sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

1. Hai bên thỏa thuận về việc bên A thuê dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt của bên B cho công ty TNHH Lâm Huy của bên A tại địa chỉ Cẩm Phúc – Cẩm Giàng – Hải Dương
2. Thời hạn hợp đồng (tối đa không vượt quá 5 năm): Từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/12/2024.
3. Gia hạn hợp đồng
Khi hết hạn hợp đồng bên A tiếp tục ủy quyền cho bên B theo nội dung hợp đồng này với các điều kiện sau:
 - Hai bên tiếp tục có nhu cầu ký tiếp hợp đồng.
 - Bên B thực hiện tốt nội dung, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng này.

Điều 2: Mô tả công việc

1. Tần suất thu gom: Bên B thực hiện thu gom rác thải trên địa bàn công ty với tần suất 01 ngày/01 lần.

Vào các ngày: Thứ 2,3,4,5,6,7.

2. Thời gian thu gom: Thu gom, vận chuyển trong ngày đến khi nào hết rác, cố định vào buổi sáng, bắt đầu từ 06 giờ 00 phút (Nếu vì lý do thời tiết bất khả kháng thì sẽ chuyển sang buổi chiều bắt đầu từ 13 giờ 30 phút) cụ thể:

3. Tần suất và thời gian thu gom có thể thay đổi phụ thuộc vào khối lượng rác trên địa bàn và những vấn đề đột xuất do khách quan mang lại hoặc phục vụ nhiệm vụ theo kế hoạch của địa phương.

Điều 3: Quy trình xử lý rác thải sinh hoạt

Bước 1: Phân loại chất thải rắn hay các loại chất thải khác.

Bước 2: Tiến hành thu gom tận nơi.

Bước 3: Vận chuyển chất thải đến điểm tập trung để rửa sạch hoặc ép cục.

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Phí dịch vụ: **2.400.000VND/ năm**

3. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt Việt Nam đồng

3.2. Cách thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

a. Bằng tiền mặt: Bên A thanh toán cho bên B.

Họ và tên: Nguyễn Văn Thanh

Đại diện: Đội thu gom rác thôn Tràng Kỹ

SĐT:.....

4. Thời hạn thanh toán: Một năm 1 lần. Vào tháng 12 hằng năm.

Điều 5: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên A:

1.1. Chứa rác vào bao nylon cột kín miệng hoặc thùng chứa rác chuyên dụng đúng chuẩn, thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại rác thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải không hợp pháp và rác thải có thể gây cháy.

1.2. Nếu xảy ra bất kỳ tình trạng phát sinh rác thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với rác thải sinh hoạt , Bên B có quyền từ chối thu gom rác thải này ngày hôm đó (hai bên lập biên bản sự việc). Bên A có trách nhiệm thanh toán thêm chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng với khối lượng một chuyến vận chuyển tối thiểu trong tháng theo đơn giá đúng trong hợp đồng.

1.3. Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí đúng thỏa thuận,

1.4. Thanh toán thêm các chi phí phát sinh khi thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt có lẫn rác thải rắn công nghiệp theo đơn giá đã ký kết trong hợp đồng.

1.5. Thực hiện đúng quy định về phân loại rác thải tại nguồn.

1.6. Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng rác thải tăng lên để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện xe, máy phù hợp. (Báo trước ít nhất 02). Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

2. Trách nhiệm của bên B:

2.1. Bố trí nhân sự phù hợp, phương tiện đến nhận rác thải sinh hoạt theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo đúng các quy định về vệ sinh. Phương tiện vận chuyển phải được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ rác thải rơi vãi ngay sau khi đã thu gom.

2.2. Bên B sẽ từ chối thu gom hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng này nếu có các loại rác thải không có trong quy định của hợp đồng và những rác thải vật liệu không hợp pháp dễ gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác bên A đã giao cho bên B.

2.3. Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh môi trường của Tỉnh. Vận chuyển rác thải về đúng Trạm trung chuyển.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Theo thỏa thuận của hai Bên;
- Do bất khả kháng;
- Sau khi các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng;
- Theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên còn lại thì Bên còn lại phải bồi thường các thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

4. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước hạn vì bất cứ lý do gì, hai Bên có nghĩa vụ tiến hành thanh lý hợp đồng bằng việc lập Biên bản thanh lý để xác nhận chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên quy định tại Hợp đồng này.

5. Bất kể Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp nào, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các chi phí Bên A đến thời điểm Hợp đồng chấm dứt.

6. Các khoản phạt và bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ thanh toán của bất kỳ Bên nào đối với Bên còn lại phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

Điều 7: Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022 đến ngày 20 tháng 12 năm 2024.

2. Trường hợp có bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng này không thể thực thi hoặc bị vô hiệu do thỏa thuận trái với quy định của pháp luật thì các điều khoản, điều kiện còn lại của Hợp Đồng vẫn được đảm bảo thi hành.

327519

ÔNG T.
I.N.H.
M. HUY

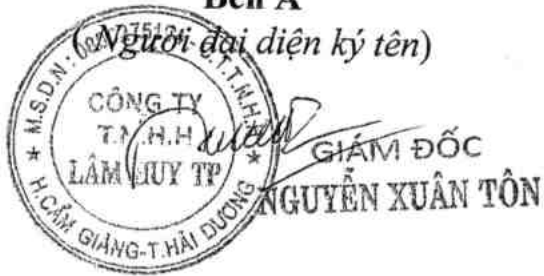
ÔNG T. H.

Điều 8: Điều khoản cuối cùng

1. Hợp đồng này được kí kết tại công ty TNHH Lâm Huy TP vào ngày 20 tháng 12 năm 2022.
2. Hợp đồng được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Hải Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2022

Bên A



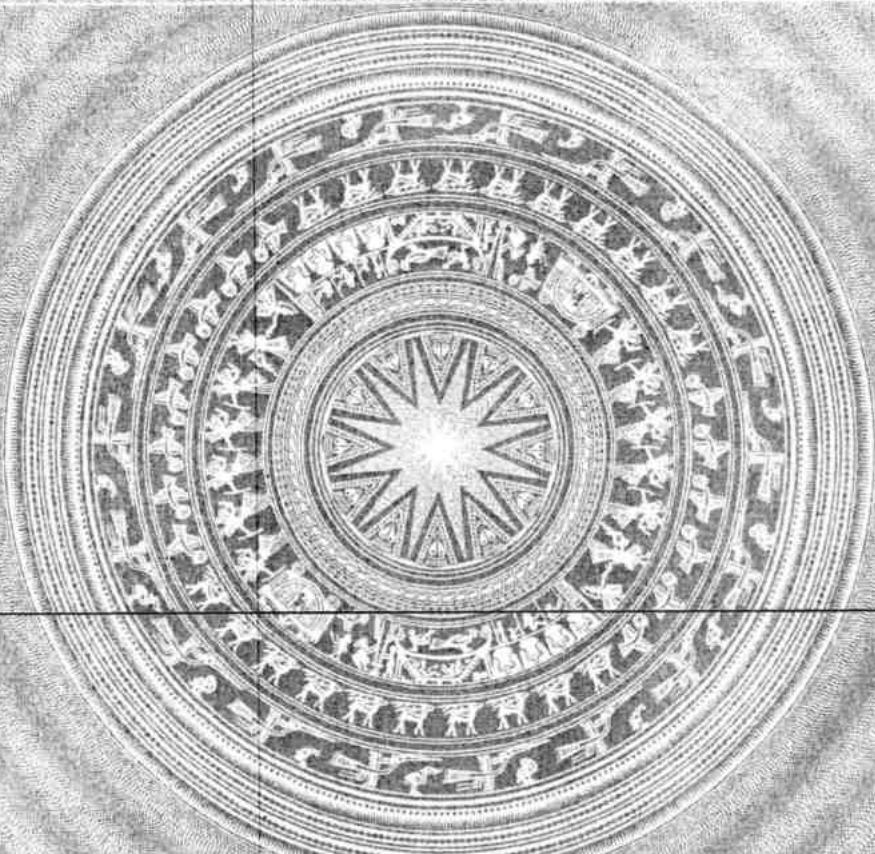
Bên B

(Người đại diện ký tên)

Thanh
Nguyễn Văn Thanh

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



*Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
sừng bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc

GCNĐKDN số 0800275194 do Phòng ĐKKD-Số KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp

Đăng ký lần đầu, ngày 06/6/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 15/12/2014

Địa chỉ tự nguyện: Thôn Trảng Kỵ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải
Dương.

CI 567920

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 04 tờ bản đồ số: 17/BEĐC
b) Địa chỉ: Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương
c) Diện tích: 10.000,0 m² (bằng chữ: Mười nghìn mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
(Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 22/04/2028
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

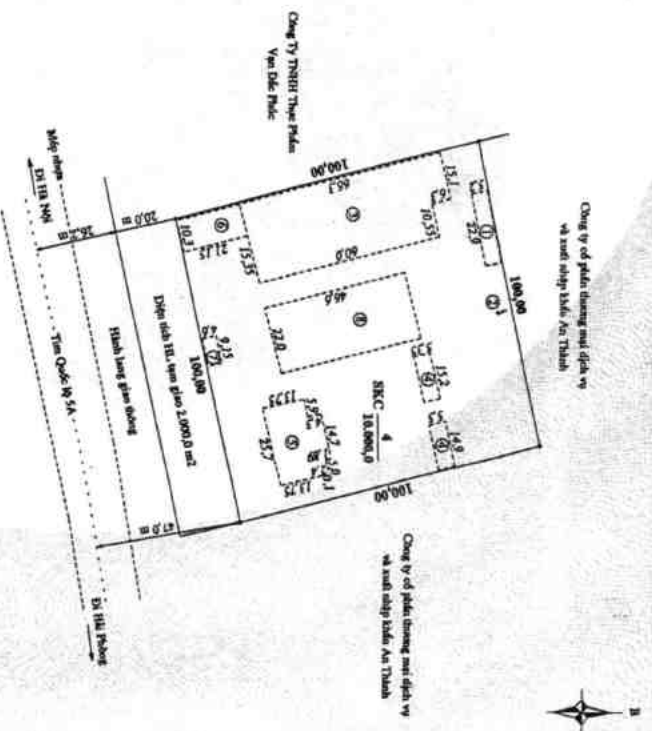
2. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	DT xây dựng (m ²)	DT sàn (m ²) hoặc CS	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
(1) - Lò sấy gỗ	134,7	134,7	sở hữu riêng	IV	-/-
(2) - Trạm biến áp	-/-	110 KVA	sở hữu riêng	-/-	-/-
(3) - Nhà xưởng và kho thành phẩm	1634,0	1634,0	sở hữu riêng	IV	-/-
(4) - 02 Nhà ăn VIP	163,2	163,2	sở hữu riêng	IV	-/-
(5) - Nhà văn phòng	428,1	818,0	sở hữu riêng	III	-/-
(6) - Nhà điều hành	217,8	217,8	sở hữu riêng	IV	-/-
(7) - Nhà bảo vệ	42,0	42,0	sở hữu riêng	IV	-/-
(8) - Nhà xưởng sản xuất	1025,2	1025,2	sở hữu riêng	IV	-/-

3. Ghi chú:

Ngoài ra cho phép đơn vị được tạm thời quản lý sử dụng 2000 m² đất thuộc hành lang Quốc lộ 5A để làm đường đi không được xây dựng công trình kiến trúc

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Hải Dương, Ngày 08 tháng 6 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN ANH CƯỜNG

Số và chữ cấp GCN: CT00389

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất tại mục 1, 2, 3 chứng minh hình thức chuyển nhượng, địa chỉ thành lập, công ty TNHH Lâm Thủy IT - địa chỉ: Thôn Phúc B, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa, vào tờ bản đồ số: 080037-199 cấp cho thửa đất ngày 06/6/2002, để thay đổi thửa đất 5 ngày 01/06/2008 theo hồ sơ đăng số 000584, DT. 002.	Đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 080037-199 và thửa đất số 000584, DT. 002. NGUYỄN ANH CƯỜNG ĐOÀN THANH HẢI

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 04

Tờ bản đồ số: 17/800c

Số phát hành GCN: CT 567920

Số vào sổ cấp GCN: CT 00389.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 25/8/2018. Thủ' chấp' bằng' đã' sản' gần' liên' với' đất' tại' Ngân' hàng' Nông' nghiệp' và' PT' NT' Việt' Nam - Chi' nhánh' huyện' Giang' Hải' Đông' (Khu' 16, Thị' trấn' Hải' An' huyện' Cẩm' Giang, tỉnh' Hải' Đông) theo' hồ' sơ' số: 000384.TC.001; g'đ' số' 05, s'ĐT: 181/ĐK	PHÓ GIÁM ĐỐC TRỊNH MINH TƯỜNG

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01

BIÊN BẢN LÀM VIỆC



Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Tại: Công ty TNHH Lâm Huy TP, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

I. Thành phần gồm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Bà Nguyễn Thị Hằng- Trưởng phòng kiểm soát ô nhiễm- Chi cục Bảo vệ môi trường.
- Ông Vũ Mạnh Hùng- Phó Trưởng phòng kiểm soát ô nhiễm- Chi cục Bảo vệ môi trường.

- Ông Vũ Văn Trọng- Thanh tra viên- Thanh tra Sở

- Ông Trần Xuân Toàn- Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường.

2. Phòng Cảnh sát môi trường- Công an tỉnh

- Ông Nguyễn Anh Dũng- Cán bộ đội 1

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng

- Bà Nguyễn Thị Gấm - Chuyên viên phòng TNMT

4. UBND xã Cẩm Phúc (Vắng mặt có lý do)

5. Công ty TNHH Lâm Huy TP

- Ông Nguyễn Hữu Tuấn – Quản lý sản xuất

- Ông Đào Văn Trường –Quản lý sản xuất

6. Đại diện khu dân cư

- Ông Đào Đình Đạt - Trưởng thôn Phúc B (vắng mặt có lý do)

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC

Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên nhận được thông tin phản ánh của một số công dân, doanh nghiệp hoạt động tại, thôn Phúc B, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng về tình trạng phát sinh khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức buổi làm việc với Công ty TNHH Lâm Huy TP để xác minh nội dung phản ánh.

Nội dung cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng- Trưởng phòng kiểm soát ô nhiễm- Chi cục Bảo vệ môi trường nêu lý do, giới thiệu thành phần và thống nhất chương trình buổi làm việc.

2. Công ty TNHH Lâm Huy TP và các thành phần liên quan hoàn toàn nhất trí với nội dung, chương trình làm việc mà bà Nguyễn Thị Hằng đã nêu.

3. Công ty TNHH Lâm Huy TP báo cáo cụ thể về các nội dung liên quan như sau:

Công ty TNHH Lâm Huy TP (được đổi tên từ Doanh nghiệp tư nhân Tân Phúc) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số 0800275194 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 06/6/2022, đăng ký thay đổi thứ 8 ngày 20/9/2021.

Dự án cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 23/7/2015, với quy mô: Sản xuất thức ăn chăn nuôi 13.500 tấn/năm (thức ăn gia súc 9000 tấn/năm; thức ăn cho gia cầm 4.500 tấn/năm); Sản xuất chế biến đồ gỗ (salon 150 bộ/năm; tủ 100 sản phẩm/năm; giường 100 sản phẩm/năm; tủ bếp 50 sản phẩm/năm; bàn ăn 100 bộ/năm, ván lát sàn 4.000 m²/năm).

Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường cho hoạt động của Dự án và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/01/2018.

Theo dự án Công ty chỉ còn hoạt động thức ăn chăn nuôi, dừng hoạt động sản xuất đồ gỗ từ năm 2017. Công suất hiện tại 25 tấn/ngày, lượng công nhân 14 người; thời gian hoạt động từ 7 giờ 30 đến 17 giờ 30. Hiện tại, Công ty chỉ hoạt động gia công cho 2 đơn vị (Công ty Cổ phần Bluefeed Việt Nam; Công ty TNHH VietPro) do vậy chỉ hoạt động khi có đơn hàng gia công, thường 1 tuần chỉ hoạt động khoảng 3 ngày. Lượng nước sử dụng được cấp từ nguồn nước máy với khối lượng 4,5 m³/ngày (chủ yếu dùng cho hoạt động sản xuất).

Việc quản lý, xử lý chất thải phát sinh

- Khí thải: Quá trình hoạt động, khí thải, bụi phát sinh từ các công đoạn nạp liệu, nghiền, làm nguội và hoạt động của lò hơi. Công ty đã lắp đặt hệ thống lọc bụi túi để thu gom bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu, nghiền; lắp đặt quạt hút, ống phóng không để thu gom khí thải từ hoạt động làm nguội; lắp đặt quạt hút, cyclon, bể nước để thu gom, xử lý khí thải từ hoạt động của lò hơi.

Công ty có sử dụng 01 lò hơi công suất 2000kg hơi/giờ, nguyên liệu sử dụng là mùn cưa và gỗ. Công ty cho biết quá trình vận hành vào thời điểm nhóm

275194
CÔNG
T.N.H.
M HU
GIANG-T

lò còn có thời điểm xảy ra hiện tượng khói đen (hiện tượng khói đen chỉ kéo dài khoảng 30 phút).

- Nước thải: Nước thải của Công ty chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt. Nước thải được Công ty thu gom, xử lý sơ bộ qua bể phốt sau đó gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả thải ra môi trường. Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm.

- Chất thải rắn: Công ty đã thực hiện thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng. Tại thời điểm làm việc Công ty chưa xuất trình được cho đoàn các hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng.

4. Sau khi nghe Công ty báo cáo các thành phần tham gia buổi làm việc tiến hành khảo sát thực tế dưới sự chỉ dẫn của đại diện Công ty TNHH Lâm Huy TP, kết quả cho thấy: Công ty đang tạm dừng hoạt động, bước đầu cho thấy các công trình bảo vệ môi trường cơ bản như báo cáo của Công ty nêu trên. Thời điểm khảo sát của xả nước thải của Công ty không có nước chảy ra, căn cứ kết quả khảo sát, tổ công tác của Sở Tài nguyên và Môi trường tạm dừng hoạt động lấy mẫu nước thải, khí thải của Công ty.

5. Ý kiến của phòng Cảnh sát môi trường, phòng TNMT huyện Cẩm Giàng:

Đề nghị Công ty chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, quá trình hoạt động chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý, xử lý đảm bảo quy định.

6. Qua kết quả làm việc bước đầu cho thấy Công ty quá trình hoạt động đã cơ bản đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như thực hiện các giải pháp để thu gom, xử lý chất thải phát sinh.

Yêu cầu Công ty TNHH Lâm Huy TP thực hiện rà soát lại quy trình vận hành lò hơi để có giải pháp giảm thiểu hiện tượng khói đen trong thời điểm nhóm lò; Chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý, xử lý đảm bảo theo đúng quy định; cung cấp các hồ sơ tài liệu liên quan (*giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đầu tư; hợp đồng thu gom, xử lý chất thải với các đơn vị có đủ chức năng; hóa đơn tiền nước trong 3 tháng gần nhất*); tiếp tục phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp tổ chức lấy mẫu tại Công ty.

Tổ công tác Sở Tài nguyên và Môi trường ghi nhận ý kiến của thành phần tham dự buổi làm việc. Căn cứ kết quả làm việc Tổ công tác sẽ báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét, chỉ đạo.

7. Ý kiến của Cơ sở

Nhất trí nội dung biên bản nêu trên.



Buổi làm việc kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày, Biên bản gồm 4 trang được đánh số thứ tự từ 1 đến 4, lập xong, đọc lại các bên cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây./.

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP


Nguyễn Lê Văn Tuấn

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Hằng


Vũ Văn Phòng

PHÒNG CẢNH SÁT MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Anh Dũng

PHÒNG TNMT HUYỆN CẨM GIANG


Nguyễn Thị Gấm



Số:1548 /QĐ-XP HC

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025);

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 và Nghị định 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VP HC lập ngày 09/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 1163/QĐ-GQXP ngày 04/9/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Công ty TNHH Lâm Huy TP.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phúc B, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng.

Mã số doanh nghiệp: 0800275194

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0800275194 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 06/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/11/2024.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân Tôn. Giới tính: nam.

Chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Không có giấy phép môi trường theo quy định đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể:

Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ gỗ Tân Phúc tại xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng đi vào hoạt động từ năm 2015 và được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 10/1/2018. Năm 2018, UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất tại Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 05/7/2018, theo đó tên dự án được điều chỉnh là Dự án cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP.

Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điểm c khoản 14 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 55 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì Công ty TNHH Lâm Huy thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trước ngày 01/01/2025.

Ngày 06/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất đồ gỗ và cho thuê nhà xưởng Lâm Huy TP tại thôn Phúc B, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng (mã số hồ sơ H24.60-251006-3705). Theo đó, đến nay cơ sở không có Giấy phép môi trường theo quy định trên.

3. Quy định tại: khoản 2 Điều 6 và điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Mức phạt tiền: **320.000.000 đồng** (*Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ.

Cụ thể: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của Công ty TNHH Lâm Huy TP trong thời hạn 4,5 tháng kể từ ngày Công ty nhận được Quyết định này.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc di dời dự án đầu tư, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

Biện pháp khắc phục hậu quả này không áp dụng do không đủ căn cứ xác định địa điểm đang hoạt động của Công ty TNHH Lâm Huy TP không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Nguyễn Xuân Tôn là người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Lâm Huy TP không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt vào ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước thành phố Hải Phòng mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh tại các địa phương) theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau:

Tài khoản: 7111; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt: 1134359; Mã chương: 412; Mã nội dung kinh tế (mã tiêu mục): 4299 trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Công ty TNHH Lâm Huy TP có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Kho bạc nhà nước khu vực III để biết.

4. Gửi cho Phòng Quản lý môi trường để tổ chức thực hiện.

5. Gửi cho Ủy ban nhân dân xã Mao Điền để biết, phối hợp thực hiện và chủ trì tổ chức đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải do không có giấy phép môi trường của cơ sở theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD Sở; PGD P.V. Thuận;
- VP Sở;
- Lưu: VT, QLMT(02).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Thuận

Quyết định này đã giao trực tiếp cho cho ông
...Nguyễn Xuân Tôn... Công ty TNHH Lâm Huy TP bị xử phạt vào
hồi ... giờphút, ngày 27/12/2025.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN

BIÊN BẢN KIỂM TRA
An toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Hồi 8 giờ 30' ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Công ty TNHH Lâm Huy TP,
Địa chỉ: Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hải Dương:

- Ông Bùi Minh Quang Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với Công ty TNHH Lâm Huy TP theo Thông báo số 447/TB-PCCC, ngày 12/4/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hải Dương.

Đại diện Công ty TNHH Lâm Huy TP:

- Ông Nguyễn Xuân Tôn Chức vụ: Giám đốc;

- Ông Nguyễn Hữu Tuấn Chức vụ: Quản lý.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Báo cáo của đại diện cơ sở:

Công ty TNHH Lâm Huy TP là doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư trong nước, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi và cho thuê nhà xưởng.

Mặt bằng sản xuất của Công ty được xây dựng trên khu đất diện tích 10.000 m² tại địa chỉ: Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Công ty có 03 nhà xưởng, hiện sử dụng 01 nhà xưởng để hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, 02 nhà xưởng còn lại hiện cho thuê, cụ thể:

- Khu vực kinh doanh của Công ty TNHH Lâm Huy TP gồm: 01 Nhà xưởng chế biến thức ăn chăn nuôi (1 tầng), diện tích 1.500 m², kết cấu khung thép chịu lực, mái tôn, tường gạch xây lửng phía trên thưng tôn và 01 nhà văn phòng 02 tầng, diện tích khoảng 130 m²/tầng; kết cấu khung thép mái tôn; tầng 2 làm văn phòng, tầng 1 làm nhà ăn và lán xe.

- Công ty TNHH MTV công nghệ nhựa Đông Húc thuê để sản xuất chế biến nhựa gồm các hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất một tầng kết hợp văn phòng 02 tầng, diện tích 1.500m²; 01 khu nhà ăn một tầng kết hợp văn phòng kho, diện tích khoảng 100 m²; lán xe diện tích 60 m² diện tích còn lại là sân và nhà bảo vệ.

- Công ty TNHH Uil UlTranasonic Việt Nam thuê để sản xuất, gia công cơ khí gồm các hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất diện tích 2.660 m², 01 nhà văn phòng 02 tầng diện tích 818m²/tầng; nhà xe diện tích 147,6m²; Nhà bảo vệ 15,68m².

Công ty đã đưa vào khai thác sử dụng các hạng mục công trình trên nhưng chưa thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC và tổ chức nghiệm thu về PCCC theo quy định.



Hiện tại có khoảng 15 cán bộ công nhân viên thường xuyên làm việc tại cơ sở; thời gian làm việc giờ hành chính từ 7h30' đến 17h00'. Lực lượng bảo vệ có 02 người chia ca làm việc bảo vệ 24/24h.

Việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra PCCC&CNCH ngày 11/11/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH: Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2018 của Chính phủ; xây dựng kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở.

2. Kiểm tra hồ sơ:

Tại thời điểm kiểm tra Công ty đã xuất trình được:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số: 0800275194 đăng ký lần đầu ngày 06/06/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/9/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

- Hợp đồng thuê văn phòng, nhà xưởng số 01-HĐTNX-LHTP ngày 12/5/2018 giữa Công ty TNHH Lâm Huy TP với Công ty TNHH Uil UI Transonic Việt Nam, địa chỉ tại thôn Phúc B, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, thời hạn thuê 05 năm, thời gian từ 12/5/2018. Theo nội dung hợp đồng Công ty TNHH Lâm Huy TP chịu trách nhiệm về công tác PCCC.

- Hợp đồng thuê nhà xưởng số: 01/2018/LH-ĐH ngày 23/10/2018 giữa Công ty TNHH Lâm Huy TP với Công ty TNHH MTV công nghệ nhựa Đông Húc, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng Công ty TNHH Lâm Huy TP chịu trách nhiệm xây dựng, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cơ bản theo quy định của nhà nước.

Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc với Công ty bảo hiểm PVI Hải Dương, thời hạn bảo hiểm đến 21/4/2023.

Công ty đã lập Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC&CNCH và lưu giữ tại cơ sở, hồ sơ gồm:

- Nội qui, qui định an toàn PCCC và CNCH phù hợp với tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở.

- Quyết định thành lập và danh sách Đội PCCC cơ sở gồm 10 người (lực lượng này đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cấp GCN huấn luyện nghiệp vụ PCCC năm 2016). Quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên thuộc Đội PCCC cơ sở của người đứng đầu doanh nghiệp.

- Đơn đề nghị huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH cho lực lượng PCCC cơ sở.

- Công ty đã xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo quy định. Phương án chữa cháy cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH phê duyệt. Năm 2021, Công ty đã tự tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở.

- Phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở.

- Các biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH các năm. Các sổ theo dõi phương tiện phòng cháy

chữa cháy, sổ theo dõi công tác tuyên truyền PCCC.

Kiểm tra hồ sơ của cơ sở thấy:

- GCN huấn luyện nghiệp vụ PCCC đã hết thời hạn, lực lượng PCCC cơ sở chưa được huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ.

3. Tình hình, kết quả kiểm tra thực tế:

*** Tổng mặt bằng xây dựng, giải pháp ngăn cháy và đường giao thông trong cơ sở:**

Mặt bằng cơ sở bao gồm các hạng mục công trình đúng như nội dung báo cáo của đại diện cơ sở. Hiện Công ty TNHH Lâm Huy TP sử dụng 01 nhà xưởng diện tích 1.500 m²; cho thuê 01 nhà xưởng, diện tích 1.500 m² và 01 nhà xưởng diện tích 2.660 m², nhà văn phòng (02 tầng), diện tích 818m²/tầng.

Đối chiếu với Phụ lục V, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ thấy các công trình của Công ty thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC nhưng Công ty TNHH Lâm Huy TP chưa thực hiện việc thiết kế, thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

- Hệ thống thoát nạn: Tại nơi làm việc bố trí cửa thoát nạn dẫn ra ngoài nhà, lối đi thông thoáng đảm bảo việc thoát nạn.

- Hệ thống giao thông: Xe chữa cháy chỉ tiếp cận và hoạt động được về phía Nam cơ sở.

- Tại nhà xưởng sản xuất, khu văn phòng và nơi tập trung đông người qua lại đã niêm yết tiêu lệnh PCCC, biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc để lưu ý mọi người thực hiện.

- Phương tiện chữa cháy đã được trang bị tại khu vực gồm: 02 bình khí CO2 chữa cháy loại 3 kg, 10 bình bột chữa cháy loại MFZL4. Qua kiểm tra các bình chữa cháy còn tác dụng.

+ Công ty chưa trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy: Lắp đặt 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện công suất P = 11 kw và 01 máy bơm động cơ xăng công suất tương đương; kết nối với 07 họng nước chữa cháy vách tường và 01 trụ nước chữa cháy ngoài nhà; (mỗi họng nước kèm theo 01 cuộn vòi B, 01 lăng B; trụ nước trang bị 01 cuộn vòi A, 01 lăng A). Tại thời điểm kiểm tra máy bơm hoạt động bình thường, lăng, vòi đảm bảo chất lượng.

- Nguồn nước chữa cháy: Phía dưới phòng bơm có bể nước trữ lượng 20 m³, Phía Bắc Công ty có ao nước trữ lượng lớn, máy bơm chữa cháy lấy được nước.

- Hệ thống chống sét: Chưa lắp đặt

- Hệ thống điện: Có trạm biến áp riêng, dây dẫn đi ngầm (khu vực văn phòng), đi trên vì kèo sắt (khu vực nhà xưởng); bảo vệ bằng cầu dao, aptomat cho từng khu vực, từng máy móc, thiết bị.

Nhận xét, đánh giá, kiến nghị:



Công ty TNHH Lâm Huy TP đã có sự quan tâm, thực hiện các yêu cầu về công tác PCCC, tuy nhiên vẫn còn tồn tại trong công tác an toàn PCCC chưa đảm bảo theo quy định của Pháp luật.

KIẾN NGHỊ

Thực hiện Luật PCCC và các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan về công tác PCCC, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hải Dương yêu cầu các Công ty TNHH Lâm Huy TP thực hiện các nội dung sau:

1. Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế về PCCC cho các hạng mục công trình gửi về Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hải Dương để thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo qui định tại Điều 13 - Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Thi công, lắp đặt các hệ thống PCCC theo đúng thiết kế được phê duyệt và tổ chức nghiệm thu PCCC cho các công trình theo qui định tại Điều 14, Điều 15 - Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

2. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở theo kế hoạch đề ra.

- Trang bị đầy đủ phương tiện PCCC cho lực lượng PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

3. Lắp đặt hệ thống chống sét theo quy định tại TCVN 9385: 2012, Chống sét cho công trình xây dựng-hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

Công ty TNHH Lâm Huy TP chỉ được đưa công trình vào khai thác, sử dụng khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu PCCC của cơ quan công an có thẩm quyền. Trong thời gian tiến hành khắc phục những thiếu sót, tồn tại về PCCC và CNCH đề nghị Công ty tăng cường các phương tiện chữa cháy tại chỗ để chữa cháy khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Nếu để xảy ra cháy nổ Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Yêu cầu đại diện Công ty TNHH Lâm Huy TP có mặt lúc 9 giờ 00 phút, ngày 29/4/2022 tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Hải Dương, địa chỉ: 352 Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương để báo cáo, giải trình về những tồn tại vi phạm trên.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 4 năm 2022 gồm 05 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA

Đại úy Bùi Minh Quang

Số: 60 /QĐ-XPHC

Hải Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 60/BB-VPHC lập ngày 05/5/2022;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-GQXP ngày 11/5/2022 của Trưởng phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hải Dương về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: **Công ty TNHH Lâm Huy TP**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Mã số doanh nghiệp: 0800275194

Số GCN đăng ký đầu tư/ doanh nghiệp hoặc GP thành lập/ đăng ký hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0800275194, do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 06/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/9/2021.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân Tôn; Giới tính: Nam;

Chức danh: Giám đốc Công ty.

(Tại thời điểm làm việc ông Nguyễn Xuân Tôn vắng mặt, đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Hữu Tuấn - Cán bộ quản lý Công ty đại diện Công ty giải quyết vụ việc)

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Xả nước thải có chứa 06/11 thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải: Sunfua (tính theo H_2S) vượt 2,4 lần, TSS vượt 2,10 lần, $NH_4^+ - N$ vượt 1,4 lần, BOD_5 ($20^\circ C$) vượt 1,34 lần, Tổng N vượt 1,12 lần, COD vượt 1,01 lần), trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn $05m^3/ngày$ (24 giờ) ($2,68 m^3$).

3. Quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 7 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ - CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 55/2021/NĐ - CP ngày 24/5/2021)

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể:

Xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần (Sunfua (tính theo H_2S) vượt 2,4 lần), trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn $05m^3/ngày$ (24 giờ) ($2,68 m^3$); mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 5 Nghị định số 155/2016/NĐ - CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định mức phạt đối với hành vi vi phạm của tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Số tiền phạt là: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

Phạt tăng thêm tổng cộng 50% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm trên đối với 01 thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 đến dưới 03 lần (TSS vượt 2,10 lần) và 03 thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần ($NH_4^+ - N$ vượt 1,4 lần, BOD_5 ($20^\circ C$) vượt 1,34 lần, Tổng N vượt 1,12 lần). Số tiền phạt tăng thêm là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

Tổng số tiền phạt là: 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc Công ty TNHH Lâm Huy TP phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm gửi về Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hải Dương.

- Buộc Công ty TNHH Lâm Huy TP phải rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Buộc Công ty TNHH Lâm Huy TP phải chi trả kinh phí trưng cầu giám định, phân tích mẫu nước thải theo định mức, đơn giá hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Hữu Tuấn là người đại diện của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty TNHH Lâm Huy TP phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Lâm Huy TP không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Lâm Huy TP phải nộp tiền phạt tại Ngân hàng thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Hải Dương, số tài khoản 7111; chương 009; mã NDKT 4261; tại địa chỉ số 2, Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Hoặc Công ty TNHH Lâm Huy TP nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b) Công ty TNHH Lâm Huy TP có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Đội 2 Phòng Cảnh sát Môi trường để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ (Đ2).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng tá Trần Nam Trung

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số:

Lưu tại: Số seri: 2520203TSA

Số biên lai: 417422

Số tham chiếu: /

Thu phạt ☒ Nội dung phạt:
Thu phí, lệ phí ☐ Tên loại phí, lệ phí:
Thu thuế ☐

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
Địa chỉ: THÔN PHÚC B XÃ MAO ĐIỀN, TP HẢI
PHÒNG

Theo Quyết định số: 1548 ngày 17/12/2025

Đơn vị nhân tiền:

Mã số thuế/ số CMND/HC:

Huyền:

của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tỉnh: THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Mã định danh hồ sơ (ID)	Số tiền
1	KHÔNG CÓ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH THEO QĐ SỐ 1548/QĐ-XPHC NGÀY 17/12/2025 CHUONG 412 TIEU MUC 4299	320,000,000
	Tổng cộng	320,000,000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: *Ba trăm hai mươi triệu đồng.*

PHẢN NGÂN HÀNG GHI:

TK No: 8867398988

TK Cò: 280701025

Số tiền nộp NSNN: 320,000,000

Phi: 0

VAT: 0

Số tiền phạt chậm 0

Tổng tiền thu: 320,000,000

Ngày 23 tháng 12 năm 2025

Người nộp tiền

(Ký tên)

Giao dịch viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Phương

Đoàn Thị Khánh Vân



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
3	Đơn vị được lấy mẫu	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
4	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
5	Vị trí đo và lấy mẫu	KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực tường rào ngoài công ty cạnh khu vực bảo của công ty TNHH Công nghệ Nhựa Đông Húc KK2: Mẫu không khí lấy tại khu vực tường rào ngoài công ty cạnh khu vực đánh vecni của công ty TNHH Công nghệ Nhựa Đông Húc KK3: Mẫu không khí lấy tại khu vực tường rào ngoài công ty cạnh khu vực cửa xe của công ty TNHH Công nghệ Nhựa Đông Húc
6	Ngày lấy mẫu: 25/06/2022	Ngày phân tích: 25/06/2022 - 02/07/2022

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 05:2013/ BTNMT
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/ BTNMT	36	36	36	-
2	Độ ẩm	%		64	65	64	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,3	0,5	0,4	-
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,285	0,125	0,235	0,3
5	CO	mg/m ³	IETA.PT.KK-01	3,405	3,803	3,518	30
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,080	0,085	0,080	0,2
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,045	0,040	0,040	0,35
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	60	62	65	70(*)
9	CO ₂ [#]	mg/m ³	PPNB.IETA.KK.CO2	300	341	345	-
10	Ánh sáng [#]	Lux	ĐNHT.AS.IETA	512	513	524	-

Ghi chú: "-": Không quy định,

- QCVN 05:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (*): QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- #: Chỉ tiêu k quy định trong các văn bản pháp luật, phân tích theo phương pháp nội bộ.

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2022

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ TRÁCH
PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
3	Đơn vị được lấy mẫu	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
4	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Hải Dương
5	Vị trí đo và lấy mẫu	KK4: Mẫu không khí lấy tại khu vực nổi hơi KK5: mẫu không khí lấy tại khu vực nghiên KK6 : Mẫu không khí lấy tại khu vực đóng bao KK7: Mẫu không khí lấy tại khu vực kho chứa
6	Ngày lấy mẫu: 25/06/2022	Ngày phân tích: 25/06/2022 - 02/07/2022

TT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 05:2013/ BTNMT
				KK4	KK5	KK6	KK7	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/ BTNMT	58	36	36	36	-
2	Độ ẩm	%		82,5	68,5	68,1	60,5	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,2	0,2	0,3	0,2	-
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,12	0,25	0,26	0,15	0,3
5	CO	mg/m ³	IETA.PT.KK-01	<3	3,448	3,420	3,173	30
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,075	0,100	0,115	0,075	0,2
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,150	0,150	0,165	0,155	0,35
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	55	68	65	60	70 ^(*)
9	CO ₂ [#]	mg/m ³	PPNB.IETA.KK.CO2	335	342	324	311	-
10	Ánh sáng [#]	Lux	PPNB.IETA.KK.AS	485	509	515	512	-

Ghi chú: "-": Không quy định.

- QCVN 05:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (*): QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- #: Chỉ tiêu không quy định trong các văn bản pháp luật, phân tích theo phương pháp nội bộ.

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2022

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ TRÁCH
PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

2022

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
3	Đơn vị được lấy mẫu	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
4	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
5	Vị trí đo và lấy mẫu	KT1: mẫu khí thải tại ống khói nổi hơi của công ty.
6	Ngày lấy mẫu: 25/06/2022	Ngày phân tích: 25/06/2022-02/07/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
				KT1	
1	Nhiệt độ	°C	HD.QT.KT- 01	58,5	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	10.542	-
3	Vận tốc	m/s	US EPA Method 2	5,2	-
4	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 05	105	200
5	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	kpht	500
6	NO _x	mg/Nm ³	HD.QT.KT-03	kpht	850
7	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	119,7	1000

Ghi chú:

+ KPHT: Không phát hiện thấy

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.**Cột B:** Quy định nồng độ bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2022

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH****Nguyễn Thanh Bình****PHỤ TRÁCH
PHÒNG PHÂN TÍCH****Phạm Hoàng Giang****VIỆN TRƯỞNG****PGS. TS Đinh Ngọc Tấn**

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 044/2022-06/2022

1	Tên mẫu	Mẫu nước thải
3	Đơn vị được lấy mẫu	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
4	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Hải Dương
5	Vị trí đo và lấy mẫu	NT1: Mẫu nước thải trước khi xử lý của công ty NT2: Mẫu nước thải sau khi xử lý của công ty
6	Ngày lấy mẫu: 25/06/2022	Ngày phân tích: 25/06/2022-02/07/2022



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT cột B
				NT1	NT2	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	7,2	5,5-9
2	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	207,8	68,1	150
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	105,7	34,5	50
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	185,6	54,4	150
5	Fe	mg/l	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,32	0,16	5
6	Cd	mg/l	SMEWW 3113B: 2017	kpht	kpht	0,1
7	Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3111B: 2017	0,5	0,18	2
8	Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3111B: 2017	0,35	0,15	3
9	Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3113B: 2017	kpht	kpht	0,5
10	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	26,7	0,59	10
11	Dầu mỡ DTV*	mg/l	TCVN 5070:1995	13,2	3,3	-
12	Tổng N	mg/l	TCVN 6638: 2000	62,8	20,6	40
13	Tổng P	mg/l	TCVN 6202: 2008	10,8	0,24	6
14	Coliform	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2017	7.100	4.300	5000
15	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	126,4	75	100

Ghi chú:

+ KPH: Không Phát Hiện

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cột B

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2022

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ TRÁCH
PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.



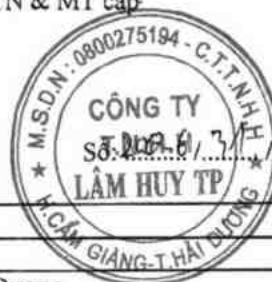
VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội.

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



31/07/2023

1	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
2	Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
3	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty TNHH Lâm Huy TP – Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
5	Ký hiệu mẫu	KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực tường rào ngoài công ty cạnh khu vực bảo của công ty TNHH Công nghệ Nhựa Đông Húc KK2: Mẫu không khí lấy tại khu vực tường rào ngoài công ty cạnh khu vực đánh vecni của công ty TNHH Công nghệ Nhựa Đông Húc. KK3: Mẫu không khí lấy tại khu vực tường rào ngoài công ty cạnh khu vực cửa xẻ của công ty TNHH Công nghệ Nhựa Đông Húc.
6	Ngày lấy mẫu: 31/07/2023	Ngày phân tích: 31/07/2023 đến 10/08/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33	34	32	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	72	76	71	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	0,2	0,1	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	156	167	178	300
5	CO	µg/m ³	IETA.PT.KK-01	3493	3410	3340	30000
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	48	56	69	200
7	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	96	91	79	350
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61	60	58	70(QCVN26)
9	CO ₂ #	µg/m ³	IETA.PT.KK-02	423	437	445	-
10	Ánh sáng#	Lux	PPNB.IETA.KK.AS	500	271	346	-

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Th.S Vũ Quang Huy

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Th.S Phạm Hoàng Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023



VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

(*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1	Tên mẫu	Mẫu không khí làm việc
2	Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
3	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty TNHH Lâm Huy TP – Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
5	Ký hiệu mẫu	KK4: Mẫu không khí lấy tại khu vực nổi hơi KK5: Mẫu không khí lấy tại khu vực nghiền KK6: Mẫu không khí lấy tại khu vực đóng bao KK7: Mẫu không khí lấy tại khu vực kho chứa
6	Ngày lấy mẫu: 31/07/2023	Ngày phân tích: 31/07/2023 đến 10/08/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 03:2019/BYT
				KK4	KK5	KK6	KK7	Tiếp xúc ca làm việc
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32	33	32	32	18 - 32(QCVN26)
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	74	74	72	70	40 - 80(QCVN26)
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2 - 1,5(QCVN26)
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,62	1,92	1,68	1,53	3(QCVN02)
5	CO	mg/m ³	IETA.PT.KK-01	3,2	3,7	4	3,9	20
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,078	0,083	0,078	0,087	5,0
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,092	0,097	0,095	0,093	5
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	56	61	63	61	85(QCVN24)
9	CO ₂ #	µg/m ³	IETA.PT.KK-02	482	471	452	434	-
10	Ánh sáng#	Lux	PPNB.IETA.KK.AS	572	562	402	420	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc tại nơi làm việc

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Th.S Vũ Quang Huy

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Th.S Phạm Hoàng Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023



VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
3. (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1	Tên mẫu	Mẫu nước thải
2	Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
3	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty TNHH Lâm Huy TP – Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
5	Ký hiệu mẫu	NT1: Mẫu nước thải trước khi xử lý của công ty NT2: Mẫu nước thải sau khi xử lý của công ty
6	Ngày lấy mẫu: 31/07/2023	Ngày phân tích: 31/07/2023 đến 10/08/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT
				NT1	NT2	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	7,2	5,5 đến 9
2	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (C)	70	49,5	150
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	85	47	50
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	150,4	128	150
5	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,56	0,33	5
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	<0,0001	<0,0001	0,1
7	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,01	<0,01	2
8	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,005	<0,005	3
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	<0,001	<0,001	0,5
10	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	14,7	5,2	10
11	Dầu mỡ động thực vật*	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	4,5	2,8	-
12	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	22,5	10,8	40
13	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	6,7	4,6	6
14	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	6400	4600	5000
15	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	73	35,6	100

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Cột B - Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Th.S Vũ Quang Huy

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Th.S Phạm Hoàng Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG



PGS-TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
(*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
3	Địa chỉ	Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty TNHH Lâm Huy TP – Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
5	Ký hiệu mẫu	KT: Mẫu khí thải tại ống khói nổi hơi của công ty (Trong thời gian lấy mẫu lò chưa hoạt động đủ công suất)
6	Ngày lấy mẫu: 31/07/2023	Ngày phân tích: 31/07/2023 đến 10/08/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	QCSS
1	Nhiệt độ	°C	HD.QT.KT-01	46	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	2995	-
3	Vận tốc	m/s	US EPA Method 02	0,2	-
4	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	132	200
5	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	49,78	500
6	NO _x	mg/Nm ³	HD.QT.KT-03	26,62	850
7	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	786,6	1000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Th.S Vũ Quang Huy

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Th.S Phạm Hoàng Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02398/2025/PKQ(25.1702)

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
2. Địa chỉ : Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
3. Địa điểm lấy mẫu : Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 21/04/2025
5. Ngày trả kết quả : 29/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N210425-005	NT	Mẫu nước thải của công ty (2316259; 573512)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,21	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	202	1.000
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	3,08	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	22	100
5	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	3,78	50
6	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,079	10
7	Dầu mỡ ĐTV ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL = 0,3)	20
8	Sulfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL = 0,020)	4
9	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1,47	10
10	Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	9,2 x 10 ²	5.000

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC GIANG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 7014 /2024/218/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Số GPMT : 218/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biễn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

ĐT: 024.3822.1234

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biễn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

ĐT: 024.3822.1234

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/đại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Mã số QLCTNH: 0800275194

Địa chỉ văn phòng: Thôn Phúc B, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

ĐT: 0220.2212256

Địa chỉ cơ sở: Thôn Phúc B, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

ĐT: 0220.2212256

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2.0	Nghiền – Hấp phụ – Hóa rắn
2	Giẻ lau, găng tay thải nhiễm TPNH	x			18 02 01	48.0	Thiêu đốt
3	Bao bì kim loại cứng thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	x			18 01 02	24.0	Tẩy rửa – Tái chế
4	Bao bì mềm thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	x			18 01 01	16.0	Thiêu đốt
5	Mực in thải	x			08 02 01	3.0	Thiêu đốt
6	Hộp mực in thải	x			08 02 04	2.0	Bóc tách – Tái Chế - TĐ
7	Dầu mỡ thải		x		17 02 04	28.0	Chưng cất – Tái chế - Thiêu đốt

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 98C – 301.63

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Ngọc Quý

Ký:.....Ngày: 26/12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....

Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Dương, ngày 26 Tháng 12 năm 2024

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

M.S.D.N: 0800275194 - C.T.C.P

H. CẨM GIÀNG - T. HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2024

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

M.S.D.N: 0102963031 - C.T.C.P

H. YÊN DŨNG - T. BẮC GIANG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triều Kiên

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC GIANG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 7014 /2024/218/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHÒA BÌNH Số GPMT: 218/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ĐT: 024.3822.1234
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ĐT: 024.3822.1234

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP Mã số QLCTNH: 0800275194
Địa chỉ văn phòng: Thôn Phúc B, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ĐT: 0220.2212256
Địa chỉ cơ sở: Thôn Phúc B, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ĐT: 0220.2212256

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2.0	Nghiền – Hấp phụ – Hóa rắn
2	Giẻ lau, găng tay thải nhiễm TPNH	x			18 02 01	48.0	Thiêu đốt
3	Bao bì kim loại cứng thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	x			18 01 02	24.0	Tẩy rửa – Tái chế
4	Bao bì mềm thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	x			18 01 01	16.0	Thiêu đốt
5	Mực in thải	x			08 02 01	3.0	Thiêu đốt
6	Hộp mực in thải	x			08 02 04	2.0	Bóc tách – Tái Chế – TĐ
7	Dầu mỡ thải		x		17 02 04	28.0	Chung cất – Tái chế - Thiêu đốt

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 98C – 301.63

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Ngọc Quý Ký: Ngày: 26/12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Dương, ngày 26 Tháng 12 năm 2024



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2024

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên

Liên số: 1☑ - 2☐ - 3☐ - 4☐



CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ
CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CTN HÒA BÌNH
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI, TÁI CHẾ PHẾ LIỆU
TT Nham Biền, Yên Dũng, Bắc Giang

-----o0o-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

NHẬT KÍ GIAO NHẬN

Căn cứ hợp đồng số:

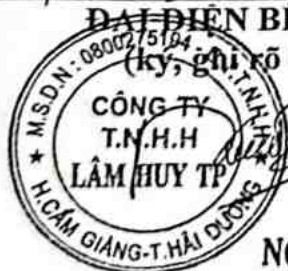
Tên khách hàng: Công ty TNHH Lâm Huy TP

Địa chỉ: xã Phúc Diễn - huyện Cẩm Giang - tỉnh Hải Dương

TT	Mã CTNH	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng	Trạng thái chất thải	Biển số xe vận chuyển	Ghi chú
1		bong đèn thải	kg	2		98C-30163	
2		Giấy lau	-	48			
3		bao bì ki công	-	24			
4		bao bì mềm thải	-	16			
5		Mực in thải	-	3			
6		Hộp mực in thải	-	2			
7		Dầu mỡ thải	-	28			
8		Rác sinh hoạt	-	87			

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(ký, ghi rõ họ tên)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2024

Ký hiệu: 1C24THB

Số: 00002309

Mã QCT: 00D0F7527BFA4A4D1480A77A7D3E0C9F7D

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Mã số thuế: 0102963031

Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Hương, Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại:

Số tài khoản: 118000113569 - Vietinbank - CN Bắc Thăng Long Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Mã số thuế: 0800275194

Địa chỉ: Thôn Phúc B, Xã Phúc Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:



SIT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo hợp đồng số : 28.06.2024/CNK ngày 24/06/2024	Chuyến	1,00	14.814.815	14.814.815
Cộng tiền hàng:					14.814.815
Thuế suất GTGT: 8 % Tiền thuế GTGT:					1.185.185
Tổng tiền thanh toán:					16.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ,
TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG
NGHIỆP HÒA BÌNH

Ký ngày: 30/12/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn: NDC2F1R6090W

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

THÀNH PHỐ
BẮC GIANG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 7014 /2024/218/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHÒA BÌNH
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở/đại lý:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
Địa chỉ văn phòng: Thôn Phúc B, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Thôn Phúc B, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2.0	Nghiên – Hấp phụ – Hóa rắn
2	Giẻ lau, găng tay thải nhiễm TPNH	x			18 02 01	48.0	Thiêu đốt
3	Bao bì kim loại cứng thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	x			18 01 02	24.0	Tẩy rửa – Tái chế
4	Bao bì mềm thải (đã chứa TPNH khi thải ra)	x			18 01 01	16.0	Thiêu đốt
5	Mực in thải	x			08 02 01	3.0	Thiêu đốt
6	Hộp mực in thải	x			08 02 04	2.0	Bóc tách – Tái Chế - TĐ
7	Dầu mỡ thải		x		17 02 04	28.0	Chưng cất – Tái chế - Thiêu đốt

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 98C – 301.63

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Ngọc Quý Ký: Ngày: 26/12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Dương, ngày 26 Tháng 12 năm 2024

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÔN

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

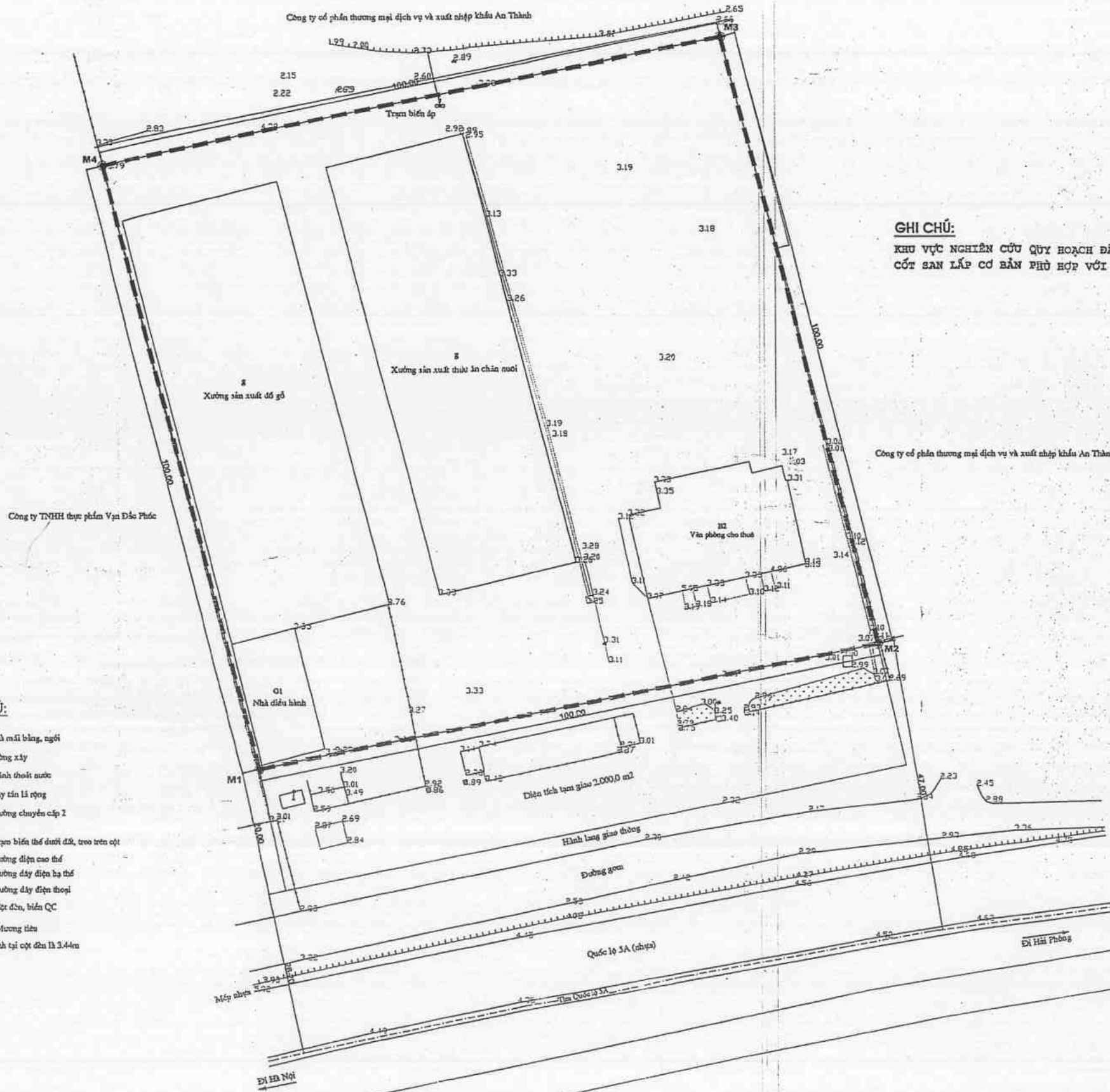
Bắc Giang, ngày tháng năm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

CÁC SƠ ĐỒ, BẢN VẼ KÈM THEO

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ
VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG**



GHI CHÚ:
KHU VỰC NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH ĐÃ SAN LẤP,
CỐT SAN LẤP CƠ BẢN PHÙ HỢP VỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ 3A VÀ KHU VỰC

- GHI CHÚ:**
- [B] [Q] Nhà mái bằng, ngói
 - Tường xây
 - Rãnh thoát nước
 - Q Cây tín lá rộng
 - ⊕-⊖ Đường chuyển cấp 2
 - 1 2 Trạm biến thế dưới đất, treo trên cột
 - Đường điện cao thế
 - Đường dây điện hạ thế
 - Đường dây điện thoại
 - ⊥ Cột đèn, biển QC
 - ~~~~~ Mương tiêu
- Độ cao ghi định tại cột đèn là 3.44m

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIANG
Kèm theo Quyết định số.../2018
[Stamp]
PHÓ CHỦ TỊCH
ĐỖ VĂN DƯƠNG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN CẨM GIANG
Kèm theo tờ trình số.../2018
[Stamp]
TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM PHÚC
[Stamp]
CHỦ TỊCH
VŨ VĂN THỌ

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
Kèm theo tờ trình số.../2018
[Stamp]
GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ NGUYỆT

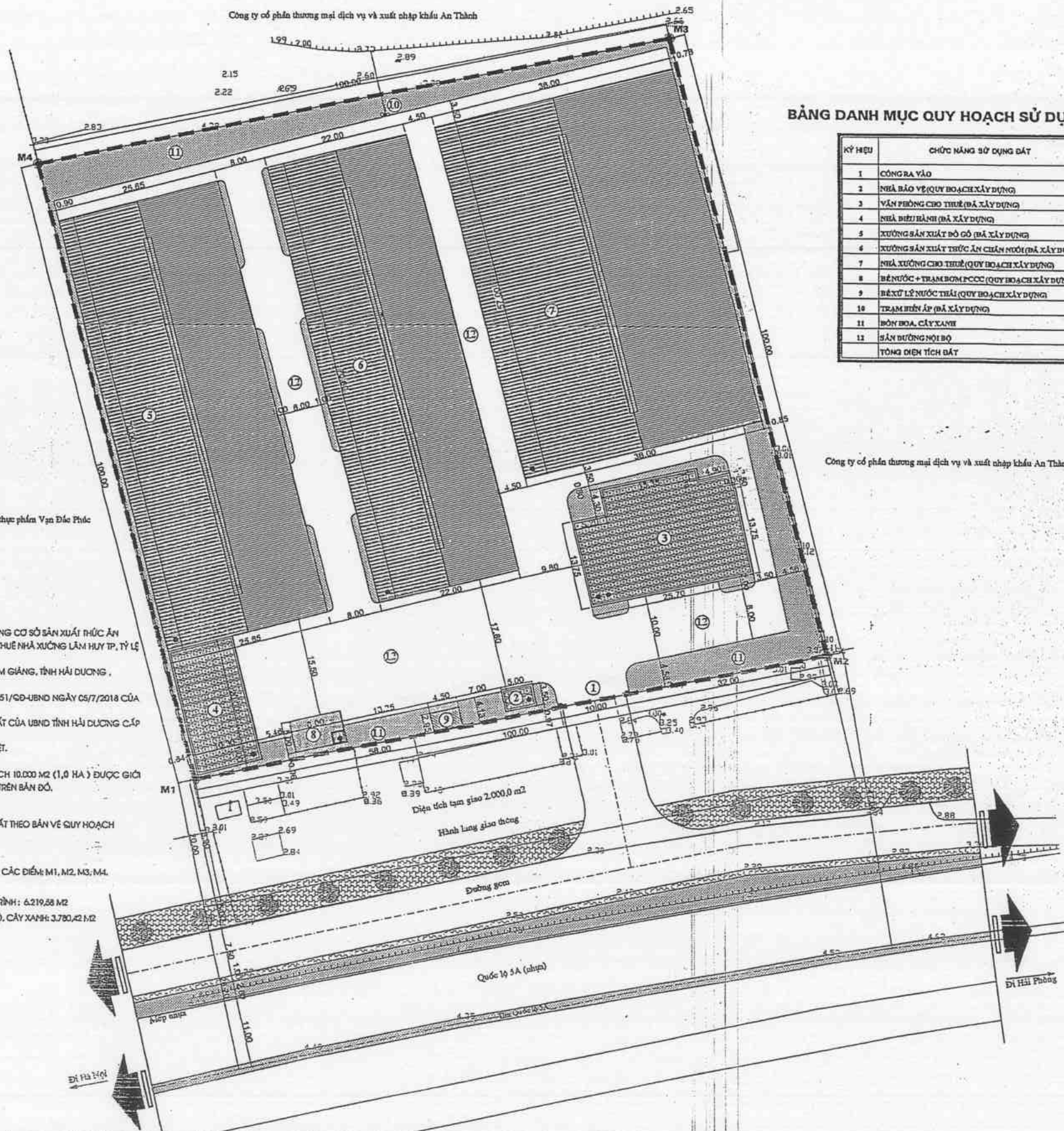
CÔNG TRÌNH - SỰ DIỆN:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:	BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG
BẢN VẼ: KT01/07	GHÉP: TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: 12/2018
THIẾT KẾ	KTS. NGÔ ĐỨC PHAN
CHỦ TRÌ	KTS. NGÔ ĐỨC PHAN
CHỦ NHIỆM	KS. BÙI NGỌC HOÀNG
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ VĂN ĐẠT
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN MINH TIẾN

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
KS. BÙI NGỌC HOÀNG
[Stamp]
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG
HẢI DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HD
Địa chỉ: Số 48B Phố An Ninh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0310.3833080 Fax:

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ
VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐIỀU CHỈNH**



BẢNG DANH MỤC QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	SỐ TẦNG CAO (TẦNG)	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)
1	CÔNG RA VÁO		0.00	-
2	NHÀ BẢO VỆ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)	1	17.50	0.18
3	VĂN PHÒNG CHO THUÊ (ĐÃ XÂY DỰNG)	2	428.10	4.28
4	NHÀ ĐIỀU HÀNH (ĐÃ XÂY DỰNG)	1	206.00	2.06
5	XƯỞNG SẢN XUẤT ĐỒ GỖ (ĐÃ XÂY DỰNG)	1	1795.50	17.96
6	XƯỞNG SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI (ĐÃ XÂY DỰNG)	1	1553.20	15.53
7	NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)	1	2188.00	21.88
8	BỂ NƯỚC + TRẠM BƠM (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)		40.00	0.40
9	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)		13.28	0.13
10	TRẠM ĐIỆN ÁP (ĐÃ XÂY DỰNG)		0.00	-
11	BÓN ĐỎA, CÂY XANH		1100.00	11.00
12	SÂN BƯỜNG NỘI BỘ		2680.42	26.80
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT		10000.00	100.00

KÝ HIỆU QUY HOẠCH:



CĂN CỨ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP.
ĐỊA ĐIỂM CH: XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG, ĐƯỢC THIẾT KẾ DỰA TRÊN:
- QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ SỐ 2251/QĐ-UBND NGÀY 05/7/2018 CỦA UBND TỈNH HẢI DƯƠNG.
- GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA UBND TỈNH HẢI DƯƠNG CẤP NGÀY 08/4/2017.
- HỒ SƠ QUY HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT.
- BẢN ĐỒ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH.
- KHU ĐẤT NGHIÊN CỨU CÓ TỔNG DIỆN TÍCH 10.000 M² (1,0 HA) ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐIỂM M1, M2, M3, M4 NHƯ TRÊN BẢN ĐỒ.
ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT:

- XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM RANH GIỚI KHU ĐẤT THEO BẢN VẼ QUY HOẠCH

GHI CHÚ:

RANH GIỚI KHU ĐẤT ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐIỂM M1, M2, M3, M4.
VỚI TỔNG DIỆN TÍCH: 10.000 M².
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 6.219,58 M².
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT SÂN BƯỜNG NỘI BỘ, CÂY XANH: 3.780,42 M².
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 62,20 %
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT: 0,66 LẦN
SỐ TẦNG CAO TỐI ĐA: 02 TẦNG

HOA GIÓ:

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIANG
KHOA ĐO LƯỜNG VÀ THIẾT KẾ
NGÀY: .../.../2018

PHÓ CHỦ TỊCH
ĐỖ VĂN DƯƠNG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN CẨM GIANG
KHOA ĐO LƯỜNG VÀ THIẾT KẾ
NGÀY: .../.../2018

TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM PHÚC

CHỦ TỊCH
VŨ VĂN THỌ

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
KHOA ĐO LƯỜNG VÀ THIẾT KẾ
NGÀY: .../.../2018

GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ NGUYỆT

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐIỀU CHỈNH

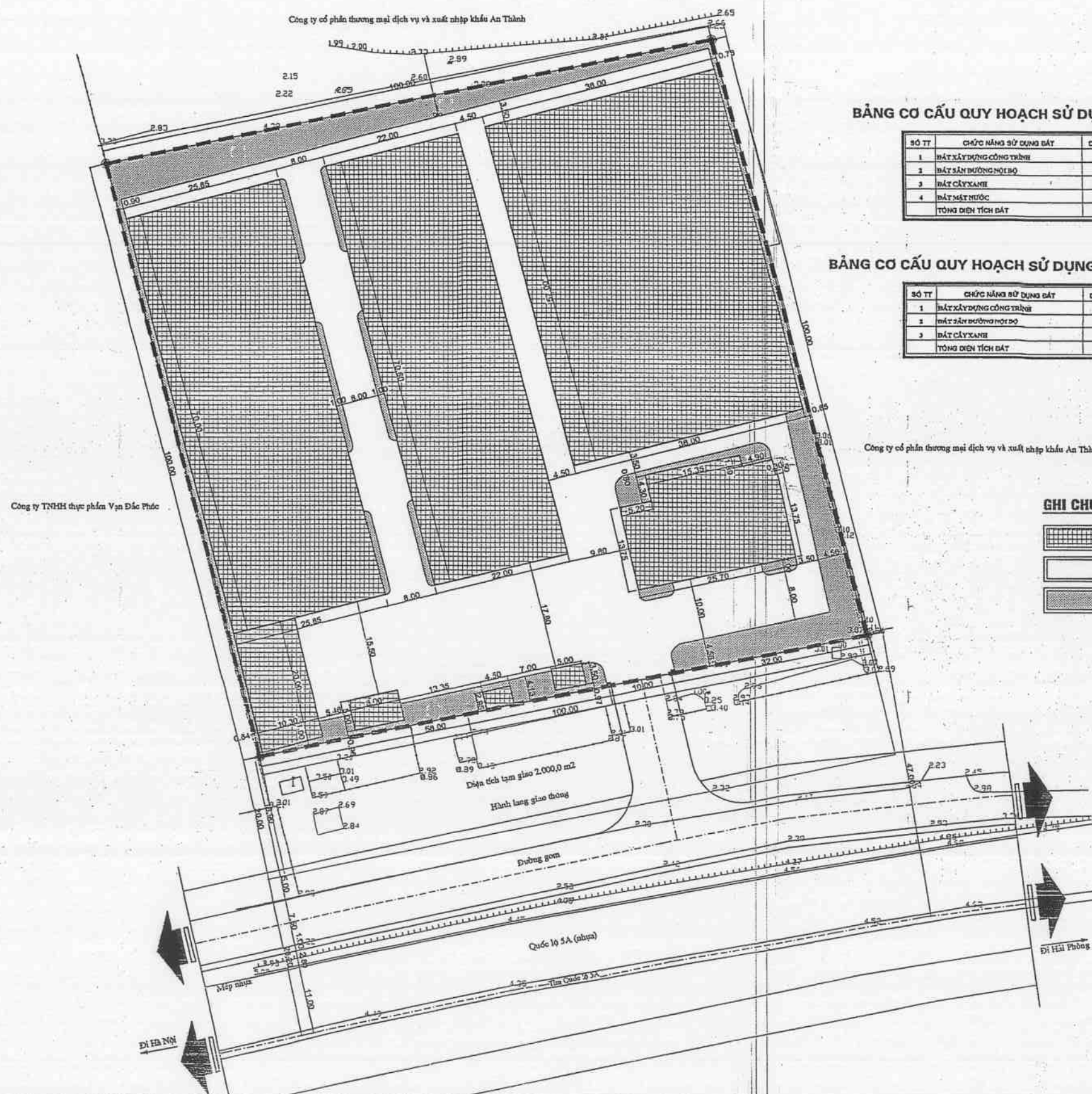
BẢN VẼ: KT02/07	GHÉP:	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2018
THIẾT KẾ	KTS. NGÔ ĐỨC PHAN		
CHỦ TRÌ	KTS. NGÔ ĐỨC PHAN		
CHỦ NHIỆM	KS. BÙI NGỌC HOÀNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ VĂN ĐẠT		
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN MINH TIẾN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
KS. BÙI NGỌC HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG
HẢI DƯƠNG, T. HẢI DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HD
Địa chỉ: 56/4B Phố An Ninh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tel: 0320.3833080 Fax:

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ
VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**



BẢNG CƠ CẤU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ PHÊ DUYỆT

SỐ TT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH(M ²)	TỶ LỆ%
1	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	3225.40	32.25
2	ĐẤT SẢN DƯỠNG NỘI BỘ	4654.40	46.54
3	ĐẤT CÂY XANH	1318.60	13.18
4	ĐẤT MẶT NƯỚC	801.60	8.02
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	10000.00	100.00

BẢNG CƠ CẤU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

SỐ TT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH(M ²)	TỶ LỆ%
1	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	6219.58	62.20
2	ĐẤT SẢN DƯỠNG NỘI BỘ	2680.42	26.80
3	ĐẤT CÂY XANH	1100.00	11.00
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	10000.00	100.00

GHI CHÚ:

- ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
- ĐẤT SẢN DƯỠNG NỘI BỘ
- ĐẤT CÂY XANH



HOA GIÓ:

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIANG
XÂN 340 TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2018



PHÓ CHỦ TỊCH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN CẨM GIANG
XÂN 340 TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2018



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM PHÚC



CHỦ TỊCH
VŨ VĂN THỌ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
XÂN 340 TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2018



GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ NGUYỆT

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

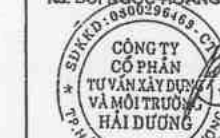
TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

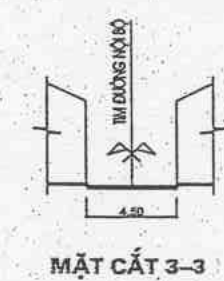
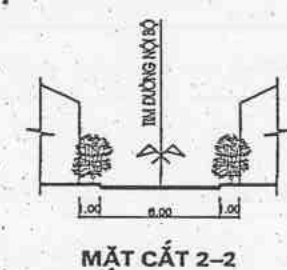
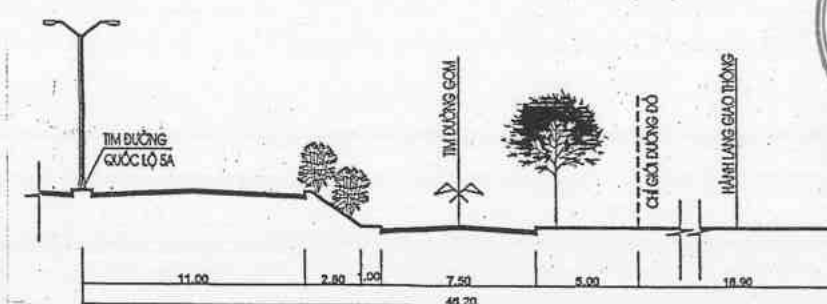
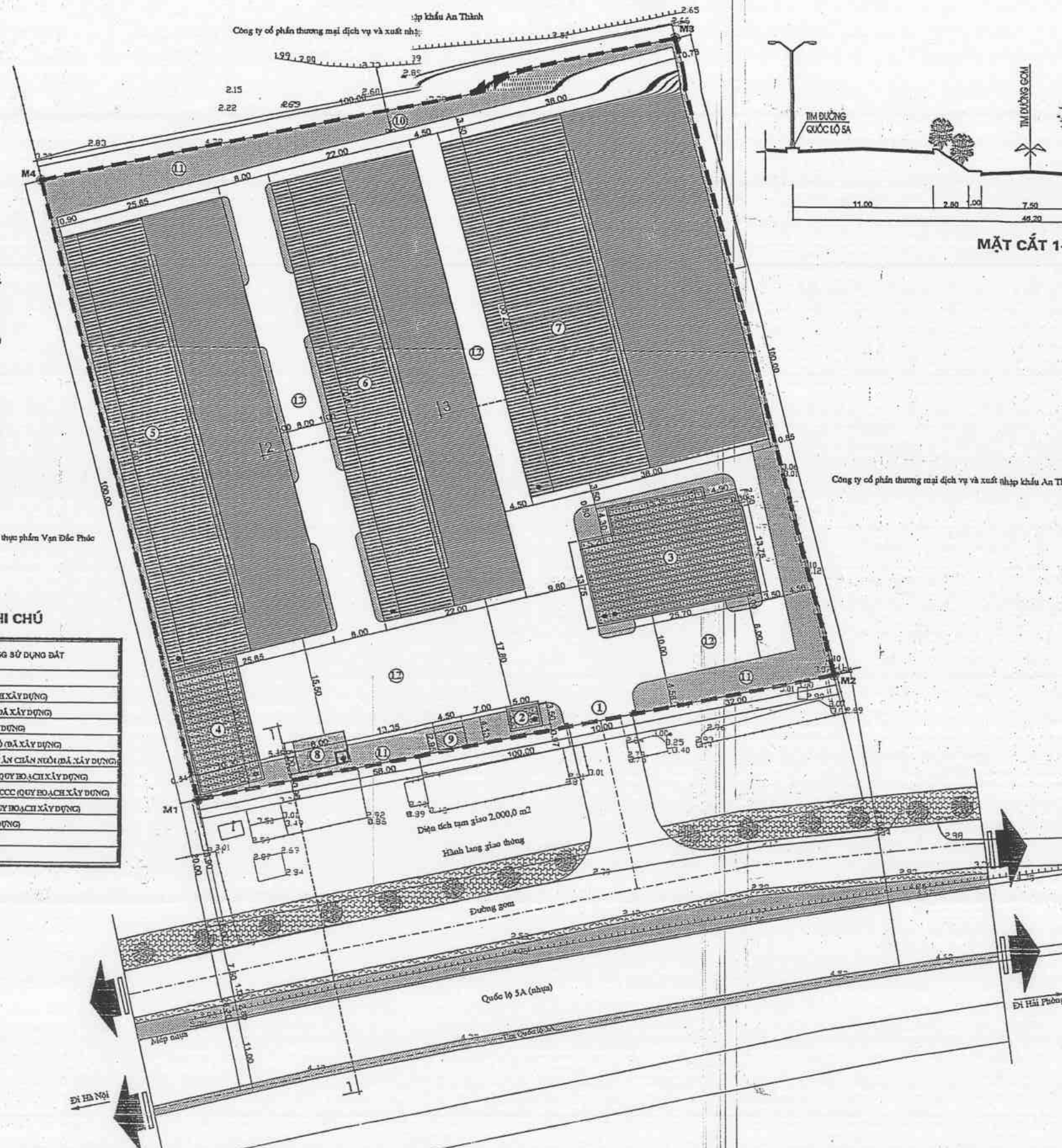
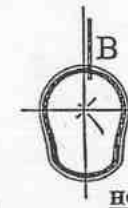
BẢN VẼ: KT03/07	GHÉP:	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2018
THIẾT KẾ	KT.S. NGÔ ĐỨC PHAN		
CHỦ TRÌ	KT.S. NGÔ ĐỨC PHAN		
CHỦ NHIỆM	KS. BÙI NGỌC HOÀNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ VĂN ĐẠT		
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN MINH TIẾN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

KS. BÙI NGỌC HOÀNG



**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ
VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP**
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG



KÝ HIỆU QUY HOẠCH:

- CÔNG TRÌNH KẾT CẤU
- BẤT ĐỘNG SẢN CÂY XANH
- HẠN MÊT QUY HOẠCH
- ĐẤT CAO CẤP CÔNG TRÌNH
- BẤT ĐỘNG SẢN MỘT ĐỘ

BẢNG GHI CHÚ

KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT
1	CÔNG RA VÀO
2	NHÀ BẢO VỆ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
3	VĂN PHÒNG CHO THUÊ (ĐÃ XÂY DỰNG)
4	NHÀ ĐIỀU HÀNH (ĐÃ XÂY DỰNG)
5	XƯỞNG SẢN XUẤT ĐỒ GỖ (ĐÃ XÂY DỰNG)
6	XƯỞNG SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI (ĐÃ XÂY DỰNG)
7	NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
8	BỂ NƯỚC + TRẠM BƠM PCCC (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
9	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
10	TRẠM BIẾN ÁP (ĐÃ XÂY DỰNG)
11	BÓN HOA, CÂY XANH
12	SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIANG
Hôm nay quyết định số: N. C. NGÀY: ... THÁNG ... NĂM 2018

ĐỖ VĂN DƯƠNG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN CẨM GIANG
Hôm nay quyết định số: ... NGÀY: ... THÁNG ... NĂM 2018

**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM PHÚC

**CHỦ TỊCH
VŨ VĂN THỌ**

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
Hôm nay quyết định số: ... NGÀY: ... THÁNG ... NĂM 2018

**GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ NGUYỆT**

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

TÊN NHÂN VÊ:	BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG
BẢN VẼ: KT04/07	GHÉP: TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: .../.../2018
THIẾT KẾ	KTS. NGÔ ĐỨC PHAN
CHỦ TRÌ	KTS. NGÔ ĐỨC PHAN
CHUYÊN NGHIỆM	KS. BUI NGỌC HOÀNG
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ VĂN ĐẠT
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN MINH TIẾN

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
KS. BUI NGỌC HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI DƯƠNG
T. HẢI DƯƠNG, T. HẢI DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HD
Địa chỉ: 56-48B Phố An Thành, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tel: 0320.3833080 Fax:

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ
VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN**



Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu An Thành

KÝ HIỆU QUY HOẠCH:



Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức Phúc

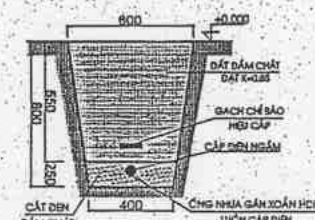
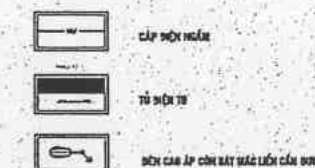
BẢNG GHI CHÚ

KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT
1	CÔNG RA VÀO
2	NHÀ BẢO VỆ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
3	VĂN PHÒNG CHO THUÊ (ĐÃ XÂY DỰNG)
4	NHÀ ĐIỀU HÀNH (ĐÃ XÂY DỰNG)
5	XUỐNG SẢN XUẤT ĐỒ GỖ (ĐÃ XÂY DỰNG)
6	XUỐNG SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI (ĐÃ XÂY DỰNG)
7	NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
8	BIỆT THỰ + TRẠM BƠM NƯỚC (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
9	BIỆT THỰ LÊN NƯỚC (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
10	TRẠM BIẾN ÁP (ĐÃ XÂY DỰNG)
11	BÓN BƠ, CÂY XANH
12	SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

BẢNG THỐNG KÊ SƠ BỘ VẬT LIỆU CẤP ĐIỆN

STT	TÊN GỌI VÀ QUY CÁCH	ĐV	SL
1	ĐÈN CAO ÁP CỘN BÁT GIÁC LIỀN CẮN ĐƠN	BỘ	07
2	CÁP NGẮM CU/XLPE/PVC/DSTA 3X70+1X35	M	170
3	CÁP NGẮM CU/XLPE/PVC/DSTA 3X16+1X10	M	15
4	ỐNG NHỰA ỚNG NHỰA GẮN XOẮN HDPE D65 LƯƠN CÁP ĐIỆN	M	185
5	TỦ ĐIỆN NỔI SƠN TÍNH ĐIỆN CỎ KHOÁ BẬT ĐAI LOAN KT 400X300X160	BỘ	07

KÝ HIỆU CẤP ĐIỆN:



**CẮT QUA RÃNH
CHÔN CÁP ĐIỆN NGẦM**

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG
KHOẢNG 02/05/2018, NGÀY .../.../2018



PHÓ CHỦ TỊCH
ĐỖ VĂN DƯƠNG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN CẨM GIÀNG
KHOẢNG 02/05/2018, NGÀY .../.../2018



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM PHÚC



CHỦ TỊCH
VŨ VĂN THỌ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
KHOẢNG 02/05/2018, NGÀY .../.../2018



GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ NGUYỄN

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN

BẢN VẼ: KT05/07	GHÉP:	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2018
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN CHIẾN KHA		
CHỖ TRƯ	KS. NGUYỄN CHIẾN KHA		
CHỖ NHÌM	KS. BUI NGỌC HOÀNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ VĂN ĐẠT		
QL XẾ THUẬT	KS. TRẦN MINH TIẾN		

GIÁM ĐỐC BỐN VỊ THIẾT KẾ

KS. BUI NGỌC HOÀNG



**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ
VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ PCCC**



BẢNG TỔNG HỢP SƠ BỘ KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	KL
1	ỐNG NHỰA HDPE Ø110	m	172
2	ỐNG NHỰA HDPE Ø50	m	20
3	ỐNG NHỰA HDPE Ø32	m	95
4	ĐỒNG HỒ ĐO LƯỢNG	CÁI	01
5	TRỤ CHỮA CHÁY	CÁI	04
6	THIỆT BỊ PHÍ TỪNG = 30% GIÁ TRỊ ĐƯỜNG ống		

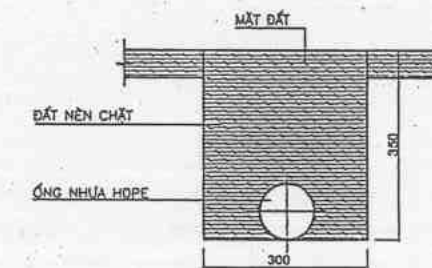
KÝ HIỆU QUY HOẠCH:



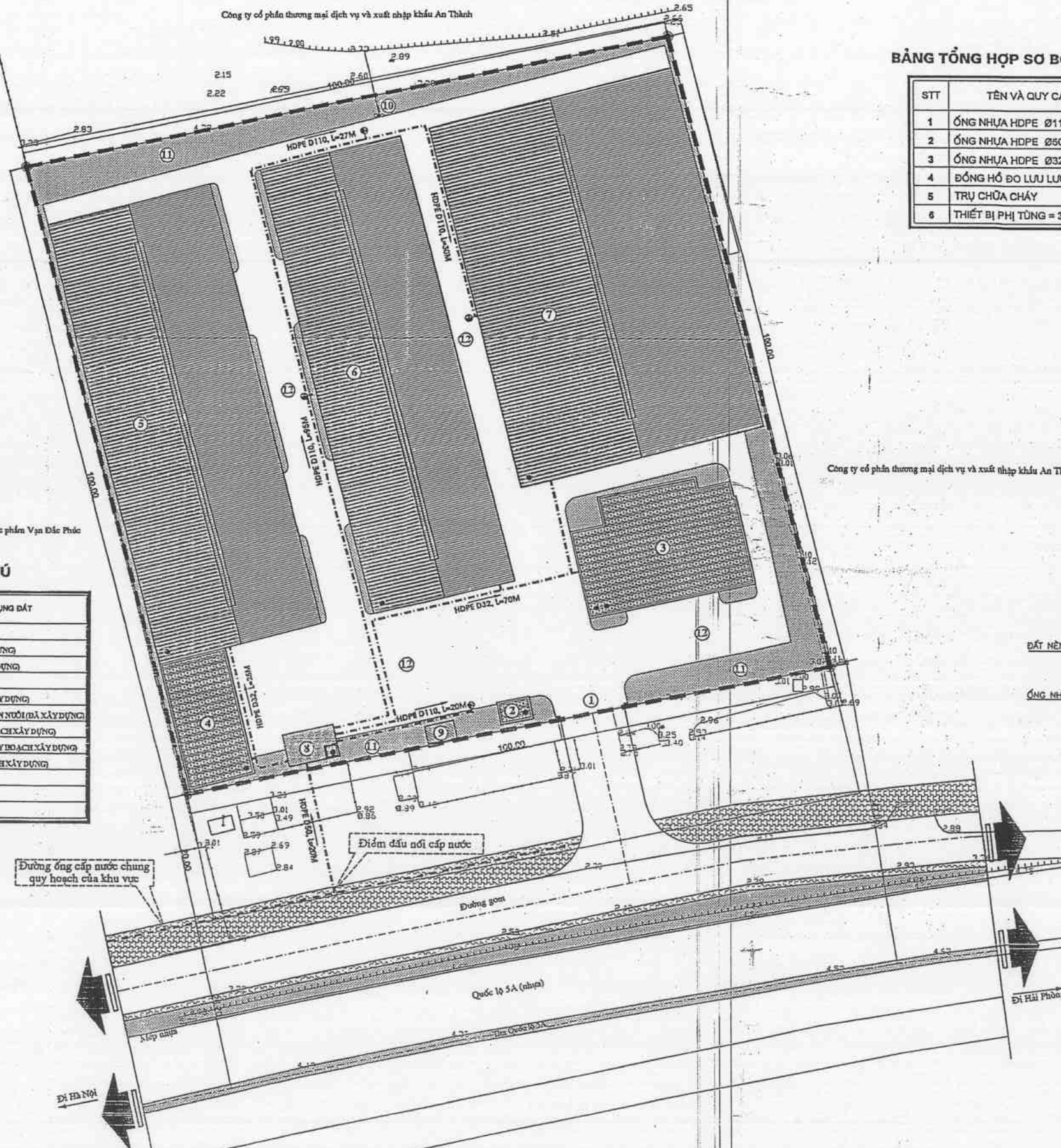
BẢNG GHI CHÚ

KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT
1	CÔNG RA VÀO
2	MIỀN BẢO VỆ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
3	VĂN PHÒNG CHO THUÊ (ĐÃ XÂY DỰNG)
4	NHÀ ĐIỀU HÀNH (ĐÃ XÂY DỰNG)
5	XUỞNG SẢN XUẤT ĐỒ GỖ (ĐÃ XÂY DỰNG)
6	XUỞNG SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI (ĐÃ XÂY DỰNG)
7	NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
8	BỂ NƯỚC + TRẠM BƠM PCCC (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
9	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (QUY HOẠCH XÂY DỰNG)
10	TRẠM BƠM LẬP (ĐÃ XÂY DỰNG)
11	BÓN HOA, CÂY XANH
12	SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

KÝ HIỆU CẤP NƯỚC:



CẮT QUA ống CẤP NƯỚC



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG
Kính quyết định ngày... tháng... năm 2018



PHÓ CHỦ TỊCH
[Signature]

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN CẨM GIÀNG
Kính quyết định ngày... tháng... năm 2018



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM PHÚC



CHỦ TỊCH
VŨ VĂN THỌ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
Kính quyết định ngày... tháng... năm 2018



GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ NGUYỆT

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT ĐỒ GỖ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG LÂM HUY TP, TỶ LỆ 1/500 CỦA CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

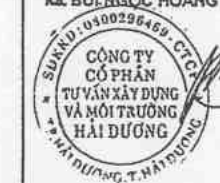
TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ PCCC

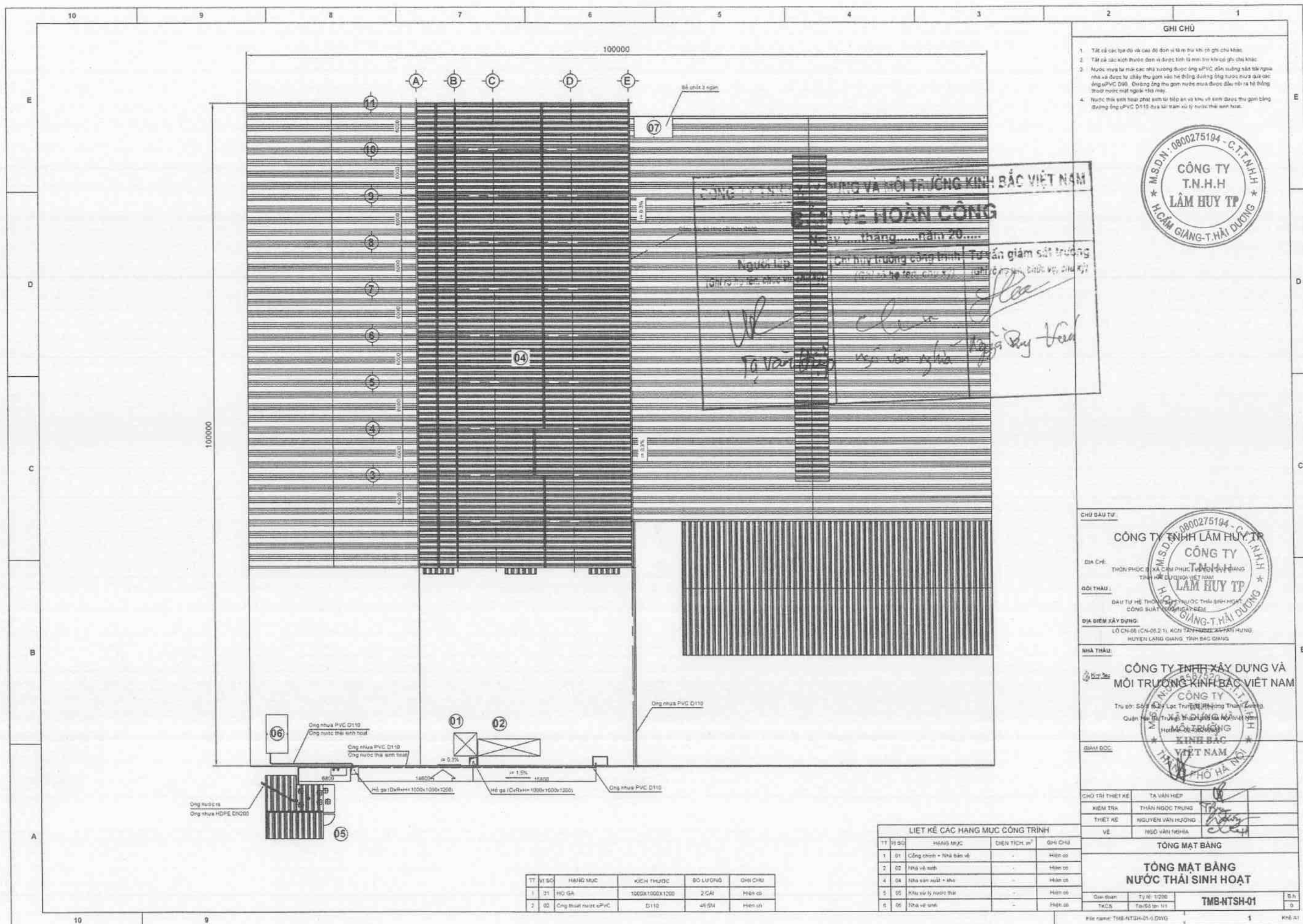
BẢN VẼ: KT06/07	GHÉP:	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2018
THIẾT KẾ	KS. BÙI DUY ĐỒNG		
CHỮ TRƯ	KS. BÙI DUY ĐỒNG		
CHỦ NHIỆM	KS. BÙI NGỌC HOÀNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ VĂN ĐẠT		
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN MINH TIẾN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

KS. BÙI NGỌC HOÀNG



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 48B Phố An Ninh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tel: 0320.3833080 Fax:



- GHI CHÚ**
- Tất cả các loại vật liệu và thiết bị phải có chứng chỉ xuất xứ rõ ràng.
 - Tất cả các công trình phải được thi công đúng theo thiết kế và quy định của pháp luật.
 - Nước thải sau khi được xử lý phải đạt chất lượng theo quy định của pháp luật về môi trường.
 - Nước thải sinh hoạt phải được xử lý đúng quy định của pháp luật về môi trường.



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Địa chỉ: THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Ghi chú: ĐẦU TƯ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 1000 M³/NGÀY

Địa điểm xây dựng: LÔ CH-08 (CH-08.2.1), KINH TÂN HẠ, XÃ TÂN HẠ, HUYỆN LƯƠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Trụ sở: Số 152, Lạc Trung, Quận Hai Bà, Hà Nội

Hotline: 0988.888.888

CHỖ TRỊ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ	TA VAN HEP
THIẾT KẾ	THÂN NGOC THUNG
THIẾT KẾ	NGUYEN VAN HUUONG
THIẾT KẾ	NGUYEN VAN NGHIA

TỔNG MẶT BẰNG

TỔNG MẶT BẰNG

NƯỚC THẢI SINH HOẠT

Quy mô: 1000 M³/NGÀY

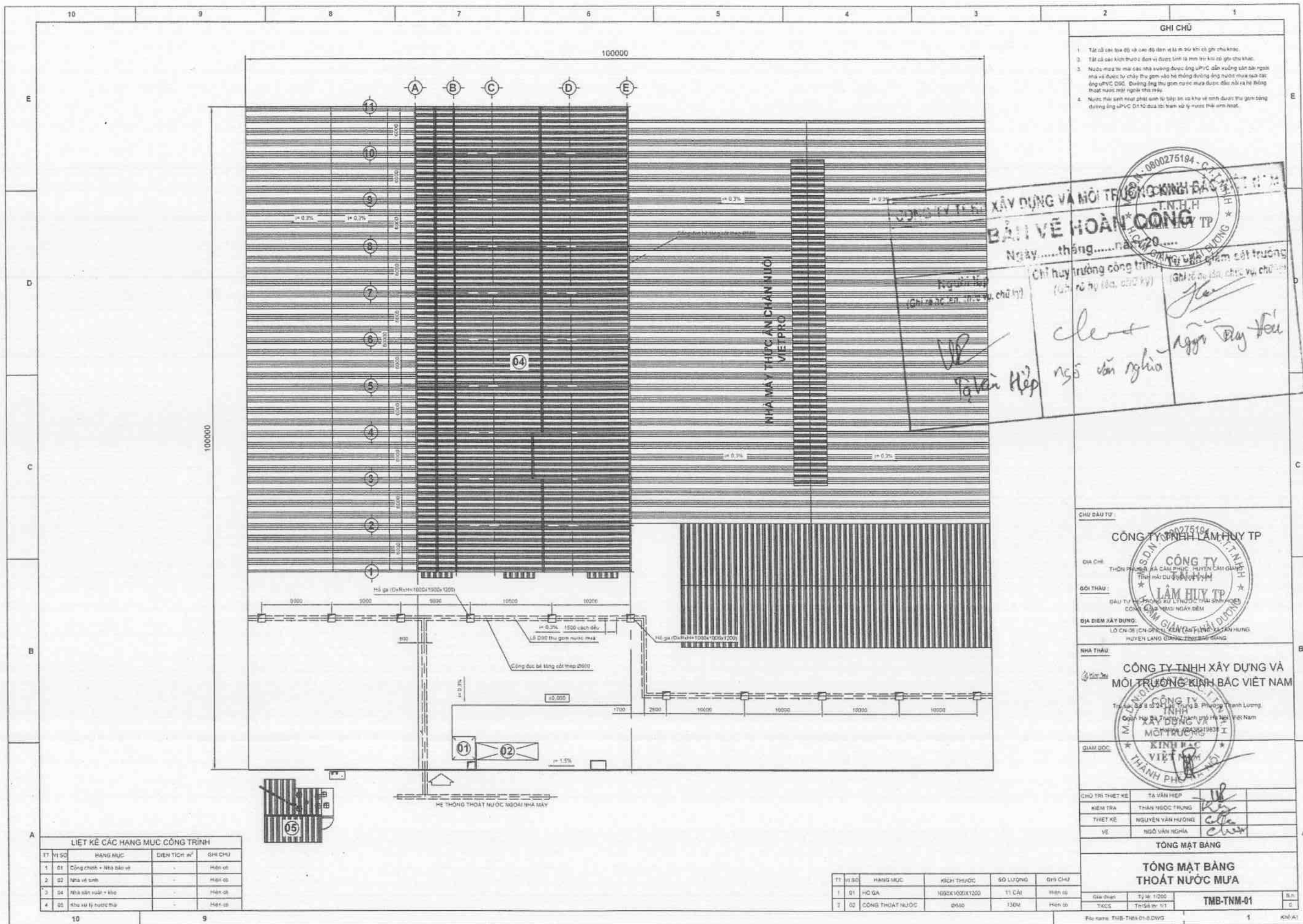
Tỷ lệ: 1/200

Tên: TMB-NTSH-01

Ngày: 10/10/2020

TT	VI SƠ	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH m ²	GHI CHÚ
1	01	Công trình Nhà dân vệ	-	Hiện có
2	02	Nhà vệ sinh	-	Hiện có
3	03	Nhà vệ sinh + kho	-	Hiện có
4	04	Nhà xử lý nước thải	-	Hiện có
5	05	Nhà vệ sinh	-	Hiện có

TT	VI SƠ	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	01	HỒ GA	1000x1000x1200	2 CÁI	Hiện có
2	02	Công trình nước uPVC	D110	45 SM	Hiện có



GHI CHÚ

- Tất cả các loại ống và các phụ kiện phải là loại có ghi chú khác.
- Tất cả các kích thước đơn vị được tính là mm trừ khi có ghi chú khác.
- Nước mưa từ mái các nhà xưởng được ống uPVC dẫn xuống sân bãi ngoài nhà và được hệ thống thu gom vào hệ thống đường ống nước mưa qua các ống uPVC Ø100. Đường ống thu gom nước mưa được đặt ra hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà máy.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ toilet và khu vệ sinh được thu gom bằng đường ống uPVC Ø110 đưa tới trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH ĐẮC VIỆT NAM
BẢO VỆ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chỉ huy trưởng công trình: (chữ ký) (chức vụ)
Người lập: (chữ ký) (chức vụ)
Thay mặt chủ đầu tư: (chữ ký) (chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP
Địa chỉ: THÔN PHƯỚC AN, CẨM PHƯỚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI PHÒNG
Ghi chú: ĐẦU TƯ VÀ THI CÔNG SỬ DỤNG THUỐC THUỐC SỬ DỤNG CÔNG CỤ VÀ THI CÔNG NGÀY ĐÊM
Địa điểm xây dựng: LÔ CÁN 35 (CÁN 35) KINH ĐẮC VIỆT NAM VÀ TÂN HƯNG, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

THẦU
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH ĐẮC VIỆT NAM
Trụ sở: Số 8 Đường B, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0943821983
Giám đốc: (chữ ký)

CHỖ TRỊ THIỆT KẾ
TÊN: TÊN HỌ: NGUYỄN VĂN HƯNG
THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN HƯNG
VẼ: NGUYỄN VĂN HƯNG

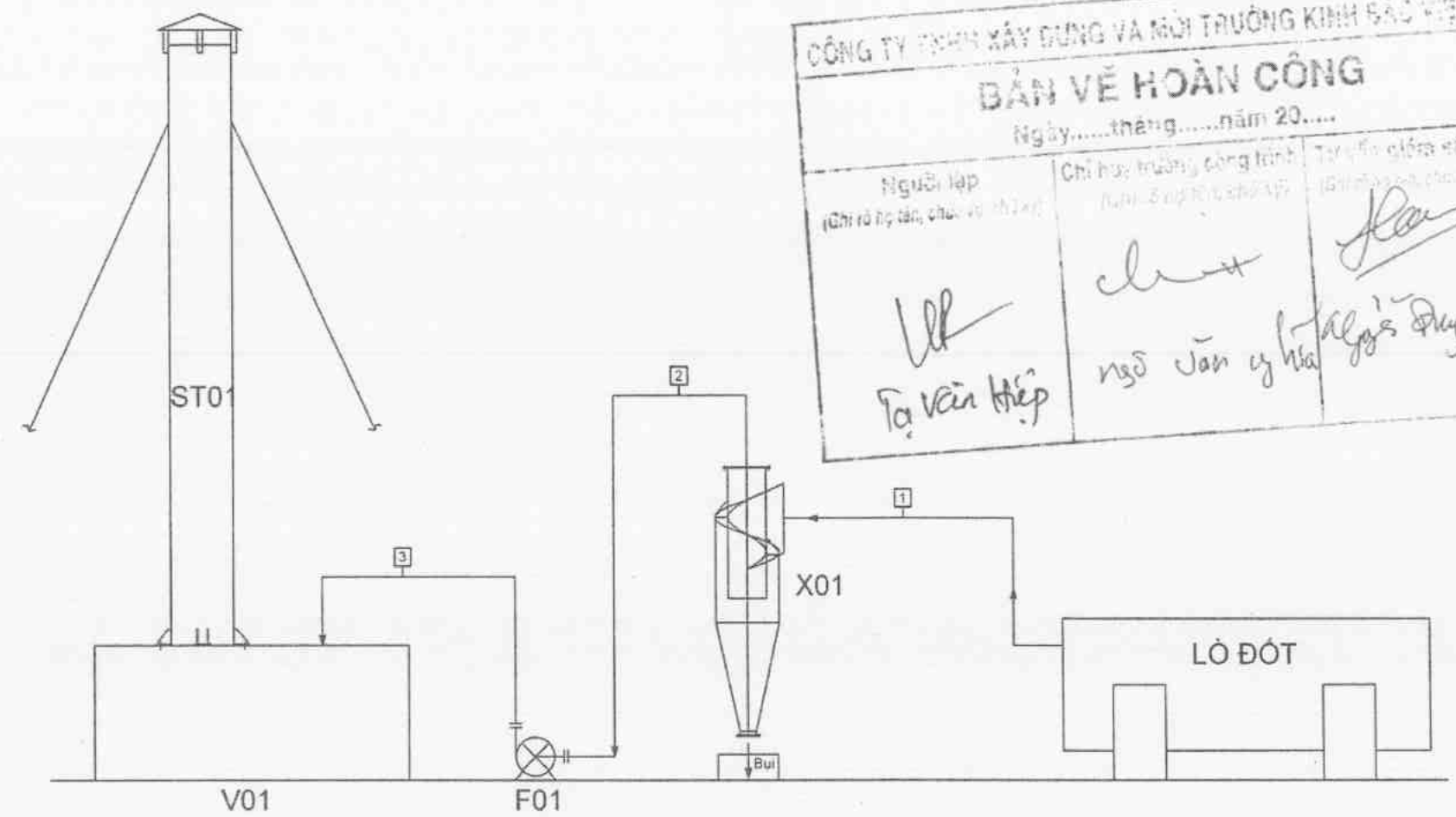
TỔNG MẬT BẢNG
TỔNG MẬT BẢNG THOÁT NƯỚC MƯA
Số bản: TMB-TNM-01
Số trang: 1

TT	Vị trí	Hạng mục	Diện tích m ²	Ghi chú
1	01	Công trình + Nhà bảo vệ	-	Hiện có
2	02	Nhà vệ sinh	-	Hiện có
3	04	Nhà sản xuất + kho	-	Hiện có
4	05	Khu xử lý nước thải	-	Hiện có

TT	Vị trí	Hạng mục	Kích thước	Số lượng	Ghi chú
1	01	Hố ga	1000x1000x1200	11 cái	Hiện có
2	02	Công thoát nước	Ø600	130m	Hiện có

7 6 5 4 3 2 1

E
D
C
B
A



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập (Chữ ký rõ ràng, chức vụ, họ tên)	Chỉ huy trưởng công trình (Chữ ký rõ ràng, chức vụ, họ tên)	Tư vấn giám sát thi công (Chữ ký rõ ràng, chức vụ, họ tên)
<i>Tạ Văn Hiệp</i>	<i>Nguyễn Văn Nghĩa</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>

HIỆU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN H.C SỐ	NỘI DUNG	NGÀY



CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

ĐỊA CHỈ: THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.

GÓI THẦU: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.

NHÀ THẦU:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Trụ sở: Số 8 tổ 24 Lạc Trung B, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 02438219838

GIÁM ĐỐC:		

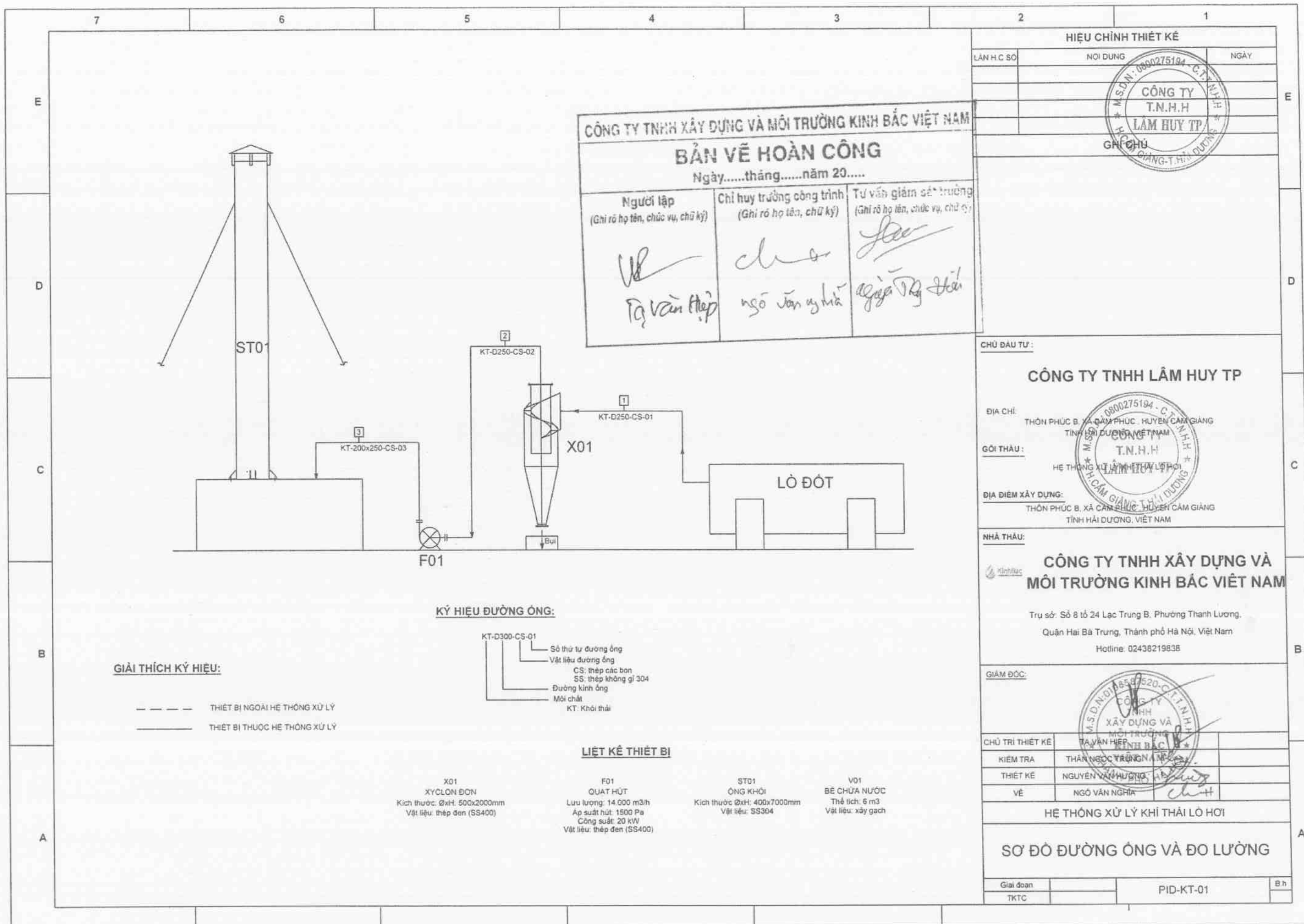
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
KIỂM TRA	THẦN NGỌC TRUNG	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HÙNG	
VẼ	NGÔ VĂN NGHĨA	
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI		
SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ		
Giai đoạn	TKTC	PFD-KT-01
TKTC		

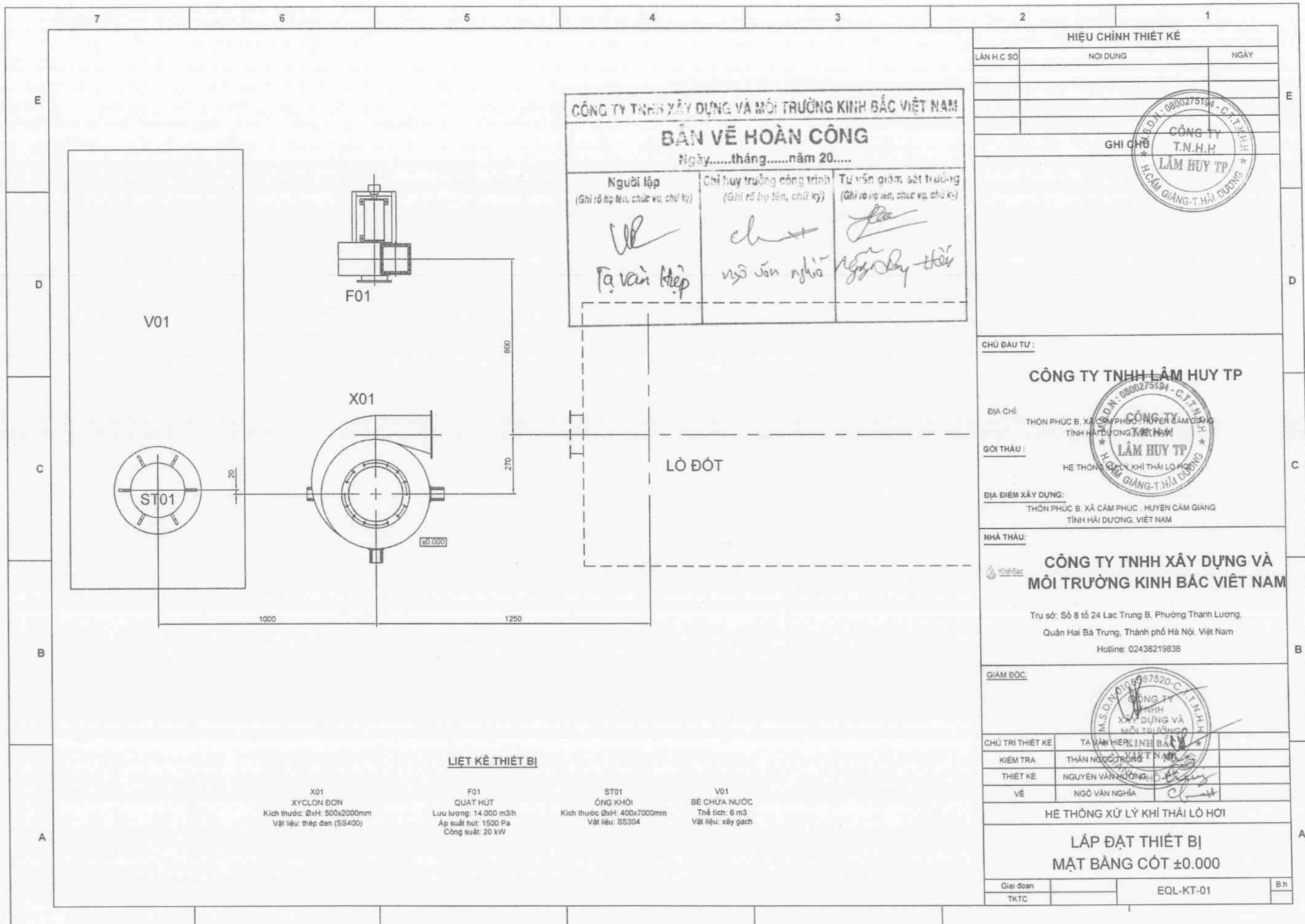
GIẢI THÍCH KÝ HIỆU

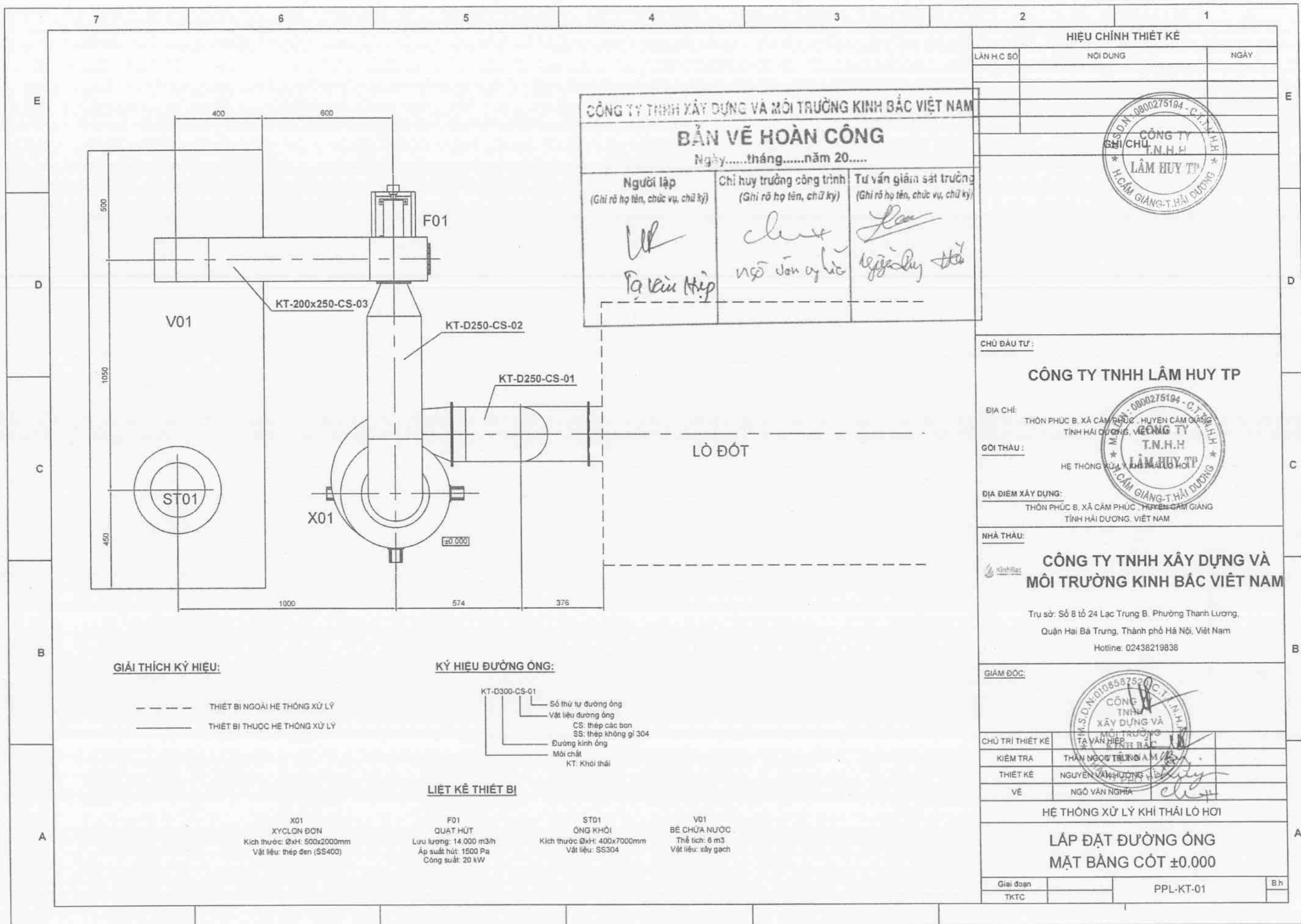
- THIẾT BỊ NGOÀI HỆ THỐNG XỬ LÝ
- THIẾT BỊ THUỘC HỆ THỐNG XỬ LÝ

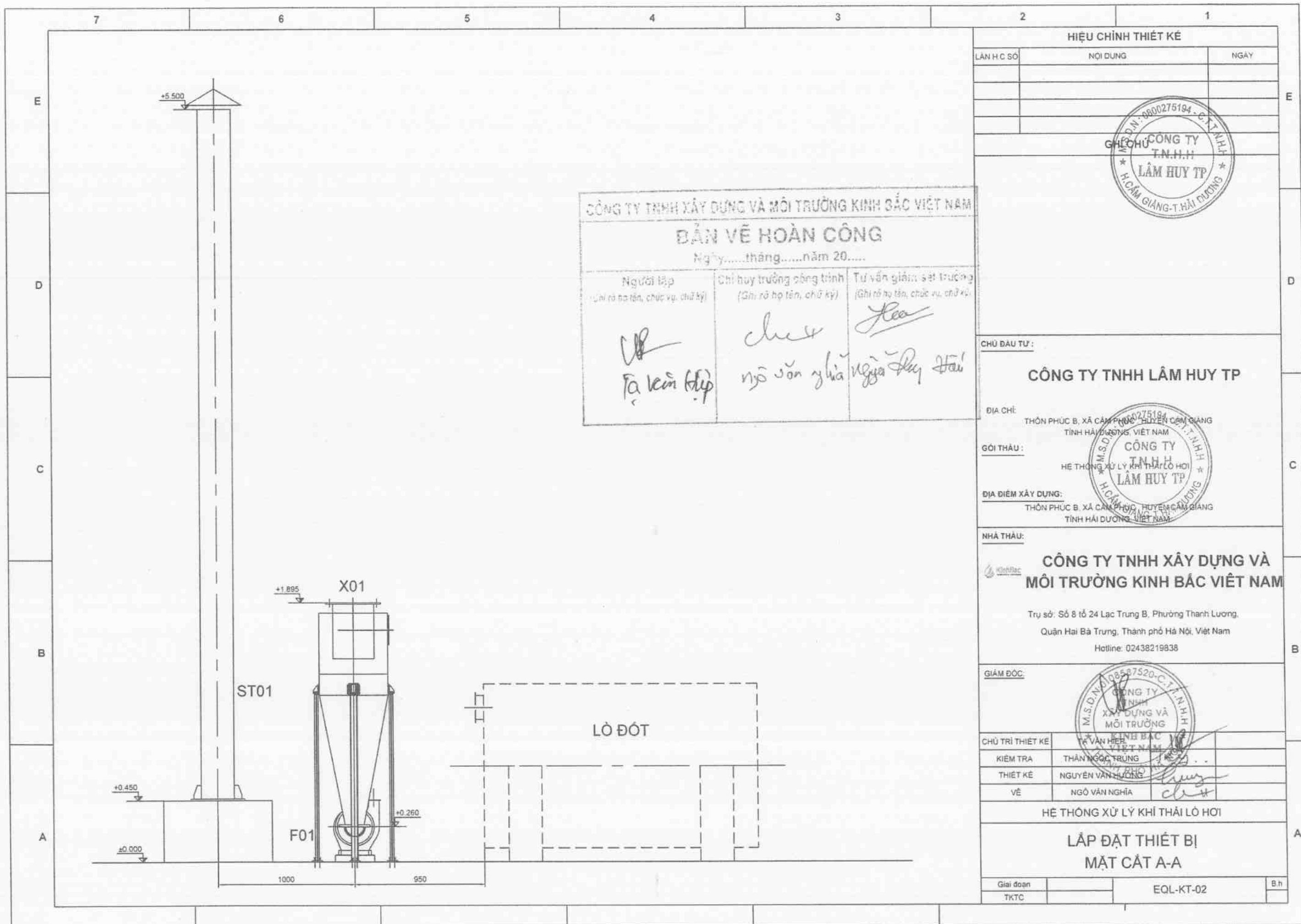
LIỆT KÊ THIẾT BỊ

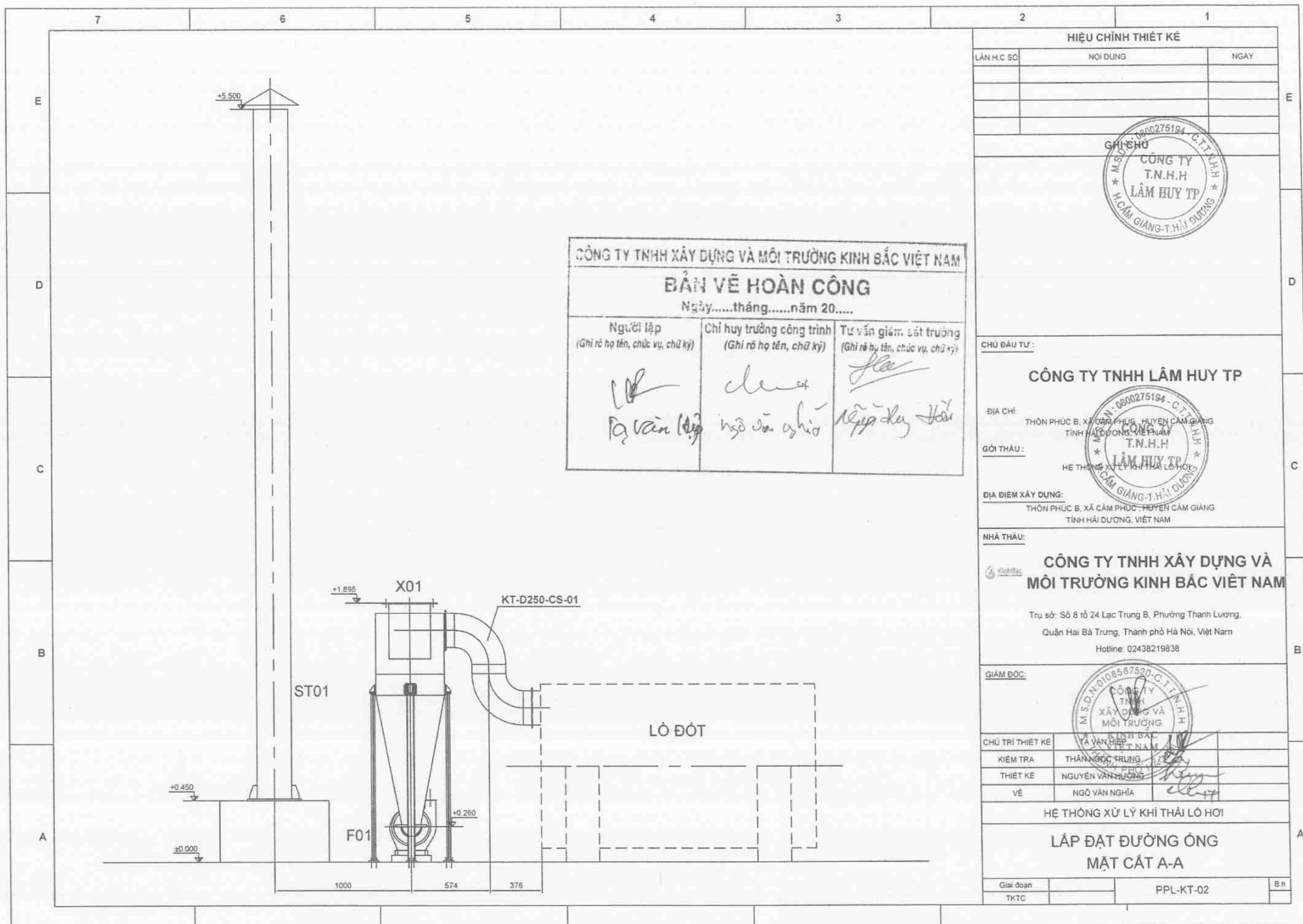
- | | | | |
|---|--|--|--|
| X01
XYCLON ĐƠN
Kích thước: ØxH: 500x2000mm
Vật liệu: thép đen (SS400) | F01
QUẠT HÚT
Lưu lượng: 14.000 m3/h
Áp suất hút: 1500 Pa
Công suất: 20 KW | ST01
ÔNG KHÓI
Kích thước ØxH: 400x7000mm
Vật liệu: SS304 | V01
BỂ CHỨA NƯỚC
Thể tích: 6 m3
Vật liệu: xây gạch |
|---|--|--|--|











CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Ta Van Hiep	 Ngo Van Nghia	 Lam Huy TP

HIỆU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN H.C SỐ	NỘI DUNG	NGÀY



GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Địa chỉ: THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

Ghi chú: HỒ THƠNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LỒ HƠI

Địa điểm xây dựng:

THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

Nhà thầu:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Trụ sở: Số 8 tổ 24 Lạc Trung B, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 02438219838

Giám đốc:

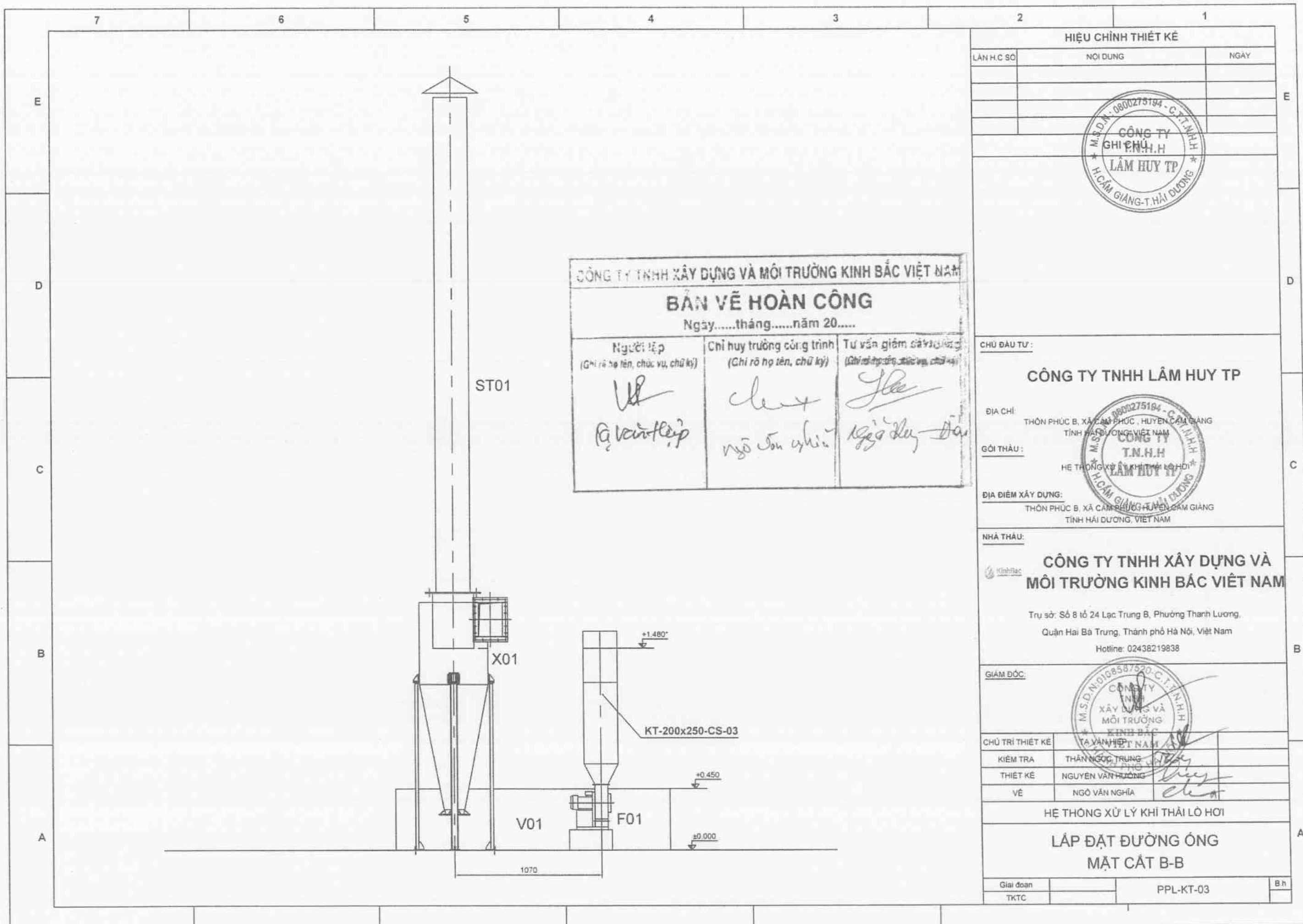


CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	TA VAN HIEP
KIỂM TRA	THÁNH NGỌC TRUNG
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HƯƠNG
VẼ	NGÔ VĂN NGHĨA

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LỒ HƠI

LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG MẶT CẮT A-A

Giai đoạn	TKTC	PPL-KT-02	B.h
-----------	------	-----------	-----



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

HIỆU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN H.C SỐ	NỘI DUNG	NGÀY

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Địa chỉ: THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

Ghi Chú H. T.N.H.H. H. Cẩm Giang - T. Hải Dương

GÓI THẦU :

Địa điểm xây dựng: THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

NHÀ THẦU:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Trụ sở: Số 8 tổ 24 Lạc Trung B, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 02438219838

GIÁM ĐỐC:

CHỦ TRÍ THIẾT KẾ	TA VĂN HIỆP
KIỂM TRA	THẦN NGỌC TRUNG
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HƯỚNG
VẼ	NGÔ VĂN NGHĨA

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG MẶT CẮT B-B

Giai đoạn	TKTC	PPL-KT-03	Bh

7

6

5

4

3

2

1

HIỆU CHỈNH THIẾT KẾ

LÀM H.C SỐ	NỘI DUNG	NGÀY



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

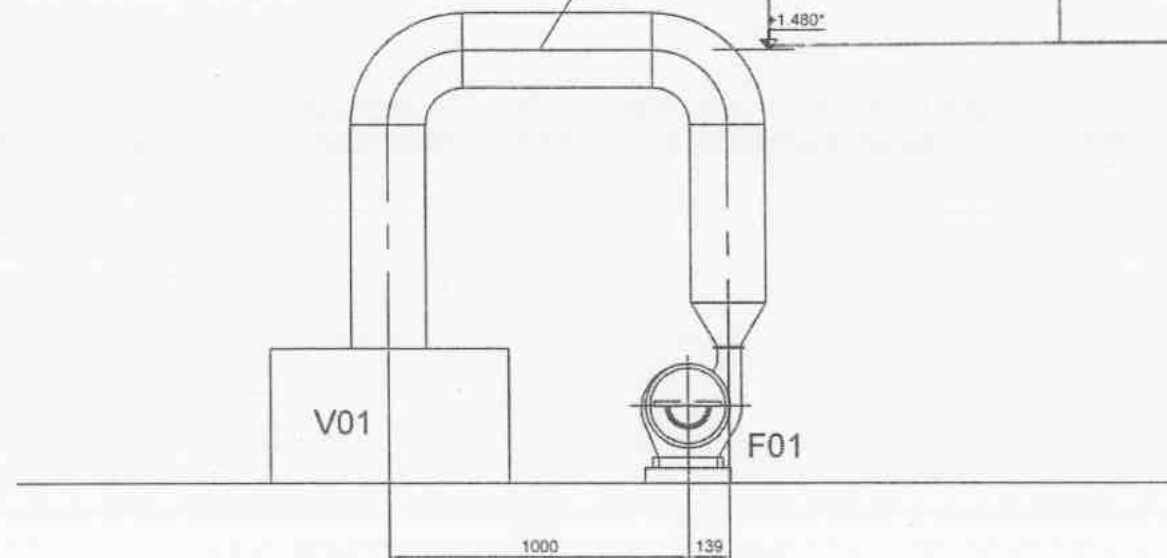
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Phạm Văn Hiệp	 Ngô Văn Nghĩa	 Nguyễn Văn Hùng

KT-200x250-CS-03

±1.480'



CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

ĐỊA CHỈ:

THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

GÓI THẦU:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

NHÀ THẦU:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Trụ sở: Số 8 tổ 24 Lạc Trung B, Phường Thanh Lương,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 02438219838

GIÁM ĐỐC:

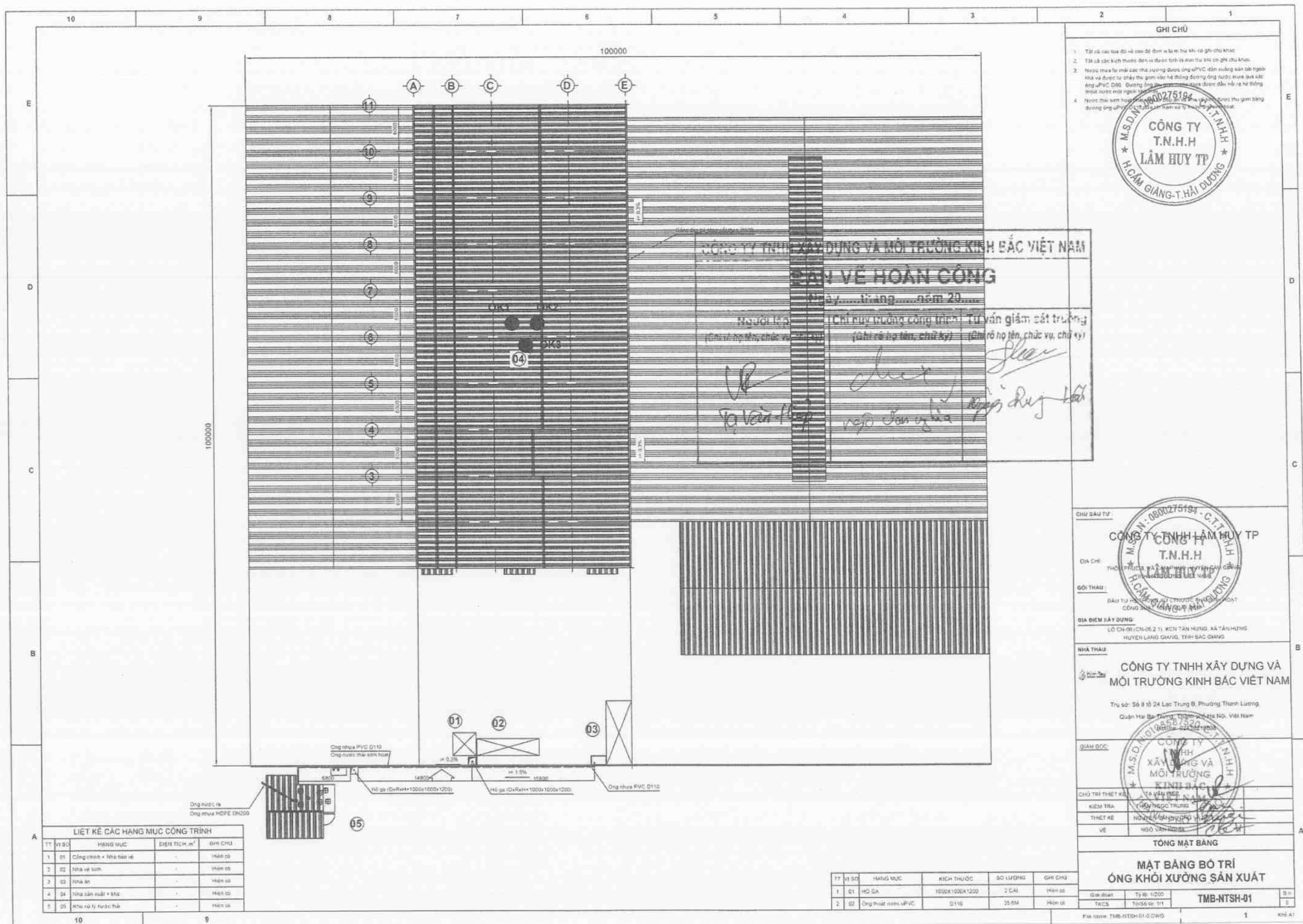


CHỦ TRỊ THIẾT KẾ	THAN NGOC TRUNG
KIỂM TRA	NGUYEN VAN HUUONG
THIẾT KẾ	NGO VAN NGHIA
VẼ	

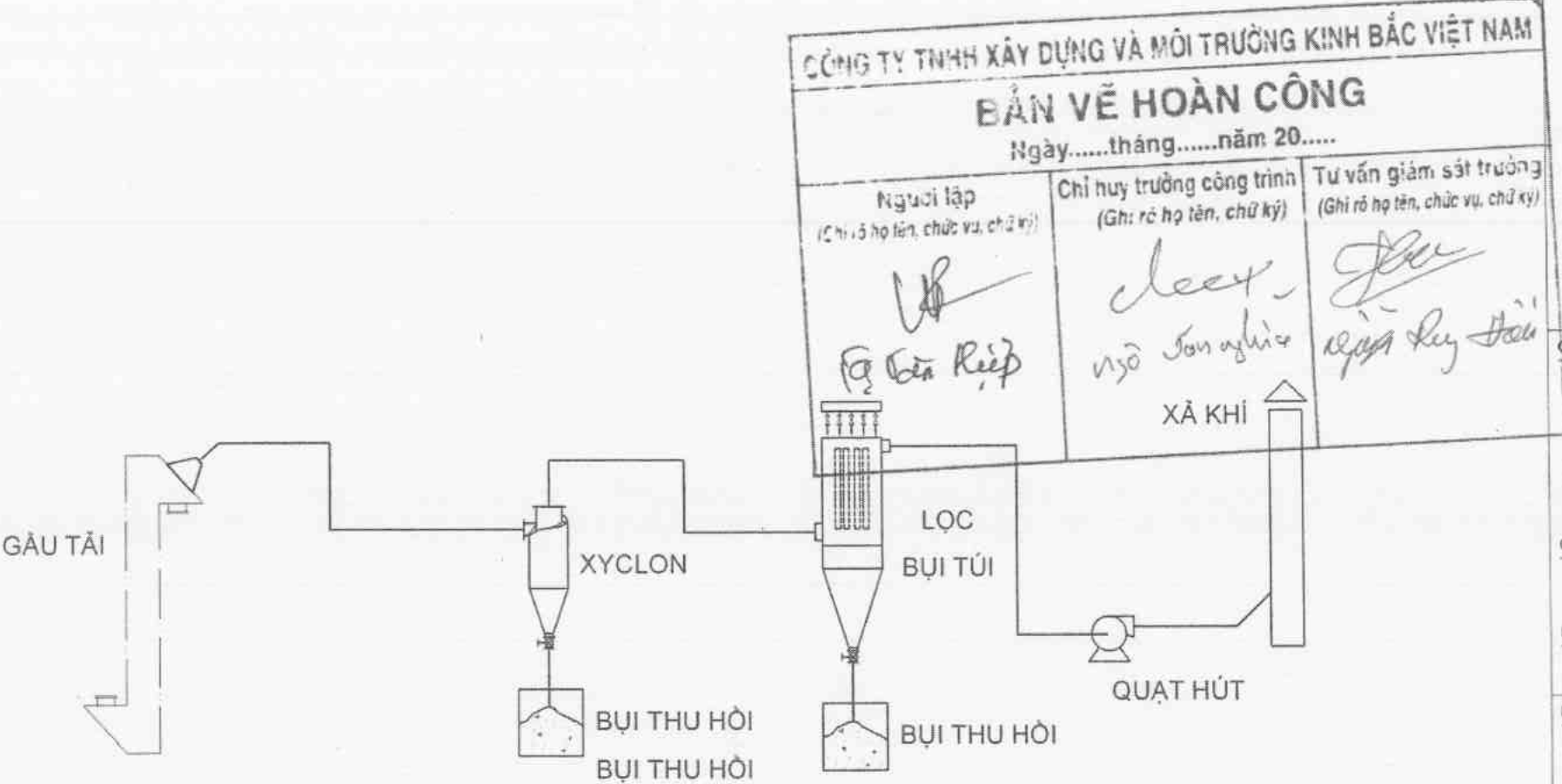
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG
MẶT CẮT C-C

Giai đoạn	TKTC	PPL-KT-04	Bh



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ BỤI KHU VỰC NẠP LIỆU



GHI CHÚ:

XYCLON
KÍCH THƯỚC: DxH: 1,5x4m

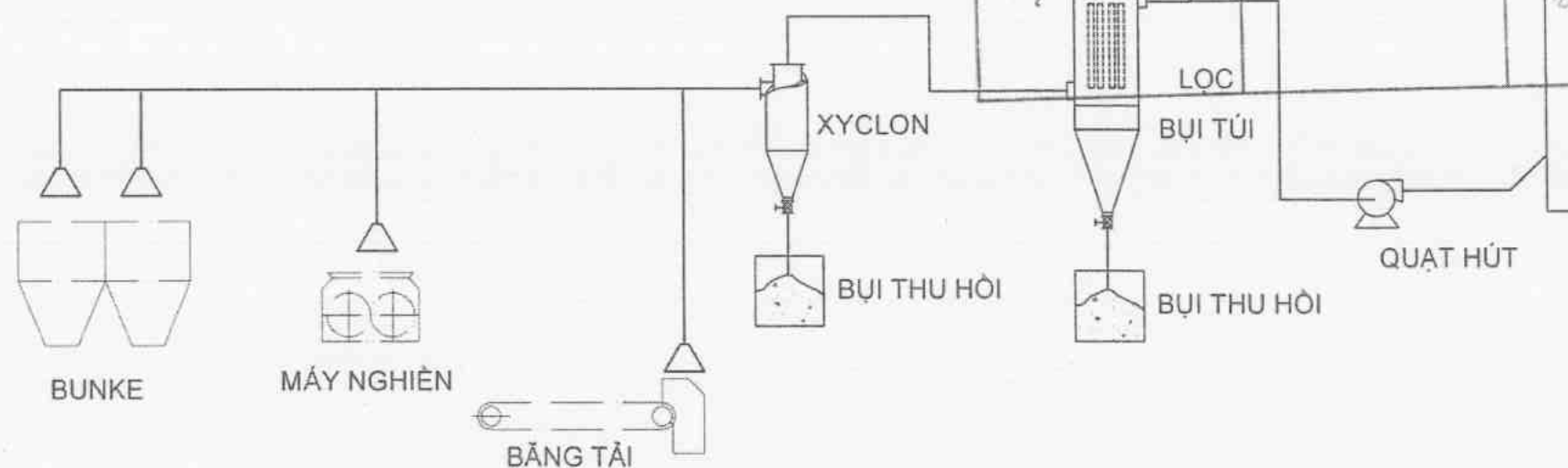
LỌC BỤI TÚI VẢI
Kích thước túi vải: 1500x1000 mm
Số túi lọc: 12 túi
Diện tích lọc: 30 m²

QUẠT HÚT
Lưu lượng: 1400 m³/h
Công suất: 3kw
Tốc độ: 2950 vòng/phút

ỐNG KHỎI
CHIỀU CAO/ ĐƯỜNG KÍNH: 11,5m/0,4m

HIỆU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN H.C SỐ	NỘI DUNG	NGÀY
GHI CHÚ		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP		
ĐỊA CHỈ:		
THÔN PHÚC B, XÃ CẨM BƯỞI, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG		
GÓI THẦU:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI KHU VỰC NẠP LIỆU		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
LÔ CN-06 (CN-06 2 1), KCN TÂN HƯNG, XÃ TÂN HƯNG, HUYỆN LANG GIANG, TỈNH BẮC GIANG		
NHÀ THẦU:		
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
Trụ sở: Số 8 tổ 24 Lạc Trung B, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		
Hotline: 02438219838		
GIÁM ĐỐC:		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
KIỂM TRA	THÂN NGỌC TRUNG	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HƯNG	
VẼ	NGÔ VĂN NGHĨA	
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI KHU VỰC NẠP LIỆU		
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		
Giai đoạn		PFD-KT-01
TKTC		B.h

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ BỤI KHU VỰC NGHIÊN



GHI CHÚ:

XYCLON

KÍCH THƯỚC: DxH: 1,5x4m

LỌC BỤI TÚI VÀI

Kích thước túi vải: 1500x1000 mm

Số túi lọc: 6 túi

Diện tích lọc: 12 m²

QUẠT HÚT

Lưu lượng: 700 m³/h

Công suất: 2.2 kw

Tốc độ: 1200 vòng/phút

ỐNG KHỎI

CHIỀU CAO/ ĐƯỜNG KÍNH: 11,5m/0,4m

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Phạm Văn Hiệp

Chỉ huy trưởng công trình
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

Nguyễn Văn Hùng

Tư vấn giám sát trưởng
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Nguyễn Duy Thái

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

ĐỊA CHỈ:

THÔN PHÚC B, XÃ CẨM PHÚC, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

GỢI THẦU:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

LÔ CN-06 (CN-05 2 1), KCN TÂN HƯNG, XÃ TÂN HƯNG, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

NHÀ THẦU:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Trụ sở: Số 8 tổ 24 Lạc Trung B, Phường Thanh Lương,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 02438219838

GIÁM ĐỐC:

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

TA VĂN HIỆP

KIỂM TRA

THÂN NGỌC TRUNG

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN HƯỞNG

VẼ

NGÔ VĂN NGHĨA

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI KHU VỰC NGHIÊN

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Giai đoạn

TKTC

PFD-KT-02

B.h



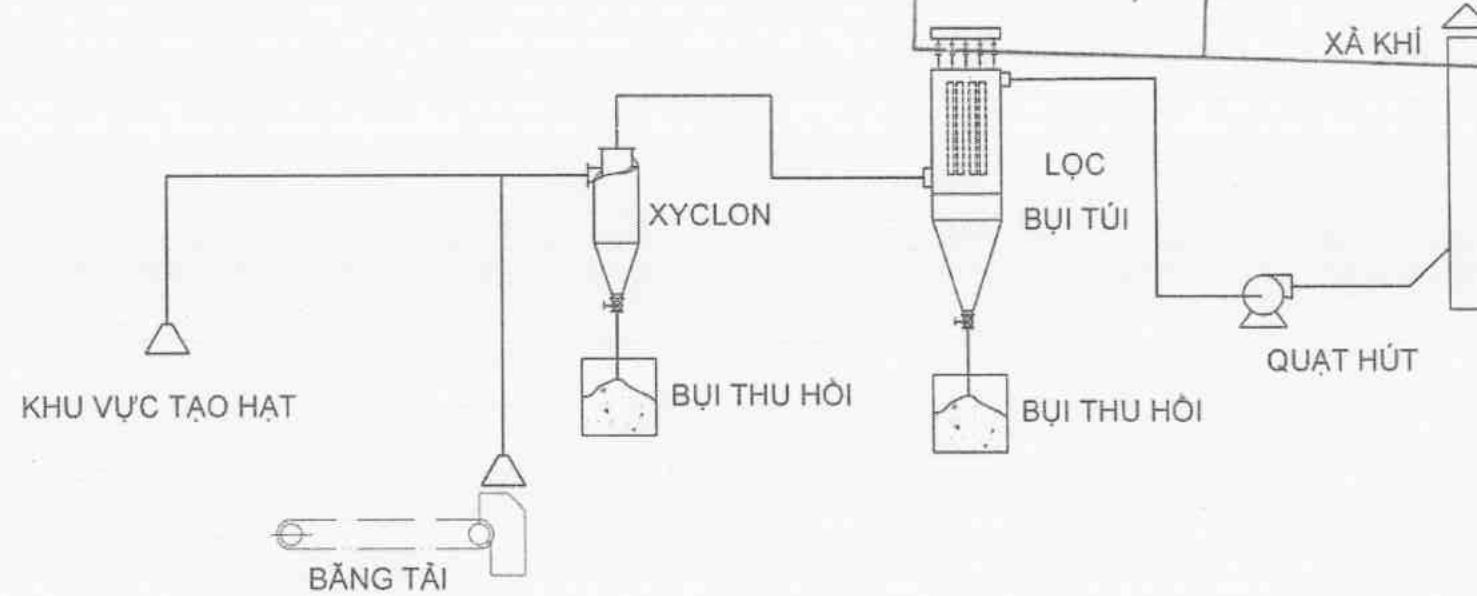
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ BỤI KHU VỰC TẠO HẠT

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trường (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Ta Văn Hiệp	 Nguyễn Văn Nghĩa	 Nguyễn Văn Hùng
XẢ KHÍ		



GHI CHÚ:

XYCLON

Kích thước: D x H: 1,5 x 4m

LỌC BỤI TÚI VÀI

Kích thước túi vải: 1500 x 1000 mm

Số túi lọc: 12 túi

Diện tích lọc: 30 m²

QUẠT HÚT

Lưu lượng: 1400 m³/h

Công suất: 3kw

Tốc độ: 2950 vòng/phút

ỐNG KHÓI

Chiều cao/đường kính: 11,5m/0,4m

HIỆU CHỈNH THIẾT KẾ

LÀM H.C.SỐ NỘI DUNG NGÀY



CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

ĐỊA CHỈ:

Thôn Phúc B, Xã Cẩm Bình, Huyện Cẩm Bình, Tỉnh Hải Dương

GÓI THẦU:

Hệ thống xử lý khí thải bụi khu vực tạo hạt

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

Lô CN-06 (CN-06.2.1), KCN Tân Hưng, Xã Tân Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang

NHÀ THẦU:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Trụ sở: Số 8 tổ 24 Lạc Trung B, Phường Thanh Lương,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 02438219838

GIÁM ĐỐC:



CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ta Văn Hiệp

KIỂM TRA

Thần Ngọc Trung

THIẾT KẾ

Nguyễn Văn Hùng

VẼ

Ngô Văn Nghĩa

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI KHU VỰC TẠO HẠT

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Giai đoạn
TKTC

PFD-KT-03

Bh



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 01 tháng 05 năm 2025		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Trinh Nguyệt Ánh	 Tạ Văn Hiệp	 Ngô Văn Nghĩa

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

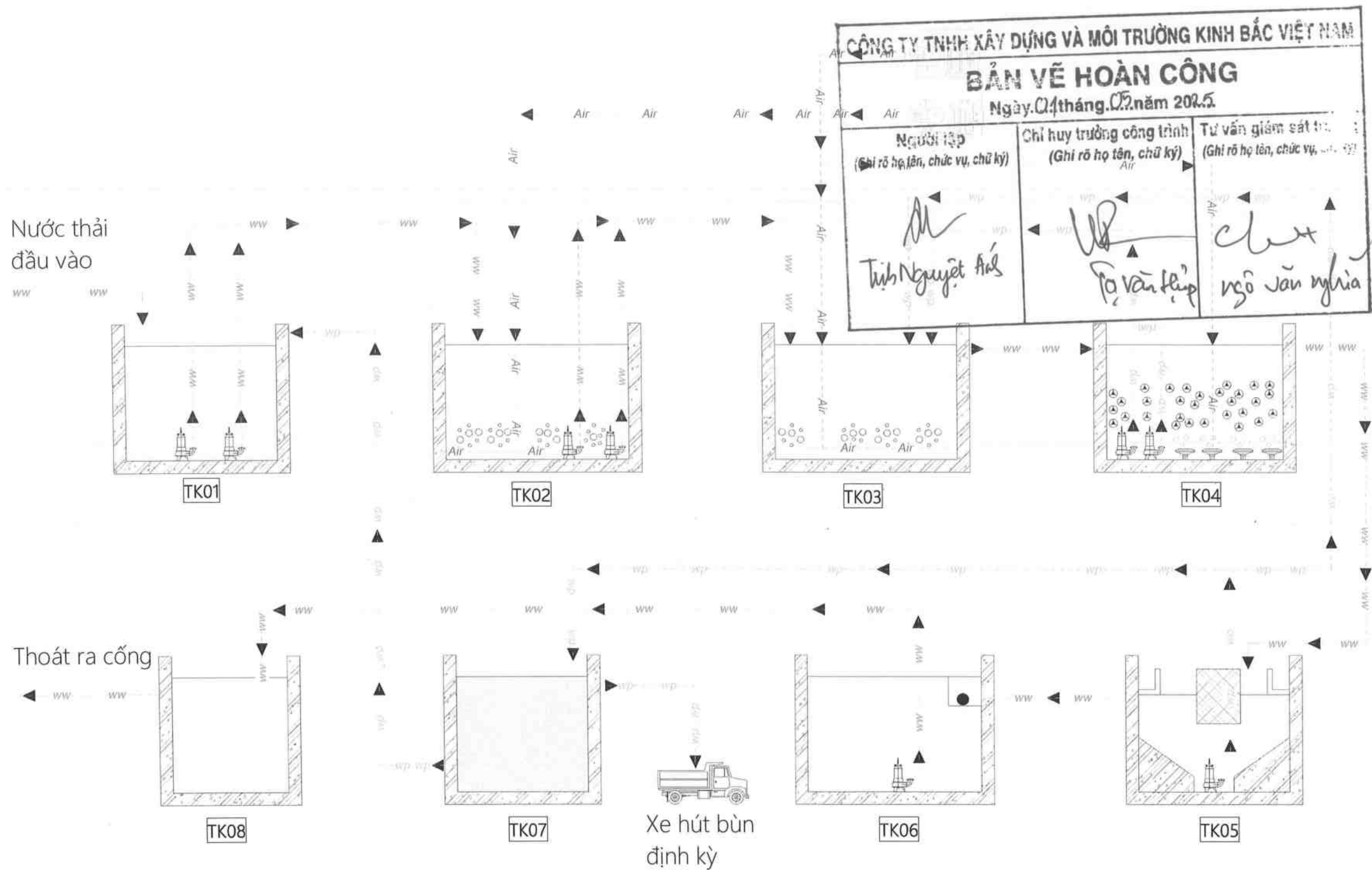
ĐỊA ĐIỂM

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Địa Chỉ: Thôn Phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

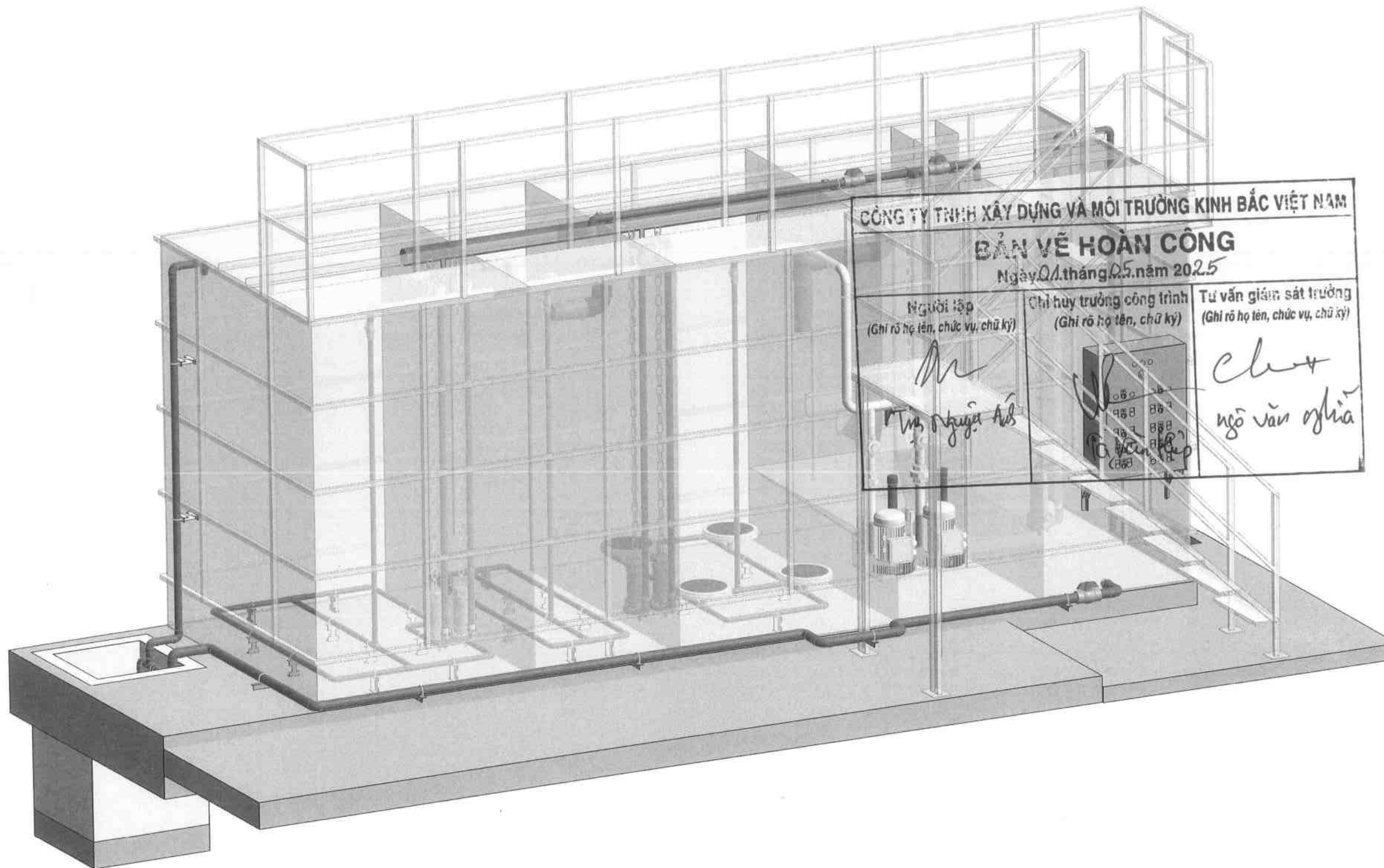
Hải Dương, Tháng 04/2025

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM



CHÚ THÍCH TÊN BỂ					
TK01	BỂ GOM NƯỚC THẢI	TK04	BỂ HIẾU KHÍ MBBR	TK07	BỂ CHỨA BÙN
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	TK08	HỒ GA LẤY MẪU
TK03	BỂ THIẾU KHÍ	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG		HỘP ĐỰNG CLO DẠNG VIÊN KHỬ TRÙNG

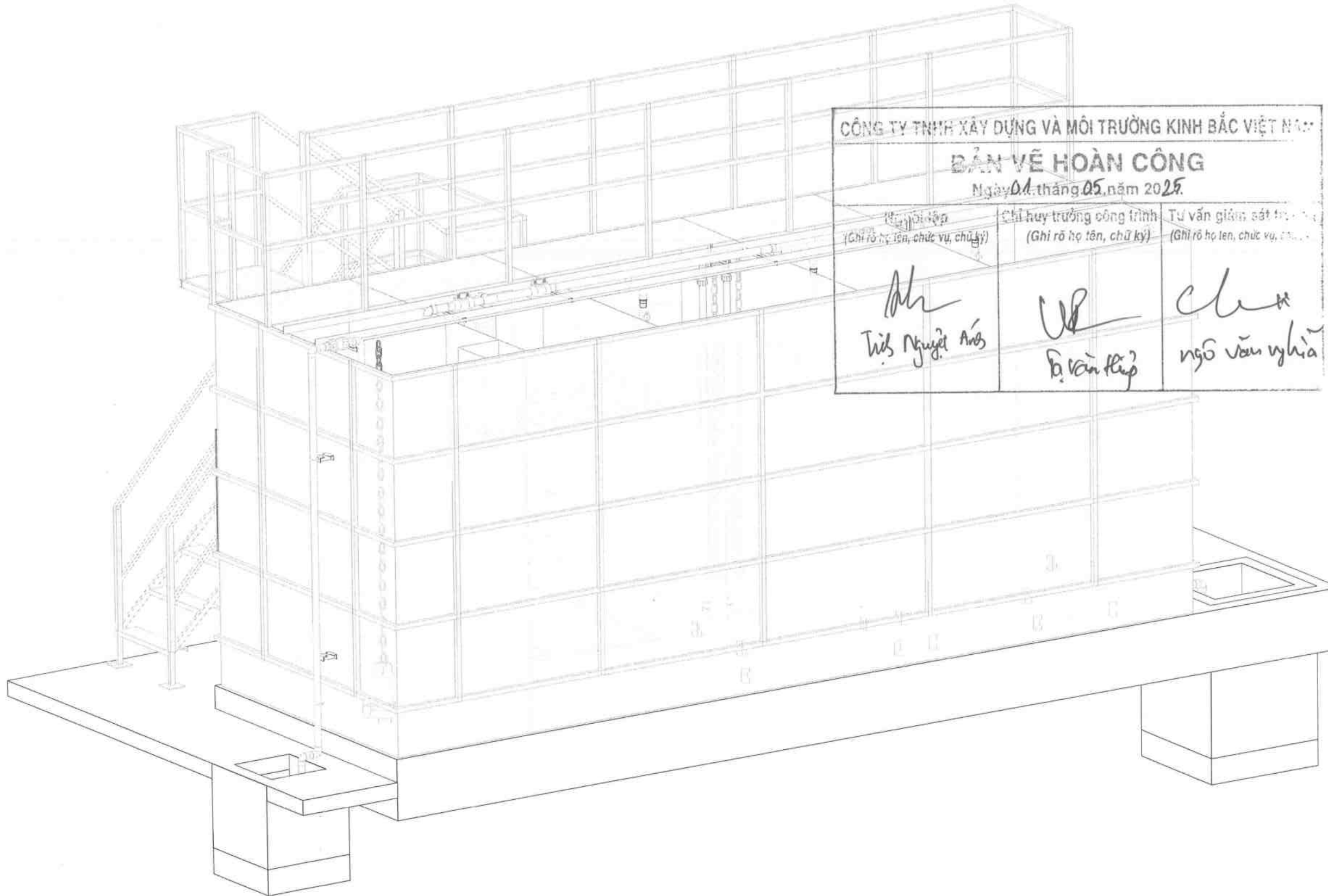
Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (Khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 8, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
Chủ trì thiết kế:			
Ta Văn Hiệp			
Kiểm tra:			
Thần Ngọc Trung			
Thiết kế:			
Nguyễn Văn Hưởng			
Vẽ:			
Ngô Văn Nghĩa			
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ			
Tỷ lệ	1:50	Bản Vẽ Số	A102
Kích thước	A3	Tổng	26



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 01 tháng 05 năm 2025		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

3D1-TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

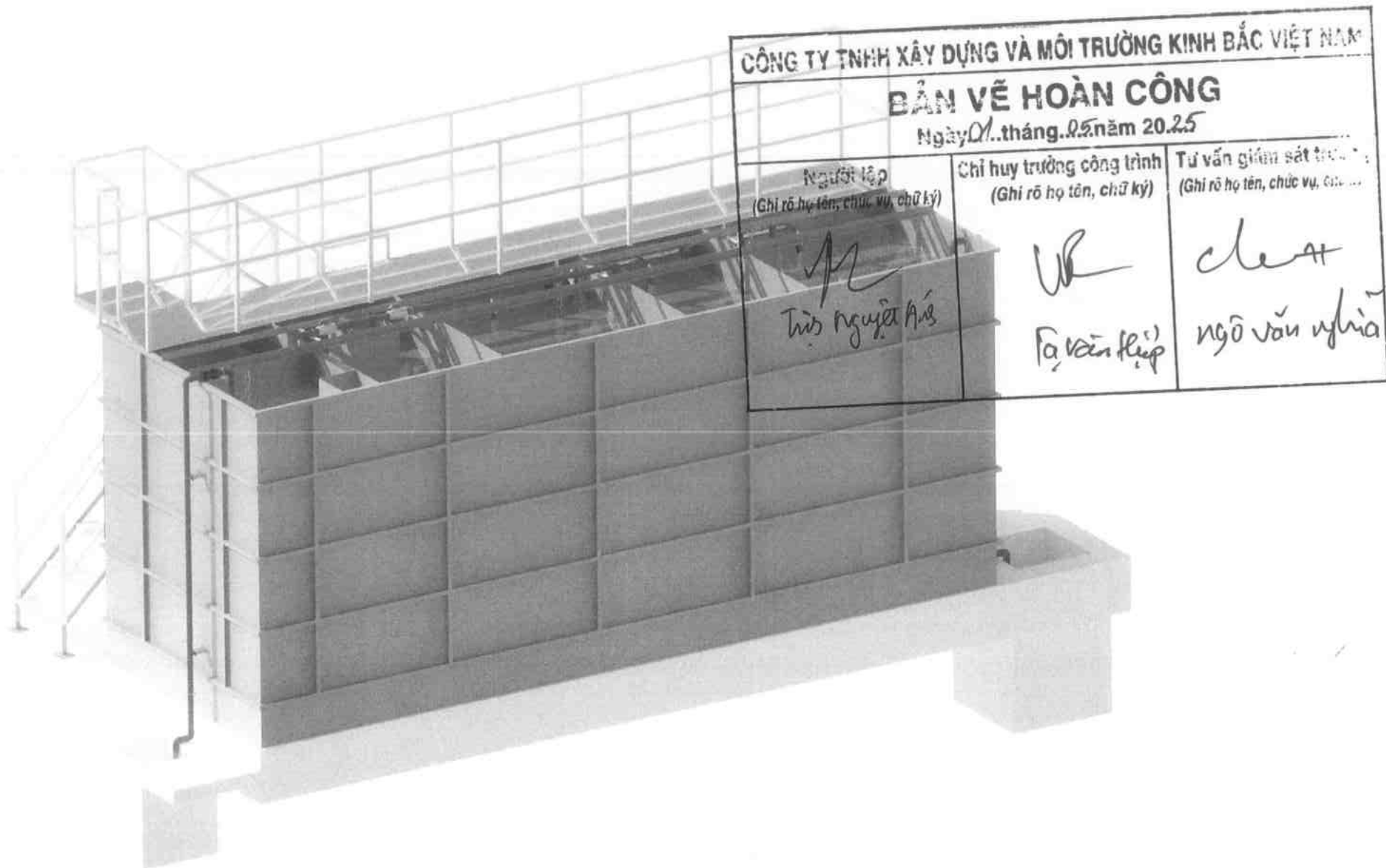
Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh			
Giám đốc			
Chủ trì thiết kế: Tạ Văn Hiệp			
Kiểm tra:	Thân Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hường		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
3D1-TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
Tỷ lệ	1:50	Bản Vẽ Số	A103
Kích thước	A3	Tổng	26



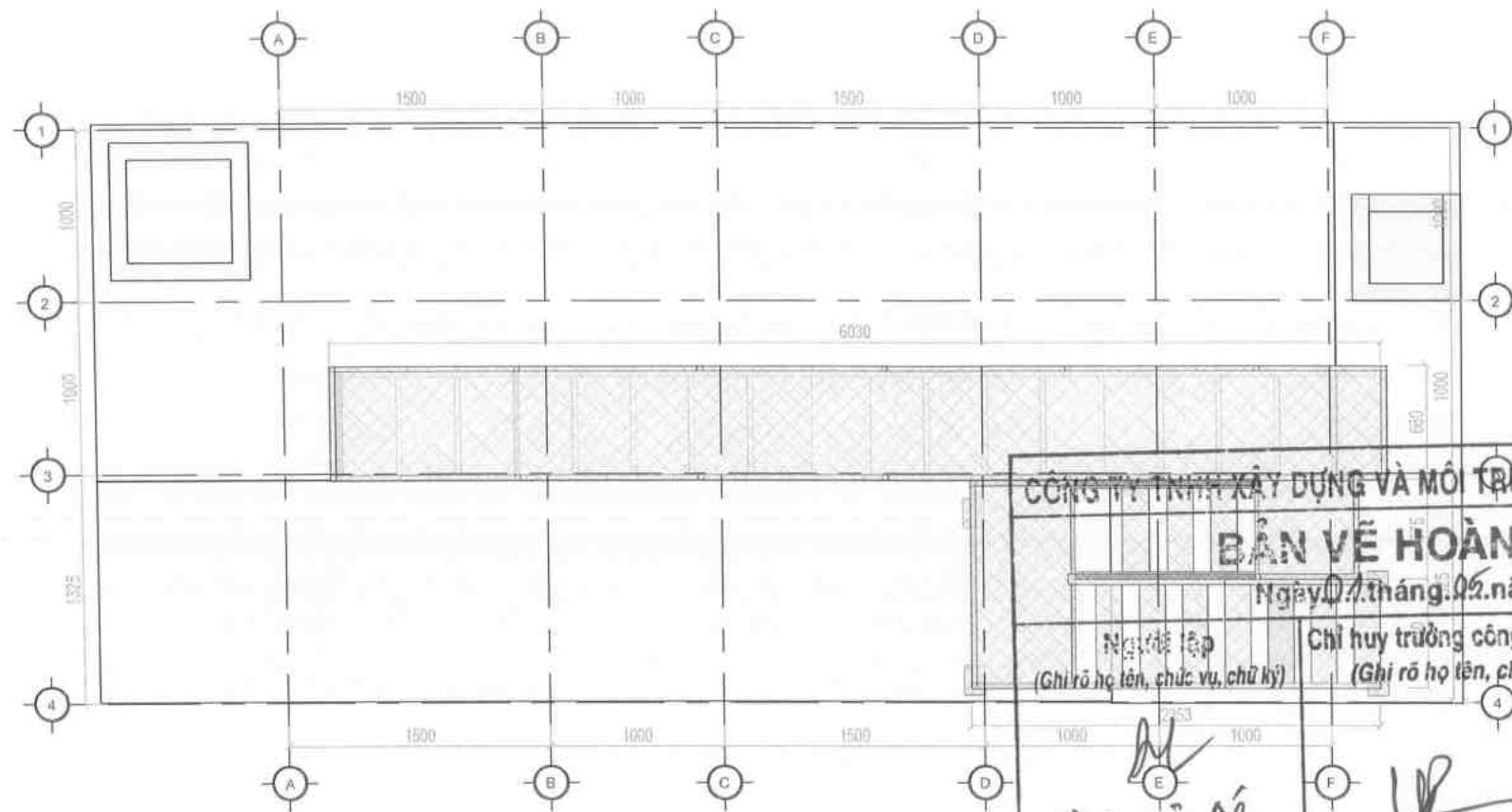
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 01 tháng 05 năm 2025		
Hạng mục (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thib Nguyễn An	Tạ Văn Hiệp	Ngô Văn Nghĩa

3D2-TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

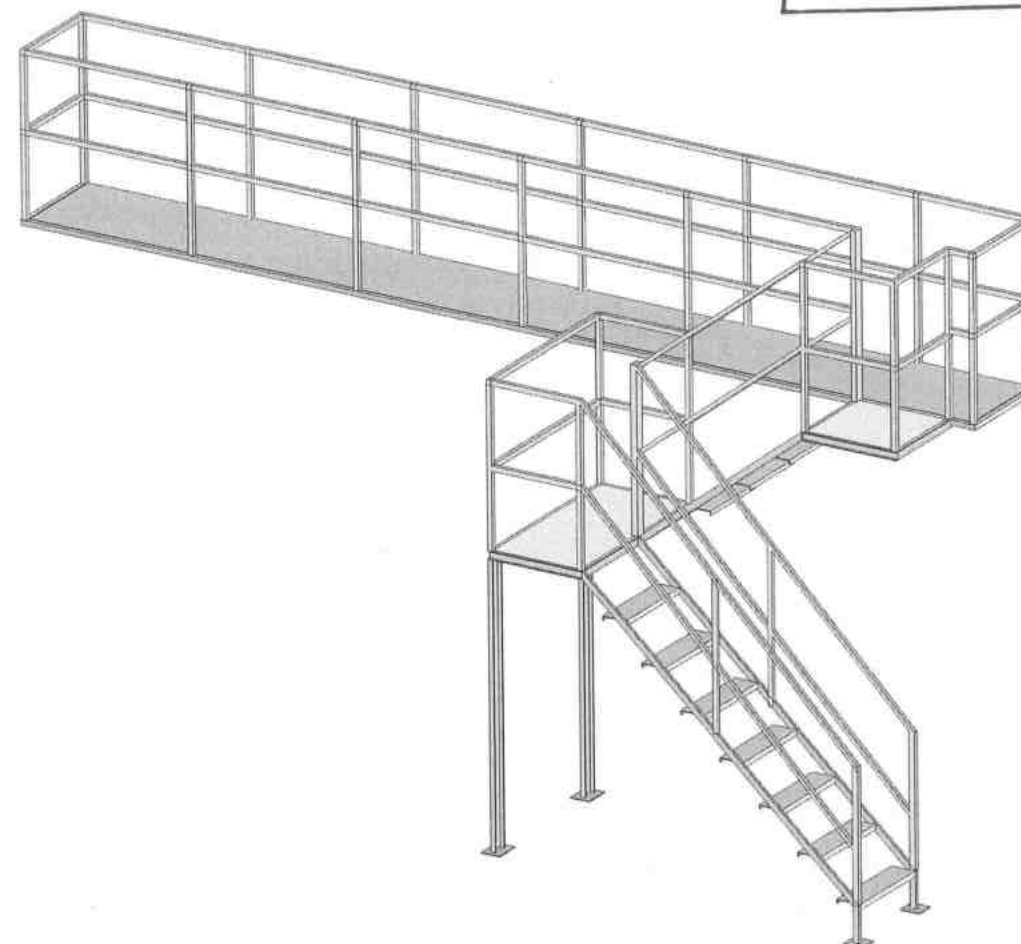
Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh			
Giám đốc			
TẠ VĂN HIỆP			
Chủ trì thiết kế:	Tạ Văn Hiệp		
Kiểm tra:	Thân Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hướng		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
3D2-TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
Tỷ lệ	1:50	Bản Vẽ Số	A104
Kích thước	A3	Tổng	26



Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày		Mô tả	
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
			
Chủ trì thiết kế:		Ta Văn Hiệp	
Kiểm tra:	Thân Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hường		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
PHỐI CẢNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
Tỷ lệ	1:50	Bản Vẽ Số	A105
Kích thước	A3	Tổng	26

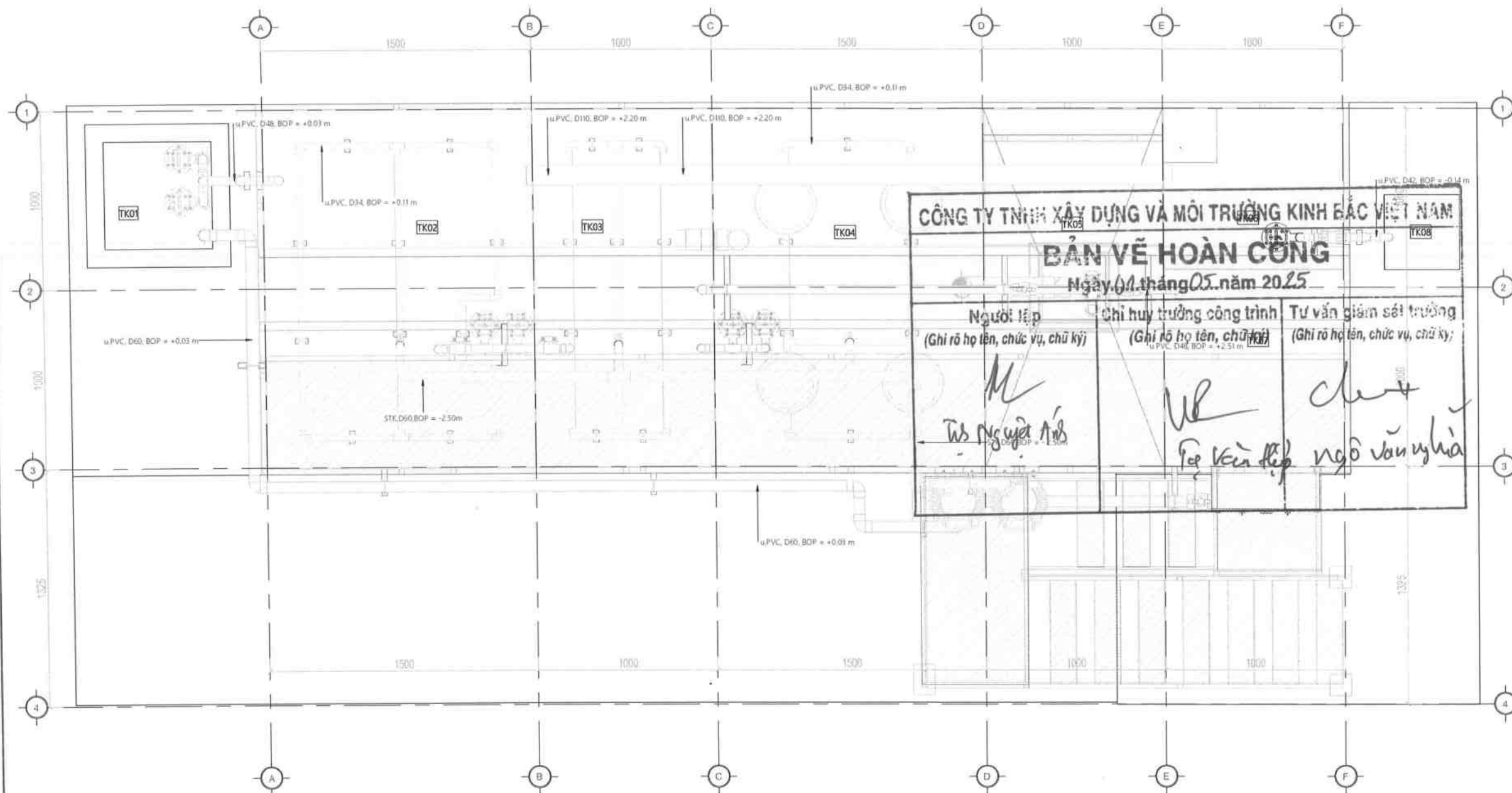


MẶT BẰNG CẦU THANG-SÀN THAO TÁC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TỈ LỆ: 1 : 40



3D LAN CAN SÀN THAO TÁC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TỈ LỆ:

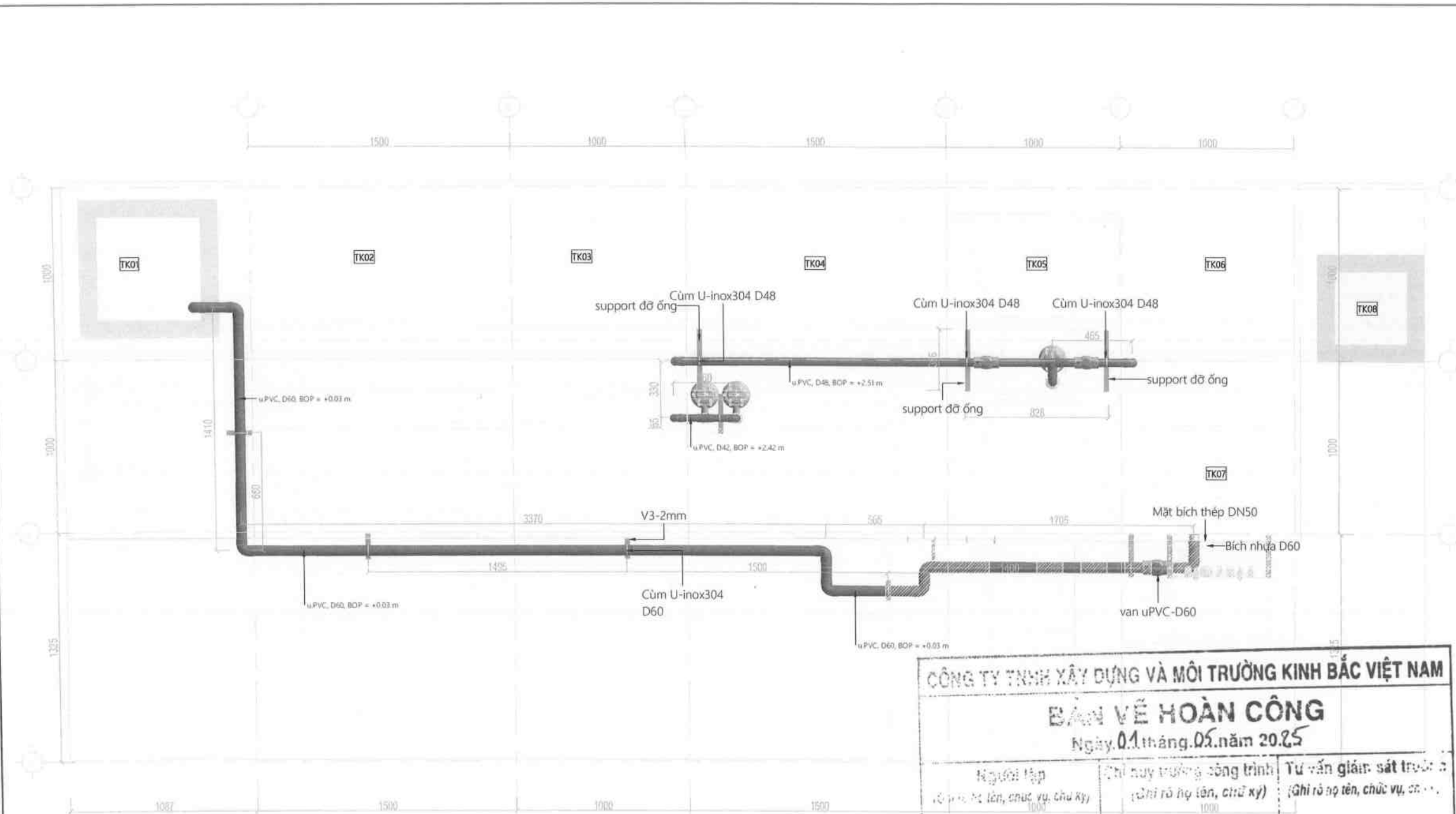
Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố B, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh			
Giám đốc			
Chủ trì thiết kế: Tạ Văn Hiệp			
Kiểm tra:	Thân Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hường		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
MẶT BẰNG LAN CAN SÀN THAO TÁC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
Tỷ lệ	1:40	Bản Vẽ Số	A107
Kích thước	A3	Tổng	26



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TỈ LỆ: 1 : 25

DANH MỤC KHỐI BỂ							GHI CHÚ	D110	VẬT LIỆU	BOP	+1000
TK01	BỂ GOM NƯỚC THẢI	TK04	BỂ HIỆU KHÍ MBBR	TK07	BỂ CHỨA BÚN			DƯỜNG KÍNH	uPVC-ÔNG NHỰA uPVC	CAO ĐỘ ĐÁY ÔNG	GIA TRỊ CAO ĐỘ
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	TK08	HỒ GA LẤY MẪU			ÔNG DẠNG NGHĨA	STK-ÔNG SẮT TRẮNG KÉM		
TK03	BỂ THIẾU KHÍ	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG								

Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày		Mô tả	
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
 KinhBac Construction & Environment			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP-Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM TẠ VĂN HIỆP			
Chủ trì thiết kế: Tạ Văn Hiệp			
Kiểm tra:		Thân Ngọc Trung	
Thiết kế:		Nguyễn Văn Hương	
Vẽ:		Ngô Văn Nghĩa	
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
Tỷ lệ	1:25	Bản Vẽ Số	A108
Kích thước	A3	Tổng	26



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG Bùn
TỈ LỆ: 1 : 25

DANH MỤC KHỐI BỂ				GHI CHÚ					
TK01	BỂ GOM NƯỚC THẢI	TK04	BỂ HIỆU KHÍ MBBR	TK07	BỂ CHỨA BÚN	D110	VẬT LIỆU	BOP	+1000
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	TK08	HỒ GA LẤY MẪU				
TK03	BỂ THIẾU KHÍ	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG						

ĐƯỜNG KÍNH	ỐNG DẠNG NGHĨA	uPVC: ỚNG NHỰA uPVC	CÁO BÀ ĐỖ ỚNG	GIÁ TRỊ CAO ĐỖ
		STK: ỚNG SẮT TRẮNG KẼM		

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 05 năm 2025

Người lập (Chữ ký, họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Chữ ký, họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trước (Chữ ký, họ tên, chức vụ, chữ ký)
h Tôn Nguyệt Ánh	U Phạm Văn Hiệp	Ch Ngô Văn Nghĩa

Ghi Chú

Mục đích phát hành

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày	Mô tả
15/04/2025	

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Đơn vị thực hiện:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

KinhBac

Construction & Environment

Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Giám đốc:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Phạm Văn Hiệp

Chủ trì thiết kế:

Phạm Văn Hiệp

Kiểm tra:	Thần Ngọc Trung
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hương
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa

Tên dự án:

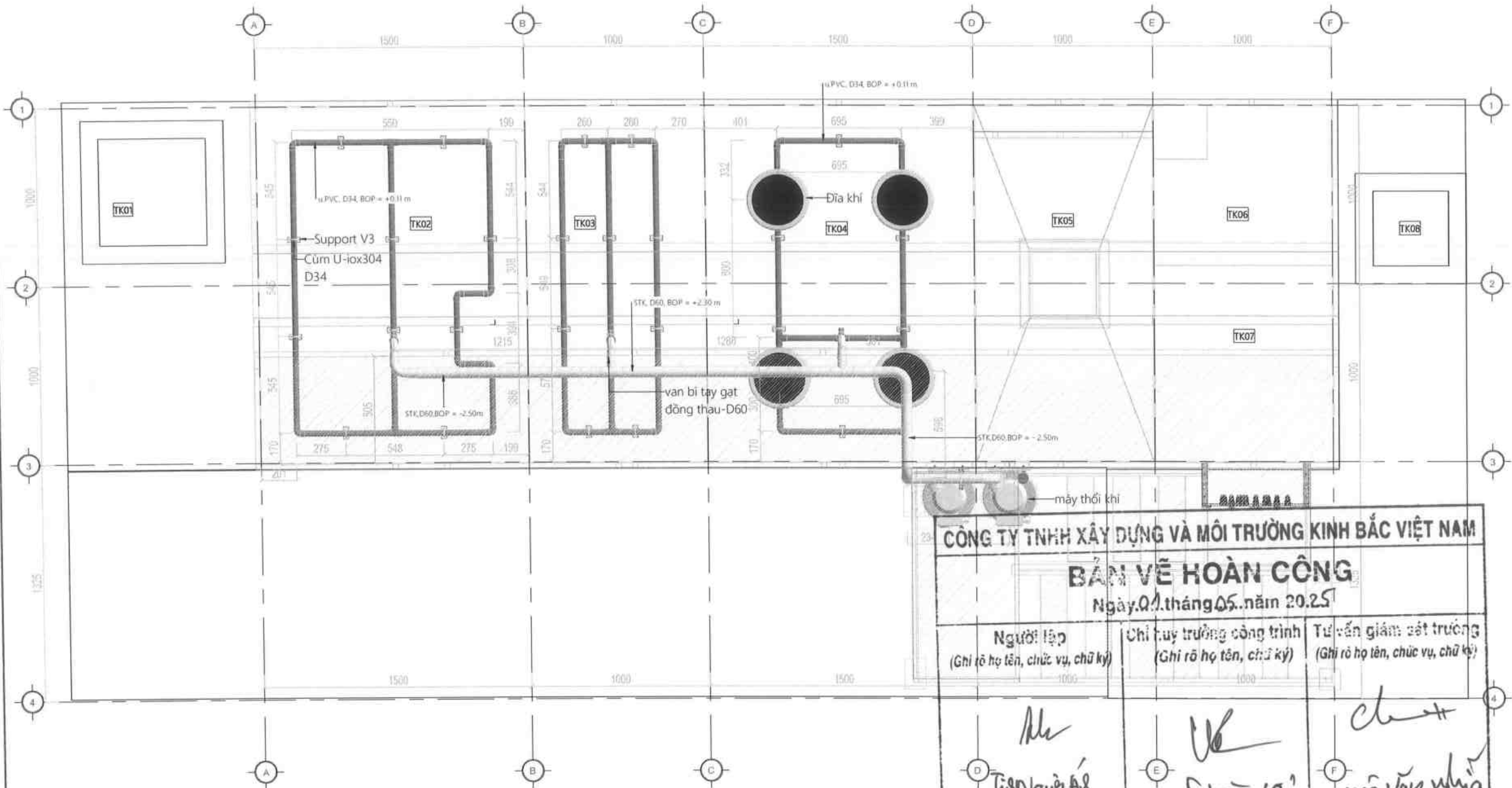
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM

Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG Bùn

Tỷ lệ	1:25	Bản Vẽ Số	A111
Kích thước	A3	Tổng	26



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ
TỈ LỆ: 1 : 25

DANH MỤC KHỐI BỂ					
TK01	BỂ GOM NƯỚC THẢI	TK04	BỂ HIỆU KHÍ MBBR	TK07	BỂ CHỨA BÙN
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK05	BỂ LÀNG SINH HỌC	TK08	HỒ GA LẤY MẪU
TK03	BỂ THIẾU KHÍ	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG		

GHI CHÚ		D110	VẬT LIỆU	BOP	+1000
ĐƯỜNG KÍNH ỐNG DANH NGHĨA		uPVC-ỐNG NHỰA uPVC		CAO ĐỘ ĐÁY ỐNG	GIÁ TRỊ CAO ĐỘ
		STK-ỐNG SẮT TRẮNG KÉM			

Ghi Chú

Mục đích phát hành

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày

Mô tả

15/04/2025

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Đơn vị thực hiện:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM

Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Giám đốc:

Chủ trì thiết kế:

Phạm Văn Hiệp

Kiểm tra:

Thân Ngọc Trung

Thiết kế:

Nguyễn Văn Hương

Vẽ:

Ngô Văn Nghĩa

Tên dự án:

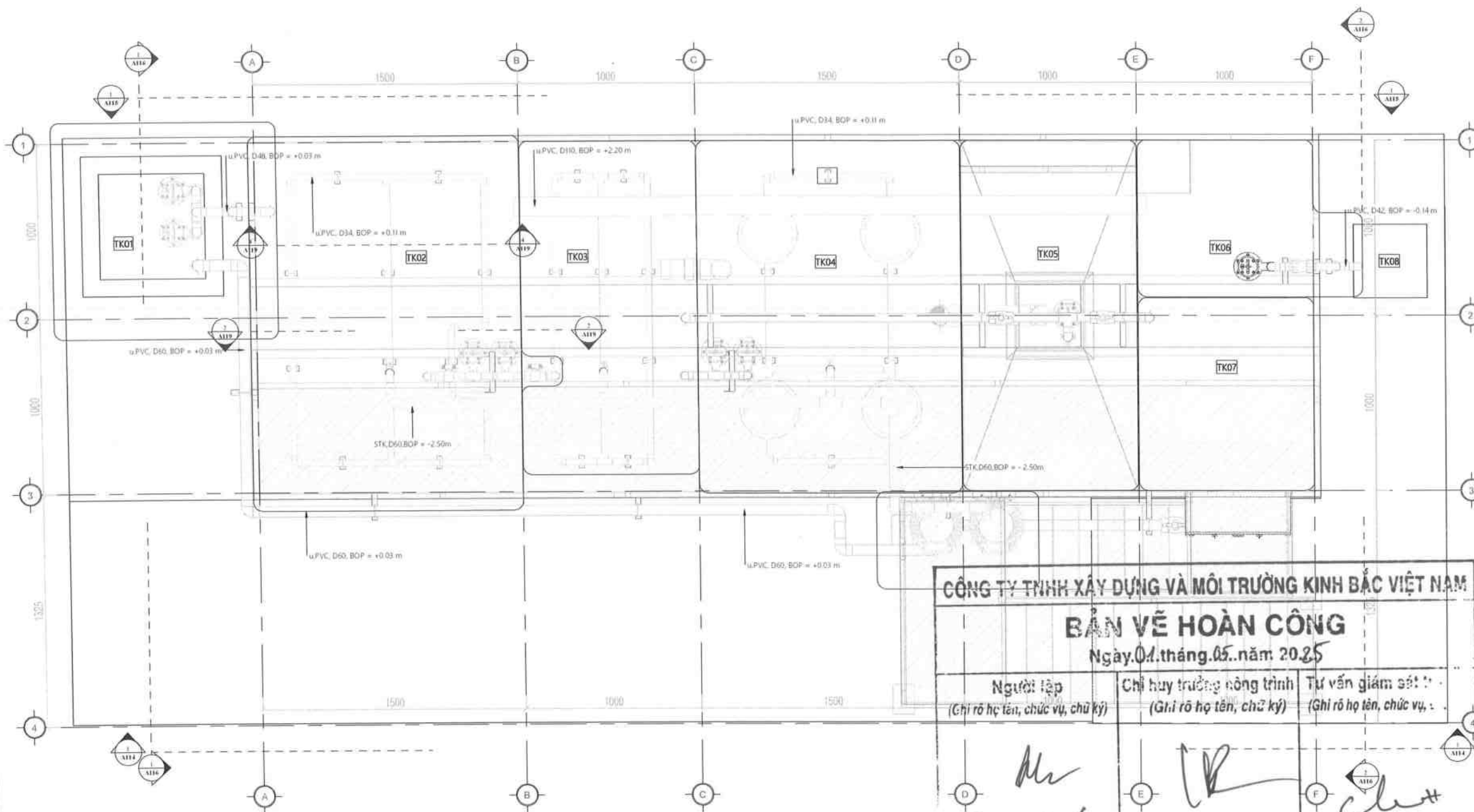
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM

Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ

Tỷ lệ	1:25	Bản Vẽ Số	A112
Kích thước	A3	Tổng	26



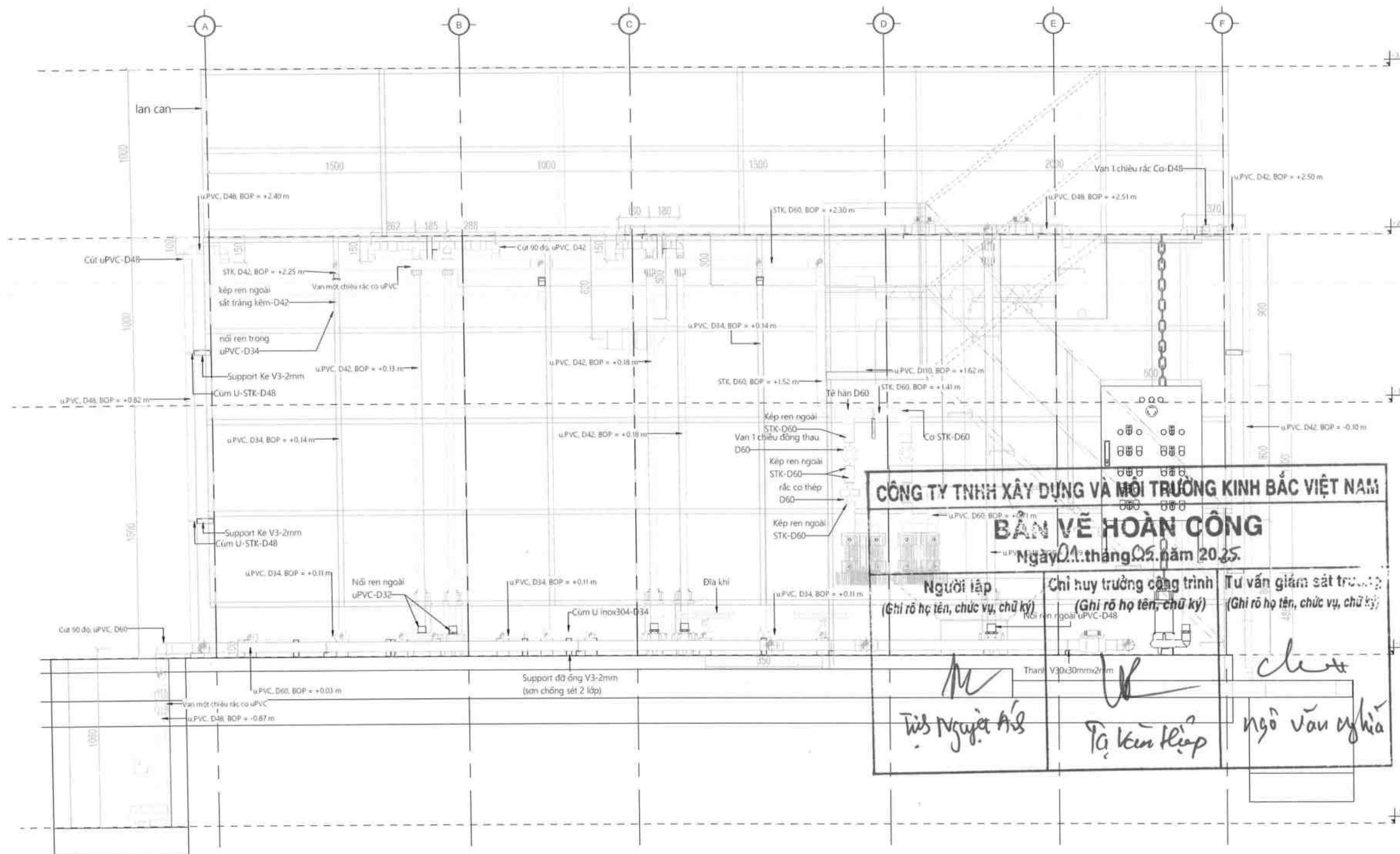
MẶT BẰNG BỐ TRÍ MẶT CẮT
TỈ LỆ: 1 : 25

DANH MỤC KHỐI BỂ			
TK01	BỂ GOM NƯỚC THẢI	TK04	BỂ HIẾU KHÍ MBBR
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC
TK03	BỂ THIẾU KHÍ	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK07	BỂ CHỨA BÚN	TK08	HỒ GA LẤY MÀU

GHI CHÚ	D110	VẬT LIỆU	BOP	+1000
	ĐƯỜNG KÍNH	uPVC: ống nhựa uPVC	CÁC ĐỒ BAY ống	GIÁ TRỊ CAO ĐỘ
	ỐNG DẠNG NGHĨA	STK: ống sắt tráng kẽm		

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 01 tháng 05 năm 2025		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Trần Nguyệt Anh	Trần Văn Hiệp	Ngô Văn Nghĩa

Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
Chủ trì thiết kế: Trần Văn Hiệp			
Kiểm tra:	Thân Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hương		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
MẶT BẰNG BỐ TRÍ MẶT CẮT			
Tỷ lệ	1:25	Bản Vẽ Số	A113
Kích thước	A3	Tổng	26

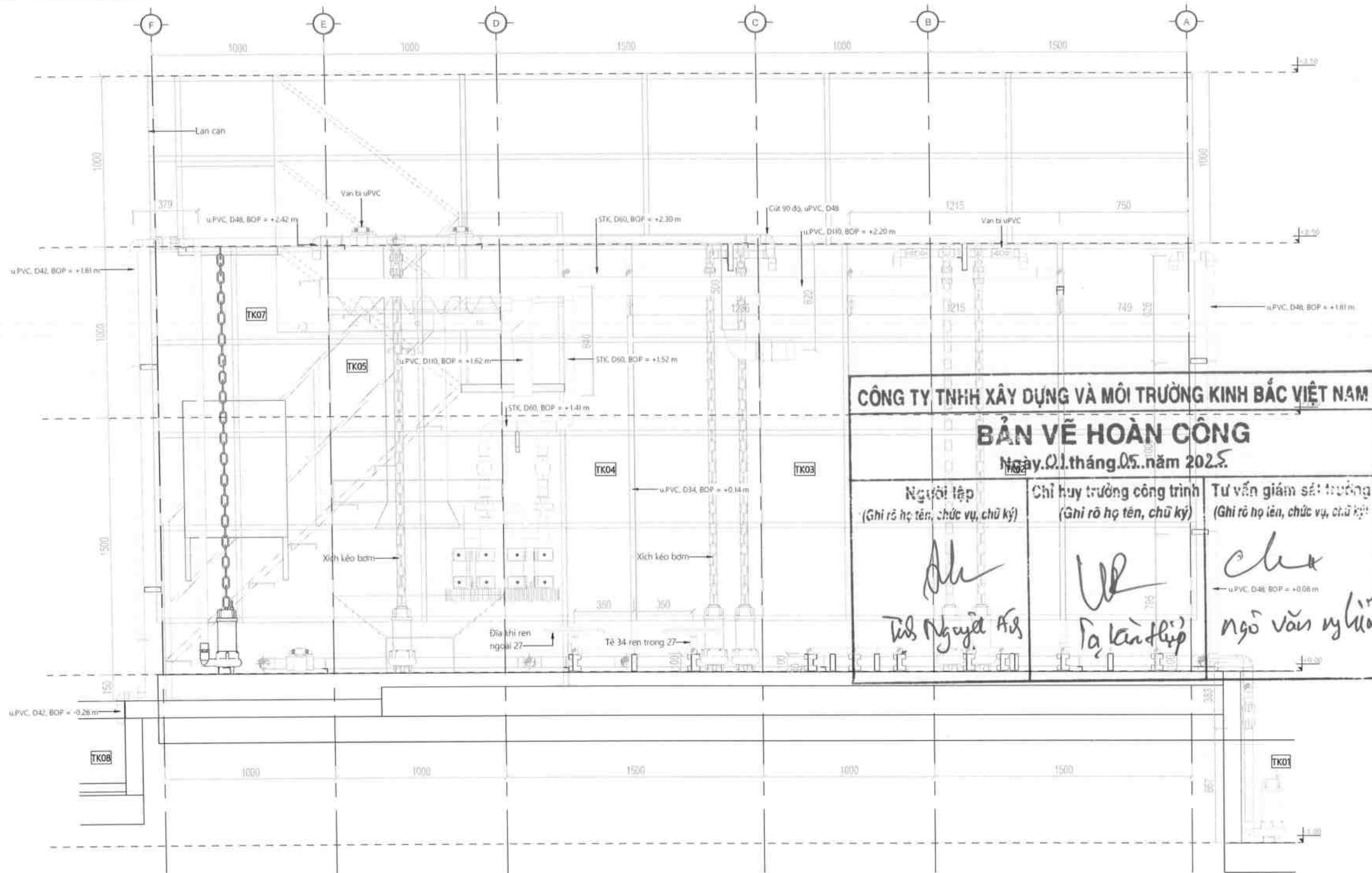


MẬT CẮT CÔNG NGHỆ A114
TỈ LỆ: 1 : 25

DANH MỤC KHỐI BỂ					
TK01	BỂ GOM NƯỚC THẢI	TK04	BỂ HIỆU KHÍ MBBR	TK07	BỂ CHỨA BÚN
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	TK08	HỒ GA LẤY MẪU
TK03	BỂ THIẾU KHÍ	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG		

GHI CHÚ	D110	VẬT LIỆU	BOP	+1000
	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH
	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH
	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH	ĐƯỜNG KÍNH

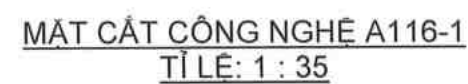
Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
Chủ trì thiết kế:			
Ta Văn Hiệp			
Kiểm tra:	Thân Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hương		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
MẬT CẮT CÔNG NGHỆ A114			
Tỷ lệ	1:25	Bản Vẽ Số	A114
Kích thước	A3	Tổng	26



MẶT CẮT CÔNG NGHỆ A115
TỈ LỆ: 1 : 25

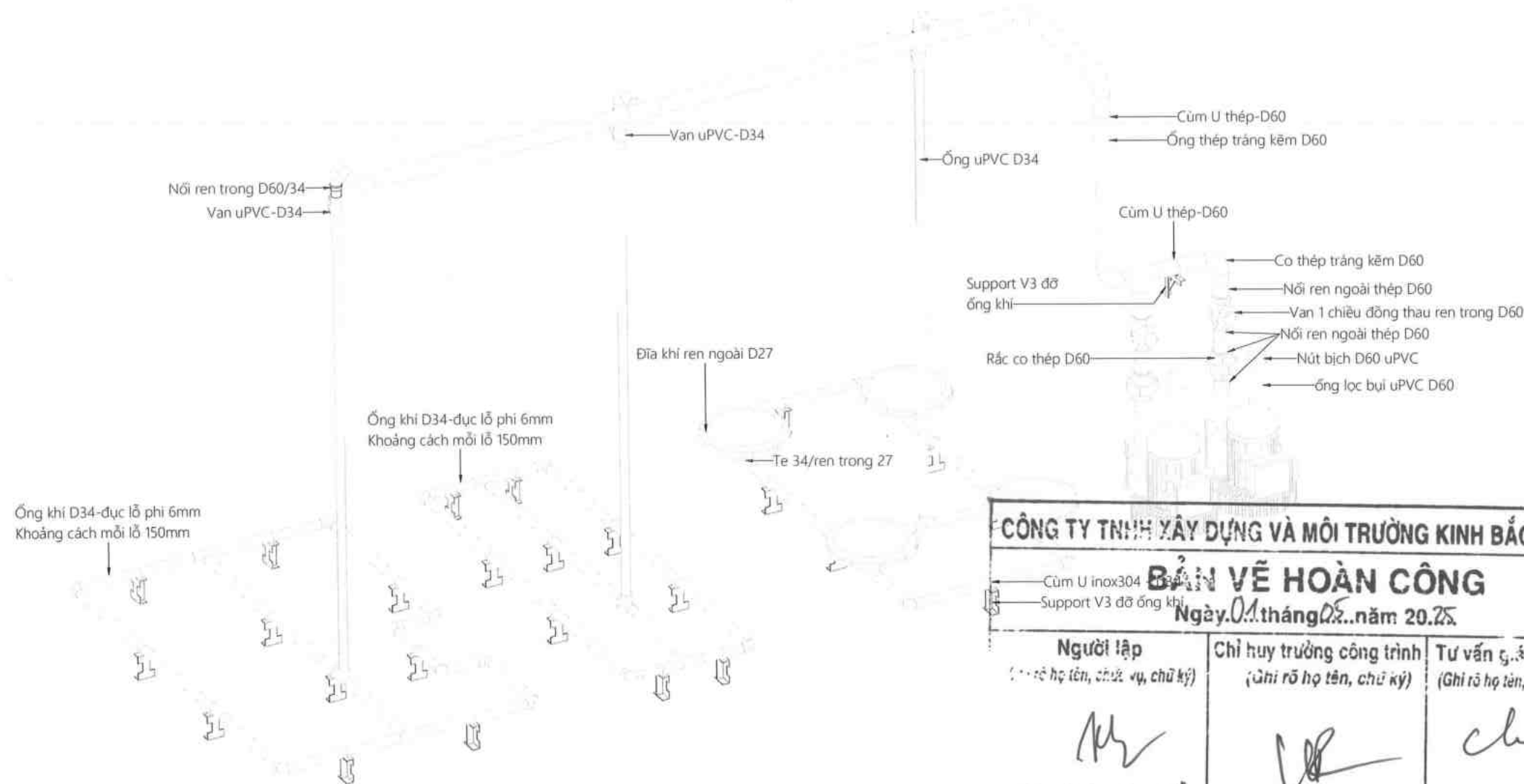
DANH MỤC KHỐI BỂ						GHI CHÚ		D110		VẬT LIỆU		BOP		+1000	
TK01	BỂ GOM NƯỚC THẢI	TK04	BỂ HIỆU KHÍ MBBR	TK07	BỂ CHỨA Bùn			DƯƠNG KÍNH	ỐNG DẠNG NGHĨA	uPVC: ỚNG NHỰA uPVC		CAO ĐỘ BẦY ỚNG		GIA TRỊ CAO ĐỘ	
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	TK08	HỒ GA LẤY MẪU					STK: ỚNG SẮT TRẮNG KỀM					
TK03	BỂ THIỂU KHÍ	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG												

Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
Chủ trì thiết kế: Tạ Văn Hiệp			
Kiểm tra:	Thần Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hương		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ A115			
Tỷ lệ	1:25	Bản Vẽ Số	A115
Kích thước	A3	Tổng	26



GHỊ CHÚ	D110	VẬT LIỆU	BOP	+1000
	ĐƯỜNG KÍNH ỐNG DẠNG NGHĨA	— uPVC. ỒNG NHỰA uPVC — STK. ỒNG SẮT TRẮNG KẼM	CÁO ĐỘ BẦY ỒNG	GIÁ TRỊ CAO ĐỘ

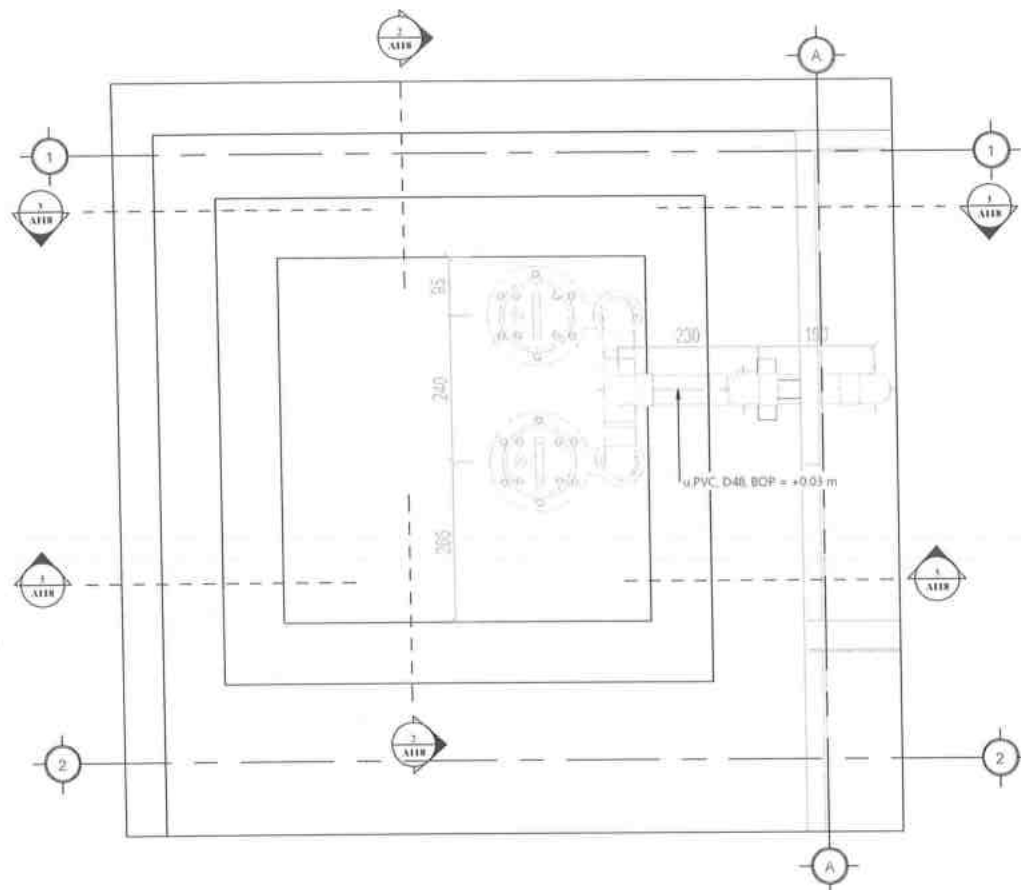
Tỷ lệ	1:35	Bản Vẽ Số	A116
Kích thước	A3	Tổng	26



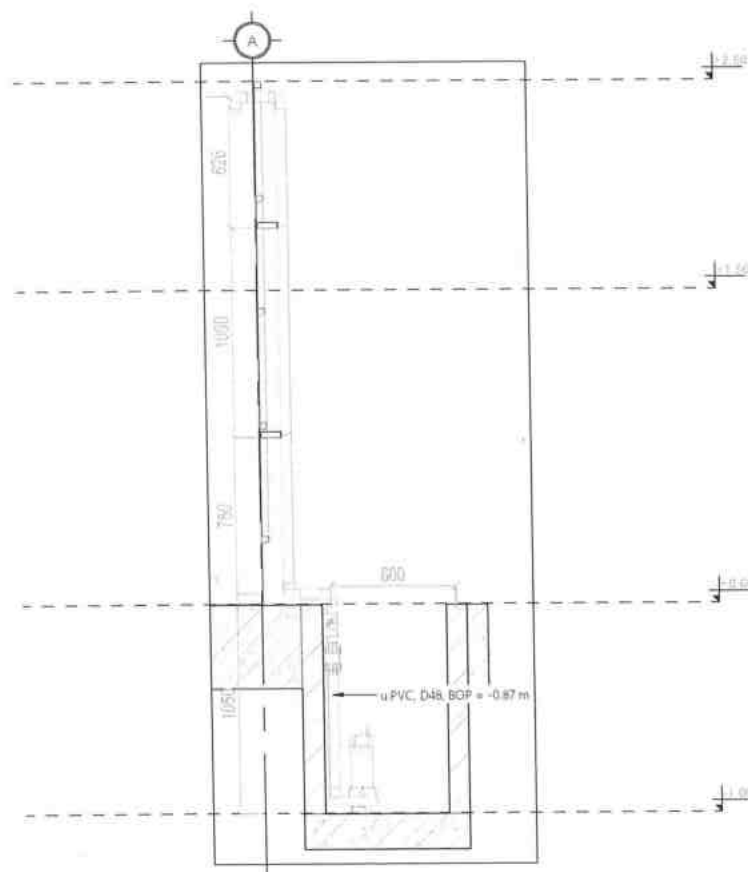
3D LẮP ĐẶT TUYẾN ỐNG KHÍ
TỈ LỆ:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 01 tháng 05 năm 2025		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Trần Nguyệt Anh	 Ta Văn Hiệp	 Ngô Văn Nghĩa

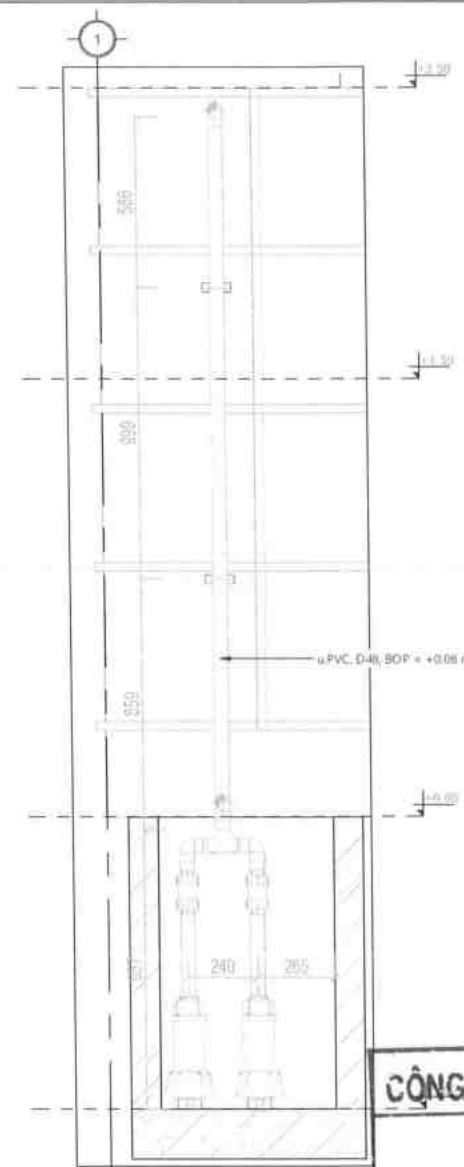
Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày	Mô tả		
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
			
Chủ trì thiết kế: Tạ Văn Hiệp			
Kiểm tra:	Thân Ngọc Trung		
Thiết kế:	Nguyễn Văn Hướng		
Vẽ:	Ngô Văn Nghĩa		
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
3D LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG KHÍ			
Tỷ lệ	1:50	Bản Vẽ Số	A117
Kích thước	A3	Tổng	26



MẶT BẰNG LẬP ĐẶT BƠM BỂ THU GOM
TỈ LỆ: 1 : 12



MẶT CẮT HỒ GOM A13-3
TỈ LỆ: 1 : 35

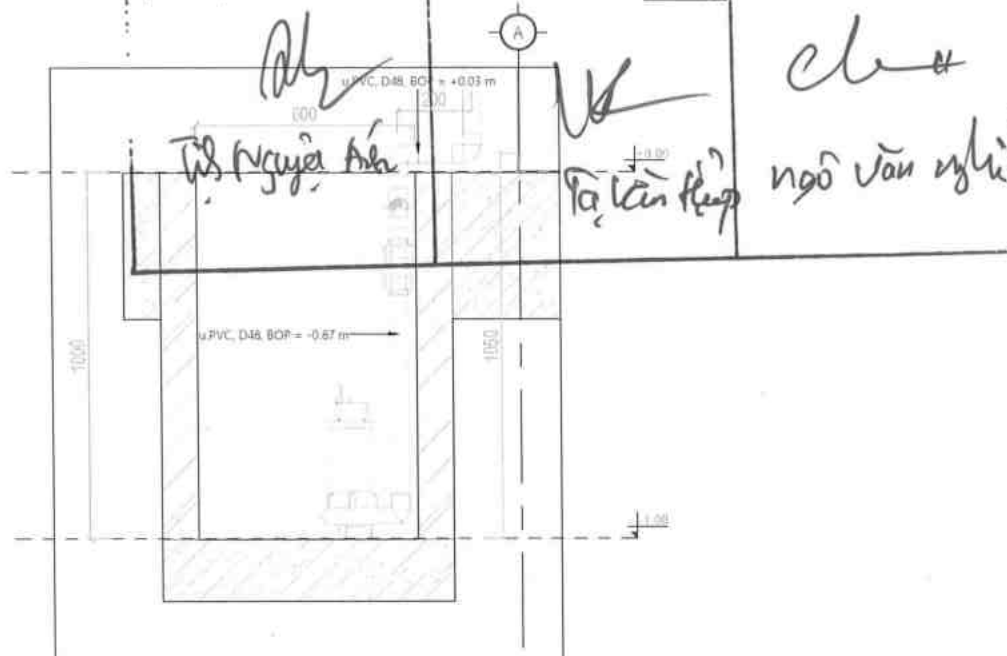


MẶT CẮT HỒ GOM A13-2
TỈ LỆ: 1 : 25



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 04 tháng 05 năm 2025

Người lập: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) *T. Nguyễn Anh*
Chỉ huy công trình: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) *T. Văn Hiệp*
Tư vấn giám sát: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) *Ngô Văn Nghĩa*



MẶT CẮT HỒ GOM A13-4
TỈ LỆ: 1 : 20

Ghi Chú			
Mục đích phát hành			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày		Mô tả	
15/04/2025			
Chủ đầu tư:			
CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
Đơn vị thực hiện:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM			
 KinhBac Construction & Environment			
Địa chỉ: 68 Đường D15 (khu dân cư Hưng Phú 2), Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh			
Giám đốc:			
			
Chủ trì thiết kế:		T. Văn Hiệp	
Kiểm tra:		Thân Ngọc Trung	
Thiết kế:		Nguyễn Văn Hướng	
Vẽ:		Ngô Văn Nghĩa	
Tên dự án:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/NGÀY ĐÊM			
Địa chỉ: Thôn phúc B, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :			
CHI TIẾT LẬP ĐẶT BỂ THU GOM			
Tỷ lệ	1:25	Bản Vẽ Số	A118
Kích thước	A3	Tổng	26

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 12M3/ NGÀY ĐÊM

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lâm Huy TP

Địa điểm: Thôn Phúc B, Xã Phúc Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Hạng mục được nghiệm thu:

- Khảo sát, thiết kế thi công, mua sắm lắp đặt và vận hành bàn giao hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 12m3/ ngày đêm.

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

1.1. CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A): CÔNG TY TNHH LÂM HUY TP

+ Ông/Bà: Nguyễn Xuân Tiến Chức vụ: Giám Đốc

+ Ông/Bà: Chức vụ:

**1.2. ĐƠN VỊ THI CÔNG (BÊN B): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI
TRƯỜNG KINH BẮC VIỆT NAM**

+ Ông/Bà: Ngô Văn Nghĩa Chức vụ: kỹ sư

+ Ông/Bà: Chức vụ:

3. Thời gian kiểm tra nghiệm thu:

+ Bắt đầu: ... ngày ... tháng ... năm 2025

+ Kết thúc: ... ngày ... tháng ... năm 2025

Tại: Công ty TNHH Lâm Huy TP

Địa chỉ: Thôn Phúc B, Xã Phúc Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

4. Công tác nghiệm thu

4.1. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế số Số: 15.01.2025/HĐKT-MTKB giữa Công ty Công ty TNHH Lâm Huy TP và Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Kinh Bắc Việt Nam

4.2. Về Khối lượng

- Theo hợp đồng được duyệt: 100% khối lượng
- Theo thực tế đạt được: 100% khối lượng

4.3. Đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu:

- Đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và đồng ý đưa vào sử dụng.

4.4. Các ý kiến khác (nếu có): N/A

5. Kết luận

Bàn giao 02 hệ thống xử lý khí thải cho Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Kinh Bắc Việt Nam

Biên bản nghiệm thu này được lập thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TÓN

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chữ
ngô văn nghĩa